

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

**Bình Định, tháng 9 năm 2020**



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Kèm theo Quyết định số 1100/QĐ-ĐHQN ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Đinh Anh Tuấn	TS, Trưởng khoa Khoa KHXH&NV	Phó Chủ tịch	
4	Bà Võ Thị Diệu Quế	Giảng viên Khoa KHXH&NV	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Doãn Thuận	TS, Phó Trưởng khoa Khoa KHXH&NV	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng Phòng KT&BDCL	Thành viên	
7	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng Phòng Đào tạo đại học	Thành viên	
8	Bà Phan Thị Kim Dung	TS, Trưởng Bộ môn Công tác xã hội	Thành viên	
9	Ông Nguyễn Đình Khoa	TS, Giảng viên Khoa KHXH&NV	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Văn Nga	ThS, Giảng viên Khoa KHXH&NV	Thành viên	
11	Ông Cao Kỳ Nam	ThS, PTP CTCTSV, Bí thư Đoàn Trường	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sinh viên & QHDN	Thành viên	
13	Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Sinh viên lớp Công tác xã hội K40	Thành viên	

*(Danh sách gồm có 13 người).*

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT.....</b>	<b>1</b>
1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo.....	1
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá chương trình đào tạo.....	3
1.2. TỔNG QUAN CHUNG .....	6
1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn .....	6
1.2.2. Giới thiệu về Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn.....	11
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ .....</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	14
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo .....	24
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....	33
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học .....	43
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....	64
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên .....	81
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....	90
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	107
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	119
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	139
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN .....</b>	<b>150</b>
1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo .....	150
1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	150
1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo .....	151
1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....	152
1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học .....	153
1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học .....	153
1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....	154
1.7. Đội ngũ nhân viên .....	155
1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....	156
1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	157

1.10. Nâng cao chất lượng .....	157
1.11. Kết quả đầu ra .....	159
2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo.....	160
2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	160
2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	160
2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	161
2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	162
2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	162
2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	162
2.7. Đội ngũ nhân viên.....	163
2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	164
2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	164
2.10. Nâng cao chất lượng.....	165
2.11. Kết quả đầu ra.....	166
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....	167
3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	167
3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	168
3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	169
3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	169
3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	170
3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	171
3.7. Đội ngũ nhân viên.....	172
3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	173
3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	174
3.10. Nâng cao chất lượng.....	175
3.11. Kết quả đầu ra.....	176
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC.....</b>	<b>181</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CB	Cán bộ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLĐT	Chất lượng đào tạo
CTĐT	Chương trình đào tạo
CSGD	Cơ sở giáo dục
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐHQN	Đại học Quy Nhơn
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
HV	Học viên
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KHXH&NV	Khoa học xã hội và nhân văn
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PGS	Phó giáo sư
SĐH	Sau đại học
SV	sinh viên
TLGD&CTXH	Tâm lý Giáo dục & Công tác xã hội
TS	Tiến sỹ
TTDL	Thông tin dữ liệu
ThS	Thạc sỹ

## **PHẦN I. KHÁI QUÁT**

### **1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

#### **1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo**

Chất lượng của chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời quyết định vị thế, sự tồn tại và phát triển của ngành đào tạo và cơ sở đào tạo. Chất lượng của CTĐT không chỉ thể hiện ở cấu trúc, nội dung hay bản mô tả chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: các hoạt động dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra (CĐR), đội ngũ giảng viên (GV), nhân viên hỗ trợ, chất lượng đầu vào, cơ sở vật chất (CSVC)... Đặc biệt là kết quả đầu ra của CTĐT phải đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ cao cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và cả nước, vì thế Trường Đại học Quy Nhơn và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn đã đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT ngành Công tác xã hội. Đây là cơ hội tốt để tự xem xét, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành Công tác xã hội để thấy rõ thực trạng chất lượng, hiệu quả của CTĐT; từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tiến tới điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng đạt chuẩn khu vực, quốc tế.

#### ***\* Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá***

CTĐT ngành Công tác xã hội bao gồm 4 phần:

Phần I. Khái quát

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (cấu trúc, nội dung chính, cách mã hóa minh chứng...);

1.1.2. Mô tả mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá; mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học...)

1.2. Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT...).

#### Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Đây là phần chính của bản báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Công tác xã hội, mô tả chi tiết kết quả tự đánh giá CTĐT, lần lượt xem xét từng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. Trong mỗi tiêu chuẩn, lần lượt xem xét theo từng tiêu chí, với mỗi tiêu chí, thực hiện lần lượt theo các bước sau:

- Mô tả: Mô tả đầy đủ, chi tiết, trung thực, khách quan và nhận định thực trạng của CTĐT theo đầy đủ các yêu cầu trong nội hàm của từng tiêu chí... Mỗi nhận định, đánh giá trong phần mô tả có các minh chứng kèm theo.

- Điểm mạnh: Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT so với các yêu cầu của các tiêu chí

- Điểm tồn tại: Nêu những điểm còn tồn tại, bất cập của CTĐT so với các yêu cầu của tiêu chí

- Kế hoạch hành động: Đưa ra kế hoạch để tiếp tục duy trì mặt mạnh và các giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại...

- Tự đánh giá: Tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của tiêu chí

#### Phần III. Kết luận

Phần Kết luận của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Công tác xã hội bao gồm các nội dung sau:

- Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn)

- Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn)

- Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT (khắc phục những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng theo các vấn đề đã nêu trong phần Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT).

- Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

- Thủ trưởng cơ sở giáo dục ký tên, đóng dấu.

#### Phần IV. Phụ lục

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng.

**\* Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá**

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành Công tác xã hội gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. Nội dung cụ thể gồm: (1) Mục tiêu và CDR của CTĐT; (2) Bản mô tả CTĐT; (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; (7) Đội ngũ nhân viên; (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (10) Nâng cao chất lượng; và (11) Kết quả đầu ra.

**\* Phương pháp mã hóa minh chứng**

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

**1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá chương trình đào tạo**

**\* Mục đích tự đánh giá**



Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Nhà trường, đơn vị. Đây là quá trình để Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành Công tác xã hội, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; từ đó tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT; đồng thời đăng ký đánh giá ngoài để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT. Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định của Nhà trường, của đơn vị. Đồng thời để Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn tiếp tục xây dựng và phát triển, trở thành một trong những đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; nghiên cứu, sáng tạo và truyền bá tri thức về khoa học xã hội và nhân văn, phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên theo đúng sứ mệnh của Khoa đã đề ra.

***\* Quy trình tự đánh giá***

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

***\* Phương pháp và công cụ đánh giá***

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công tác xã hội của Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn được thực hiện dựa trên:

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng).

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công tác xã hội của Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT.

- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục.

- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công tác xã hội, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn đã huy động cán bộ chủ chốt của Khoa tham gia tập huấn tự đánh giá chất lượng CTĐT do Nhà trường tổ chức; lên kế hoạch chi tiết và tổ chức họp viên chức toàn khoa để phổ biến kế hoạch, phân công nhiệm vụ rõ ràng và triển khai thực hiện các mảng công việc chính như: Thu thập thông tin liên lạc, dữ liệu từ sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Quá trình tiến hành tự đánh giá CTĐT ngành Công tác xã hội, nhất là viết báo cáo tự đánh giá đều có sự thống nhất và tham gia của phần lớn thành viên trong Khoa; đồng thời huy động một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

*\* Phạm vi tự đánh giá: giai đoạn 2015-2020.*

## **1.2. TỔNG QUAN CHUNG**

### **1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn**

Trường Đại học Quy Nhơn (tên tiếng Anh: Quy Nhơn University - QNU), tiền thân là cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 02/HDBT ngày 13/7/1981 thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học”. Năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành Trường Đại học Quy Nhơn, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; 2. Nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Quy Nhơn ngày càng mở rộng, ổn định về quy mô và lĩnh vực đào tạo; bảo đảm và nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo; đội ngũ giảng viên, viên chức không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất (CSVN), trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học (NCKH) được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; công tác NCKH và hợp tác quốc tế không ngừng mở rộng, đi vào chiều sâu...

Trường đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên THPT; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao, góp phần to lớn vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực và cả nước.

Trường Đại học Quy Nhơn đã xác định rõ triết lý giáo dục, sứ mệnh, tầm nhìn và hệ giá trị cốt lõi, làm nền tảng để Nhà trường hướng tới trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững trong tương lai.

Triết lý giáo dục của Nhà trường là: “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp” (Ban hành kèm theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn), với ý nghĩa sau.

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để

người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường (Ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn). được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

Sứ mệnh: “Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

Hệ giá trị cốt lõi Nhà trường hướng tới là: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.”

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;
- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;
- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu khoa học và công nghệ; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.

Nhà trường hiện có 12 khoa, 15 đơn vị chức năng (trong đó có 10 phòng, 01 văn phòng Đảng - Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện, 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị trực thuộc (04 trung tâm, 01 viện nghiên cứu ứng dụng khoa học và công

nghe) và các tổ chức, đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức.

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Nhà trường bảo đảm về số lượng và phát triển về chất lượng. Tính đến tháng 9/2020, Trường có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 giảng viên, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 NCS (81 NCS trong nước và 36 NCS nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ thạc sĩ; tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm 37,27%, vượt 12,27% chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường đến năm 2020.

Về ngành nghề và quy mô đào tạo, Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên THPT; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao; trong đó đào tạo giáo viên (sư phạm) là thế mạnh của Trường. Trường hiện đào tạo 46 ngành đại học với quy mô hơn 19.000 SV (hệ chính quy và không chính quy); đào tạo 22 chuyên ngành thạc sĩ và 3 chuyên ngành tiến sĩ với quy mô hơn 1.200 học viên, NCS.

Hoạt động NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là một nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả đáng kể. Trong 5 năm trở lại đây, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh; có hàng trăm bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng như SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế, thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài.

Về hợp tác quốc tế, Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển theo chiều sâu trong liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới, tạo cơ hội để giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Bỉ, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan...

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, Nhà trường có diện tích đất là 24 ha; trong đó gần 13,2 ha là cơ sở chính ở tại trung tâm thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, và gần 11 ha là Khu Nghiên cứu và Thực nghiệm Nông nghiệp theo hướng công nghệ cao Nhơn Tân ở tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, cách Trường khoảng 40 km. Trường có hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có đủ hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn. Thư viện của Trường có đủ đầu sách, giáo trình, tài liệu, được kết nối với hệ thống Thư viện quốc và các trường đại học. Nhà luyện tập thể dục thể thao với diện tích sàn gần 1.800m<sup>2</sup> phục vụ tốt cho việc dạy học, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của sinh viên.

Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được chú trọng đầu tư ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo. Các phần mềm được triển khai ứng dụng: Cổng thông tin điện tử - Portal; Quản lý nhân sự - HRM; Quản lý khảo sát ý kiến sinh viên - eSurvey; Quản lý tạp chí khoa học - JMS; Quản lý văn bản, công việc - eOffice; Quản lý tuyển sinh đại học chính quy online;... Mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại các khu KTX; triển khai E-Learning. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

Về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, năm 2016-2017, Trường đã thực hiện kiểm định và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Năm 2019-2020, thực hiện kiểm định và được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho ba ngành đào tạo Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện (các Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 92/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 93/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Hiện nay Trường đang tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài 09 chương trình đào tạo. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường bảo đảm, nâng cao chất lượng đào

tạo, đồng thời công khai, giải trình với các bên liên quan và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

### **1.2.2. Giới thiệu về Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn**

#### ***\* Quá trình hình thành và phát triển***

Thực hiện Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức, ngày 21 tháng 5 năm 2019, Trường Đại học Quy Nhơn đã quyết định thành lập Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn (trên cơ sở sáp nhập các Khoa: Ngữ văn, Lịch sử, Tâm lý-Giáo dục và Công tác xã hội).

Trong xu thế phát triển đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội theo định hướng ứng dụng gắn liền với nghiên cứu thực nghiệm lấy nhân văn làm nền tảng, sự ra đời của khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn là một bước phát triển mới trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của Trường Đại học Quy Nhơn. Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn luôn bám sát mục tiêu đào tạo, hướng tới đạt chuẩn chất lượng với mục tiêu tất cả vì quyền lợi của người học. Sinh viên tốt nghiệp từ khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn sẽ đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi tiếp nhận công việc, có những kỹ năng làm việc thực tế và khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin.

Trong thời gian tới, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn sẽ chú trọng công tác xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, xây dựng các nhóm nghiên cứu và triển khai các hướng nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực Ngữ văn, Lịch sử, Khu vực học, Văn học, Tâm lý, Giáo dục, Công tác xã hội...., chuyển giao kết quả nghiên cứu góp phần phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn hiện có 01 Trưởng khoa, 02 Phó Trưởng khoa; Hội đồng khoa gồm: Chủ tịch Hội đồng và 06 thành viên; 04 Bộ môn gồm: Ngữ văn, Lịch sử - Khu vực học; Tâm lý - Giáo dục, Công tác xã hội. Bên cạnh đó, Khoa còn có Chi bộ Đảng (đảng viên), Công đoàn bộ phận (công đoàn viên), Liên chi đoàn Thanh niên (đoàn viên) và Liên chi hội Sinh viên (hội viên). Đội ngũ giảng viên của Khoa ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao trình độ, chất lượng, được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp sư phạm tốt và tâm huyết với nghề. Hiện nay, Khoa có đội ngũ viên chức cơ hữu gồm có 47 giảng viên,



chuyên viên (03 PGS, 19 Tiến sĩ, 24 Thạc sĩ, 01 Cử nhân) với độ tuổi bình quân là 41.32.

Trong gần 02 năm xây dựng và phát triển, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn đang đào tạo hơn 787 sinh viên hệ chính quy thuộc 6 ngành đào tạo là Văn học, Việt Nam học, Đông phương học, Tâm lý học giáo dục, Quản lý giáo dục và Công tác xã hội và 115 học viên hệ vừa học vừa làm ngành Công tác xã hội. Hiện nay đã có 154 sinh viên tốt nghiệp và được cấp bằng cử nhân. Khoa cũng đang đào tạo 201 học viên cao học thuộc 4 chuyên ngành đào tạo là Quản lý giáo dục, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Lịch sử Việt Nam. Hiện nay đã có 49 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và được cấp bằng Thạc sĩ đợt 1, 92 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ đợt 2.

Khoa được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo và phát triển năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài theo Khung năng lực 6 bậc của Bộ từ năm 2002 đến nay. Khoa hiện đã và đang triển khai dạy tiếng Việt cho sinh viên Lào tại Trường Đại học Quy Nhơn với năng lực đào tạo mỗi năm 60 sinh viên (từ năm 2002 đến 2010) và 20 sinh viên (từ năm 2010 đến 2020) và tại Đại học Đà Nẵng phân hiệu Kon Tum với năng lực đào tạo mỗi năm 40 sinh viên (từ năm 2002 đến 2020).

Các ngành và trình độ đào tạo hiện nay Khoa đang đảm nhiệm gồm:

Trình độ Đại học hệ chính quy gồm các ngành: Văn học (chuyên ngành Báo chí), Việt Nam học, Đông phương học (chuyên ngành Nhật Bản học và Trung Quốc học), Tâm lý học giáo dục, Quản lý giáo dục, Công tác xã hội.

Trình độ Đại học hệ Vừa làm vừa học chỉ có ngành Công tác xã hội

Trình độ Thạc sĩ gồm các chuyên ngành: Quản lý giáo dục, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Lịch sử Việt Nam.

#### ***\* Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

- Đề xuất và triển khai thực hiện 05 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2020; triển khai thực hiện 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (có 01 đề tài đã được nghiệm thu); tổ chức nghiệm thu 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2019; xuất bản 10 sách chuyên khảo phục vụ đào tạo.

- Hướng dẫn 6 nhóm sinh viên hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên với 15 sinh viên tham gia (có 02 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên tham gia dự thi cấp trường và đạt giải Ba).

- Tổ chức thành công các Seminar cấp Khoa (16 chủ đề).

- Có 24 bài báo khoa học của giảng viên được đăng trên các tạp chí, hội thảo khoa học...trong nước và ngoài nước.

- Triển khai kế hoạch giảng dạy và cấp giấy chứng nhận tiếng Việt cho lưu học Lào tại Quy Nhơn, Bình Định và Kon Tum. Triển khai kế hoạch giảng dạy cho lưu học sinh Lào năm học 2019-2020 tại Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum.

- Triển khai các hoạt động liên kết, hỗ trợ sinh viên chuyên ngành Nhật Bản học K41 đi thực tập tại Nhật Bản.

**\* Về một số thành tích nổi bật**

- Chi bộ: giấy khen đạt thành tích Chi bộ trong sạch vững mạnh 2019, theo Quyết định số 370-QĐ/ĐU.

- Công đoàn: Trong năm học 2019-2020, công đoàn khoa KHXH&NV được Nhà trường khen thưởng danh hiệu “Công đoàn bộ phận xuất sắc”, có 06 cá nhân được Ban chấp hành Công đoàn trường tặng giấy khen, có 46 cá nhân đạt danh hiệu “công đoàn viên xuất sắc”

- Đoàn thanh niên: Trong năm học 2019-2020, Liên chi đoàn khoa KHXH&NV được nhận bằng khen của Tỉnh đoàn Bình Định nhân kỷ niệm 20 năm phong trào tình nguyện hè. Cũng trong năm học này, Liên chi đoàn có 11 đoàn viên được khen cấp Đoàn trường, 01 đoàn viên được khen cấp Tỉnh đoàn và 02 tập thể được khen cấp Đoàn trường, tập thể Liên chi đoàn được khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Hội sinh viên: Trong năm học 2019-2020, Liên chi Hội khoa KHXH&NV được khen thưởng cấp trường. Liên chi Hội có 01 hội viên được khen thưởng cấp Tỉnh hội, 02 tập thể và 12 cá nhân được khen thưởng cấp Hội sinh viên Trường, 01 tập thể và 01 cá nhân được khen thưởng nhiệm kỳ 2018-2020.

- Chính quyền: Trong năm học 2019-2020, Khoa KHXH&NV đạt danh hiệu thi đua Tập thể lao động tiên tiến; có 04 cá nhân được tặng giấy khen của Hiệu trưởng; 05 cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và 41 cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

## **PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### ***Mở đầu***

Khoa Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội trước đây và Khoa học Xã hội và Nhân văn hiện nay thuộc Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở đào tạo đầu tiên về lĩnh vực Công tác xã hội ở khu vực miền Trung được Bộ GD&ĐT cho phép mở mã ngành đào tạo Công tác xã hội từ năm 2015 cho đến nay. Hiện Khoa có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, phù hợp chuyên ngành đào tạo.

CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT, thể hiện được mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học và đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu và CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp triết lý giáo dục, sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN và của Khoa KHXH&NV, thể hiện rõ năng lực của người học sau khi tốt nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực, và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học năm 2012 và Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018.

Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, mục tiêu và CDR của CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các ý kiến đóng góp của các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, người dạy, người học...; mục tiêu và CDR được công bố công khai cho người học, giảng viên và các đơn vị tuyển dụng thông qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan tiếp cận thông tin về ngành học

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.***

#### ***1. Mô tả***

Mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội được xác định đầy đủ, rõ ràng và được rà soát, cập nhật định kỳ 2 năm một lần theo hướng dẫn của Nhà trường [H1.01.01.01]. Trên cơ sở đó, Khoa đã rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT đại học, cao đẳng hệ chính quy ngành Công tác xã hội [H1.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT

được xây dựng chủ yếu dựa trên sự đóng góp ý kiến rộng rãi của các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, cựu học viên, người dạy, người học thông qua khảo sát bằng bảng phỏng vấn [H1.01.01.03]. Đồng thời, còn có sự tham gia góp ý bài bản, sự đồng thuận nhất trí của các thành viên của bộ môn Công tác xã hội, Hội đồng Khoa phụ trách việc phản biện, thẩm định và đề xuất Nhà trường thông qua [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát các bên liên quan năm 2017 cho thấy mục tiêu của CTĐT năm 2015 vẫn còn phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động nên chưa cần thiết phải xây dựng lại. Tuy nhiên, đến năm 2019, kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu của CTĐT chưa xác định một cách cụ thể, rõ ràng, chưa hướng đến mục tiêu thực hành nghề nghiệp nhiều để đáp ứng tốt hơn với nhu cầu nguồn nhân lực thị trường về một đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp. Trên cơ sở đó, Khoa đã xây dựng lại mục tiêu của CTĐT năm 2019. So sánh với mục tiêu của CTĐT năm 2015 cho thấy, mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội năm 2019 đã được xác định một cách rõ ràng và thực tế hơn, chú trọng thực hành nghề nghiệp thể hiện ở cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Theo đó, mục tiêu chung được xác định là “Đào tạo cử nhân công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có hệ thống kiến thức cơ bản, cơ sở chuyên ngành; có kỹ năng, nghiệp vụ thành thạo để thực hành nghề công tác xã hội trong các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể quần chúng, các cơ sở xã hội, trung tâm tư vấn... và trong nhiều lĩnh vực lao động thương binh và xã hội, gia đình, y tế, giáo dục, truyền thông...; có khả năng thích nghi với nhiều môi trường làm việc khác nhau”. Mục tiêu cụ thể nhằm đạt được 3 giá trị cốt lõi sau đây: về kiến thức, trang bị các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, ngoại ngữ, quốc phòng - an ninh để học tập suốt đời, trang bị cho người học các kiến thức sâu rộng về ngành công tác xã hội để giải quyết các vấn đề chuyên môn nghề nghiệp; về kỹ năng, trang bị cho người học các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng phản biện, phê phán, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc, kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác, khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin căn bản, kỹ năng đánh giá vấn đề chuyên môn cụ thể, kỹ năng thực hành nghề công tác xã hội, khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn; về mức tự chủ và trách nhiệm, trang bị cho người học khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm

trong nhiều môi trường khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ, khả năng tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc **[H1.01.01.05]**.

Bên cạnh đó, Khoa cũng xây dựng ma trận các kỹ năng, trong đó thể hiện rõ sự đóng góp của từng học phần trong việc đạt được mục tiêu và CDR của CTĐT **[H1.01.03.06]**.

Có thể thấy, các mục tiêu trên đây của CTĐT ngành Công tác xã hội hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN. Các mục tiêu trên đây cũng hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của khoa KHXH&NV **[H1.01.01.07]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội cũng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại Điều 5 của Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 **[H1.01.08]**.

Mục tiêu của CTĐT cũng được xây dựng trên cơ sở đối sánh giữa CTĐT của Trường Đại học Quy Nhơn với CTĐT của các cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Công tác xã hội trong nước. Kết quả đối sánh cho thấy có sự tương thích khá nhiều về mục tiêu đào tạo giữa các CTĐT ở các trường **[H1.01.01.09]**.

Mục tiêu của CTĐT sau khi được xây dựng hoàn chỉnh đã được công bố công khai và rộng rãi để nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, người dạy, người học nắm rõ bằng cách cập nhật trên trang thông tin điện tử của Khoa KHXH&NV **[H1.01.01.10]**.

## *2. Điểm mạnh*

- Mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN, của Khoa KHXH &NV, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018.

- Mục tiêu của CTĐT cũng được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Khoa đã phổ biến nhiệm vụ đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

## *3. Điểm tồn tại*

- Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT mới chỉ lấy được ý kiến của các bên liên quan thông qua khảo sát bằng bảng hỏi chứ chưa tổ chức được cuộc họp hay hội thảo/ hội nghị để lấy ý kiến trực tiếp.

- Mục tiêu của CTĐT khi xây dựng chưa được đối sánh với các CTĐT tiên tiến trên thế giới nên tính linh hoạt và cập nhật chưa cao.

#### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KHXH&NV sẽ tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động về các nội dung cụ thể của mục tiêu bằng cả hai hình thức là thông qua phiếu khảo sát và tổ chức hội thảo để lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội ngày càng cao về đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đặc thù như công tác xã hội trường học, bệnh viện, các cơ sở xã hội...

- Mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội sẽ được Khoa tiếp tục cập nhật trong các năm tiếp theo các nội dung mới cho hòa nhập và bắt kịp với xu thế phát triển ngành Công tác xã hội trên thế giới trên cơ sở tham khảo, đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong trên thế giới.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo***

#### *1. Mô tả*

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội, Khoa đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn của Trường ĐHQN [H1.01.02.01]. Khoa xây dựng CĐR của CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan, bao gồm nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, người dạy, người học về nhu cầu của thị trường lao động, về mục tiêu và CĐR của CTĐT [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]. CĐR của CTĐT còn được xây dựng dựa vào các thảo luận, góp ý trong các cuộc họp của các tổ bộ môn và Hội đồng Khoa và đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua [H1.01.02.04]. Kết quả tổng hợp thông tin khảo sát các bên liên quan năm 2017 cho thấy CĐR và khung

CTĐT của CTĐT ngành Công tác xã hội năm 2015 vẫn còn phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động chưa cần thay đổi, do đó Khoa không xây dựng lại CĐR và khung CTĐT hiện hành. Kết quả khảo sát các bên liên quan năm 2019 về CTĐT năm 2015 cho thấy có một số chuẩn chưa cụ thể và chưa thực tế, chưa có thể đánh giá được mức năng lực đạt được của về kiến thức, kỹ năng và thái độ với mức năng lực cụ thể, do đó khó đo đếm được hiệu quả đào tạo sau khi sinh viên tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, Khoa đã xây dựng lại CĐR của CTĐT năm 2019. So sánh với CĐR của CTĐT năm 2015 có thể nhận thấy CĐR năm 2019 đã được xác định đầy đủ, rõ ràng và có thể đánh giá mức năng lực của người học, CĐR được thể hiện trong CTĐT, bản mô tả CTĐT và CTDH của ngành Công tác xã hội và phản ánh được mục tiêu của CTĐT [H1.01.02.05]. Theo đó, CĐR của CTĐT năm 2019 đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Cụ thể, CĐR đã bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt bao gồm 3 phần cốt lõi mà người học cần đạt được sau hoàn thành CTĐT, đó là: Về kiến thức (vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, ngoại ngữ, quốc phòng - an ninh...để giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động công tác xã hội; vận dụng kiến thức cơ sở ngành gồm các lĩnh vực tâm lý, xã hội, giáo dục, văn hóa, địa lý, thống kê, tin học...làm nền tảng cho việc tiếp nhận kiến thức chuyên ngành và phát triển năng lực, giá trị cá nhân trong xã hội; phát triển các kiến thức nâng cao của ngành công tác xã hội gồm lý thuyết công tác xã hội, chính sách, an sinh xã hội, tham vấn, quản trị; các lĩnh vực chuyên sâu của công tác xã hội như sức khỏe, giáo dục, giới, người khuyết tật, trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số...; các phương pháp công tác xã hội ở các cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng để giải quyết các vấn đề chuyên môn). Về kỹ năng (vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học cơ bản để thực hành nghề nghiệp; có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng; khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây

dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế). Về mức tự chủ và trách nhiệm (khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn). Bên cạnh đó, đối với các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học, Nhà trường cũng có quy định cụ thể về CĐR dành cho sinh viên từng ngành, từng khoá cụ thể **[H1.01.02.06]**.

CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội còn phản ánh rõ sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực và của Khoa KHXH&NV với thế mạnh đào tạo chuyên sâu về khoa học xã hội và nhân văn nói chung và công tác xã hội nói riêng và được thể hiện thông qua các tài liệu quảng bá, các bản tin về CTĐT **[H1.01.02.07]**, **[H1.01.02.08]**. Bên cạnh đó, Khoa cũng xây dựng ma trận các kỹ năng thể hiện rõ mức độ đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT, trong đó có mức đánh giá được quy định theo các ký hiệu: L (mức thấp), mức M (mức trung bình) và H (mức cao) **[H1.01.02.09]**. Hơn nữa, đề cương chi tiết của mỗi học phần đều có CĐR và phù hợp với ma trận các kỹ năng của CĐR của CTĐT **[H1.01.02.10]**. CĐR của CTĐT cũng được xây dựng trên cơ sở đối sánh giữa CĐR CTĐT ngành Công tác xã hội Trường Đại học Quy Nhơn với CĐR của các cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Công tác xã hội trong nước. Kết quả đối sánh cho thấy có sự tương thích khá nhiều về CĐR giữa các CTĐT ở các trường **[H1.01.02.11]**.

CĐR của CĐT ngành Công tác xã hội cũng được công bố rộng rãi, công khai tới cán bộ, giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động thông qua website của Khoa, giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành học, có sự lựa chọn hợp lý khi tham gia vào ngành học **[H1.01.02.12]**.

## *2. Điểm mạnh*



- CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội đã được xác định rõ ràng, súc tích, thể hiện được mục tiêu của CTĐT và phù hợp với triết lý giáo dục, sứ mệnh, tầm nhìn của Trường và Khoa.

- CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội đã bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp

- CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội được thiết kế nhằm phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập, tìm kiếm thông tin và nhận hỗ trợ từ cố vấn học tập và giảng viên. Từ đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản cũng như phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như khả năng tự chủ và trách nhiệm.

### *3. Điểm tồn tại*

- Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CDR của CTĐT chưa được tiến hành thường xuyên theo từng năm học.

- Chưa tổ chức được hội thảo để lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng CDR của CTĐT.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan về CDR của CTĐT trên hệ thống website, trang facebook của Khoa KHXH&NV một cách đều đặn và thường xuyên theo từng năm học.

- Cũng trong năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tổ chức một hội thảo với khách mời là đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành, đoàn thể, cơ sở xã hội, trường học, bệnh viện... để lắng nghe ý kiến phản hồi, góp ý về CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội. Trên cơ sở đó Khoa sẽ điều chỉnh, bổ sung để CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội được cập nhật, phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường lao động.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.***

#### *1. Mô tả*

Việc xây dựng CDR của một CTĐT phải phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có sự tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng để đảm bảo tính phù hợp

với nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với sự phát triển của xã hội. Để thực hiện việc cập nhật, sửa đổi CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội định kỳ 2 năm một lần theo hướng dẫn của Nhà trường, Khoa đã tiến hành xây dựng khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, người dạy về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và về CĐR của CTĐT [H1.01.03.01]. [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Việc xây dựng CĐR của CTĐT còn được sự đóng góp ý kiến và sự thống nhất cao của các thành viên trong Bộ môn, của Hội đồng Khoa. Sau khi hoàn thành, CĐR của CTĐT được Nhà trường chính thức thông qua [H1.01.03.04]. CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong CTĐT, bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học ngành Công tác xã hội [H1.01.03.05]. Nếu như nội dung CĐR của CTĐT năm 2015 được thiết kế đạt ba chuẩn là kiến thức, kỹ năng và thái độ, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp thì nội dung CĐR của CTĐT năm 2020 được thiết kế đạt được ba chuẩn đầu kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp ngành công tác xã hội và triển vọng việc làm trong tương lai như sau. Cụ thể, về kiến thức (vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, ngoại ngữ, quốc phòng - an ninh... để giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động công tác xã hội; vận dụng kiến thức cơ sở ngành gồm các lĩnh vực tâm lý, xã hội, giáo dục, văn hóa, địa lý, thống kê, tin học... làm nền tảng cho việc tiếp nhận kiến thức chuyên ngành và phát triển năng lực, giá trị cá nhân trong xã hội; phát triển các kiến thức nâng cao của ngành công tác xã hội gồm lý thuyết công tác xã hội, chính sách, an sinh xã hội, tham vấn, quản trị; các lĩnh vực chuyên sâu của công tác xã hội như sức khỏe, giáo dục, giới, người khuyết tật, trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số...; các phương pháp công tác xã hội ở các cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng để giải quyết các vấn đề chuyên môn). Về kỹ năng (vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học cơ bản để thực hành nghề nghiệp; có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng; khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công

tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế). Về mức tự chủ và trách nhiệm (khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn).

CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội phản ánh rõ sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường và của Khoa KHXH&NV [H1.01.03.06]. Khoa cũng xây dựng ma trận các kỹ năng [H1.01.03.07]. Hơn nữa, CĐR của CTĐT còn được thể hiện thông qua các CĐR của các học phần [H1.01.03.08].

CĐR của CTĐT cũng được xây dựng trên cơ sở đối sánh giữa CTĐT ngành Công tác xã hội Trường Đại học Quy Nhơn với CTĐT của các cơ sở đào tạo có uy tín liên quan đến ngành Công tác xã hội trong nước. Kết quả đối sánh cho thấy có sự tương thích khá nhiều về CTĐT ở các trường [H1.01.03.09]. Ngoài ra, CĐR của CTĐT cũng được xây dựng trên cơ sở so sánh kết quả xếp loại đối với người học tốt nghiệp CTĐT trong 5 năm (2015-2020) [H1.01.03.10].

Để tạo thuận lợi cho các bên liên quan tìm kiếm thông tin về ngành học, Khoa cũng được công bố rộng rãi, công khai CĐR và CTĐT ngành Công tác xã hội đến cán bộ, giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động thông qua website của Khoa [H1.01.03.11].

## *2. Điểm mạnh*

- CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần trên cơ sở hướng dẫn của Trường ĐHQN, có sự tham khảo các CTĐT ngành Công tác xã hội của các trường uy tín trong nước và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; có so sánh kết quả xếp loại đối với người học tốt nghiệp CTĐT.

- CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội được công bố công khai cho nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, người dạy và người học qua website của Khoa và được thể hiện trong từng năm học cụ thể và từng học phần cụ thể.

## *3. Điểm tồn tại*

- Số lượng cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động tham gia khảo sát để góp ý cho CDR và CTĐT còn ít.

- Hình thức công khai CDR của CTĐT chưa đa dạng, chủ yếu là thông qua trang web của Khoa.

#### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan về CDR và CTĐT với số lượng nhà tuyển dụng và cựu sinh viên tham gia khảo sát nhiều hơn. Khoa sẽ thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động về CDR trên hệ thống website, trang facebook Khoa KHXH&NV một cách đều đặn và thường xuyên hơn.

- Khoa sẽ tăng cường hơn nữa việc công khai CDR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn như phổ biến vào đầu năm học, các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt chuyên đề, tư vấn tuyển sinh, thông qua bản tin, tờ rơi... để sinh viên nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường và của Khoa, mục tiêu thể hiện được hướng đào tạo chuyên sâu ngành Công tác xã hội đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về một đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội được thiết kế nhằm phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của người học, đồng thời tạo điều kiện cho người học giao lưu, học tập, tìm kiếm thông tin và sự hỗ trợ từ phía giảng viên và cố vấn học tập, người học có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội được xây dựng tâm huyết của Nhà trường cùng với sự đóng góp với trí tuệ của các bên liên quan. CDR còn có sự

tham khảo, đối sánh với một số CTĐT của các trường, học viện trên cả nước để có tính tương thích và phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Một số hạn chế của mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội được xác định: Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT chưa lấy được số lượng lớn ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động; chưa được kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; chưa đa dạng hình thức khảo sát; chưa được thực hiện định kỳ hàng năm; chưa tổ chức được hội thảo, hội nghị để lấy ý kiến các bên liên quan. Mục tiêu và CĐR của CTĐT còn chưa được đối sánh với các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới nên còn hạn chế trong việc cập nhật những nội dung mới nhất của ngành nghề Công tác xã hội trên thế giới.

Nhận thấy được những hạn chế này nên Khoa đã đề ra một số đề xuất để khắc phục. Hàng năm, Khoa sẽ rà soát lại mục tiêu, CĐR của CTĐT, tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động với số lượng lớn và bằng nhiều hình thức khác nhau; tổ chức thảo luận, hội nghị để lấy ý kiến các bên liên quan; tiến hành đối sánh mục tiêu và CĐR của CTĐT với các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới để mang tính cập nhật, tiên tiến hơn.

Tự đánh giá theo 03 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công tác xã hội đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí, trong đó cả 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chuẩn đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### ***Mở đầu***

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành Công tác xã hội được xây dựng năm 2010, được điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2013, 2015 và 2019 để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT được xây dựng rõ ràng, đầy đủ thông tin, cập nhật và gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá học phần. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp người học hiểu về CTĐT; giúp cho nhà tuyển

dụng lao động nắm bắt được các thông tin cần thiết, đặc biệt là về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, chịu trách nhiệm mà người học; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là cơ sở cho việc thu nhận thông tin phản hồi từ phía người học, người dạy, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, giúp cho việc cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến.

***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

***1. Mô tả***

Năm 2010, Trường ĐHQN chuyển từ hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo đó CTĐT và bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội theo hệ thống tín chỉ cũng được Khoa xây dựng chi tiết, cụ thể. Đó là vào các năm 2013 và 2015, CTĐT và bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội lần lượt được chỉnh sửa, cập nhật theo kế hoạch và quy định của Nhà trường. Đến năm 2019, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn cập nhật, chỉnh sửa CTĐT và bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01]. Trên cơ sở đó Khoa KHXH & NV đã tiến hành cập nhật, chỉnh sửa CTĐT và bản mô tả CTĐT ngành công tác xã hội [H2.02.01.02]. Bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội được xây dựng trên cơ sở góp ý của các bên liên quan thông qua khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, người học, người dạy và với sự đóng góp ý kiến nhiệt tình, trách nhiệm của các thành viên trong bộ môn, của Hội đồng Khoa thông qua các cuộc họp và đã được ban hành năm 2020 [H2.02.01.03], [H2.02.01.04].

So với bản mô tả CTĐT năm 2015, bản mô tả CTĐT năm 2020 có sự thay đổi đáng kể về cả hình thức lẫn nội dung, trong đó đầy đủ thông tin cập nhật: giảm số đầu môn đại cương và tăng đầu môn chuyên ngành, một số học phần được chuyển từ hình thức bắt buộc sang chuyên đề tự chọn; bổ sung mới nhiều chuyên đề tự chọn cho kiến thức ngành và học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, cập nhật nhiều học phần chuyên ngành mới như công tác xã hội trong trường học, công tác xã hội trong bệnh viện... phù hợp với xu thế phát triển theo hướng chuyên nghiệp của ngành Công tác xã hội ở Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động về đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp cung cấp các dịch vụ công tác xã hội cho các nhóm yếu thế. Bản mô tả CTĐT có các thông tin cụ thể như sau:

- Thông tin chung: tên trường; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; mã ngành; tên tiếng Anh; tên các chuyên ngành, loại hình đào tạo; hình thức đào tạo

- Thông tin mô tả CTĐT: giới thiệu về CTĐT, thông tin chung về CTĐT, sứ mệnh - tầm nhìn - triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT, chuẩn đầu ra của CTĐT, phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá.

- Thông tin mô tả chương trình dạy học (CTDH): cấu trúc CTDH, ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt được CDR của CTĐT, danh sách các học phần, sơ đồ chương trình giảng dạy, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của CTĐT, mô tả tóm tắt các học phần **[H2.02.01.05]**.

Bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của các cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Công tác xã hội có uy tín trong nước như Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền...Việc đối chiếu, rà soát các CTĐT tiên tiến trong nước giúp cập nhật những thông tin mới mẻ và phù hợp với thị trường lao động của ngành CTXH **[H2.02.01.06]**.

Bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội cũng được công bố rộng rãi, công khai tới cán bộ, giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động thông qua các tài liệu quảng bá về CTĐT, môn học, bản tin, tờ rơi hay sổ tay sinh viên... giúp người học cũng như thí sinh có cái nhìn đa chiều, toàn diện về CTĐT ngành CTXH tại Trường ĐHQN khi lựa chọn trường đăng kí theo học. Việc công khai bản mô tả CTĐT cũng giúp cho SV năm đầu hiểu về chương trình đào tạo để chuẩn bị kế hoạch học tập đạt hiệu quả **[H2.02.01.07]**, **[H2.02.01.08]**. Để thông tin về ngành CTXH có thể phổ cập rộng hơn đến các bên liên quan, Khoa cũng chủ động đăng tải trên website của Khoa **[H2.02.01.09]**.

## *2. Điểm mạnh*

- Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội rất đầy đủ thông tin và cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến ngành và được xây dựng tuân thủ theo quy định của Nhà trường.

- Bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại về lĩnh vực công tác xã hội, khối kiến thức

ngành và hỗ trợ được thiết kế đáp ứng với nhu cầu của nhà tuyển dụng, nhấn mạnh đến kiến thức thực hành nghề nghiệp.

- Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình đào tạo.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để góp ý cho CTĐT còn chưa thường xuyên theo từng năm học; số lượng ý kiến còn ít; hình thức lấy ý kiến còn đơn điệu; hình thức trình bày bảng khảo sát thiếu hấp dẫn; chưa lấy được ý kiến góp ý của các nhà khoa học, nhà quản lý ở các cơ sở đào tạo; của nhà tuyển dụng ở các tổ chức phi chính phủ (NGOs).

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV tiếp tục tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và lấy thêm ý kiến của nhà quản lý, nhà khoa học, nhà tuyển dụng ở các tổ chức phi chính phủ (NGOs). Lấy số lượng ý kiến nhiều hơn và đổi mới hình thức lấy ý kiến phong phú, đa dạng và thuận lợi hơn như hình thức khảo sát trực tuyến, qua email, qua thư...Đổi mới hình thức và hệ thống câu hỏi trong bảng khảo sát mới mẻ và phong phú hơn. Đồng thời Khoa bắt đầu khảo sát các nhà tuyển dụng lao động, cựu người học, người dạy, người học, nhà khoa học, nhà quản lý về nội dung, chất lượng của các học phần để kịp thời sửa đổi, cập nhật CTĐT theo đúng quy định.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

### ***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### *1. Mô tả*

Đề cương chi tiết học phần vừa là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CĐR của học phần vừa là cơ sở để giảng viên và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi bài học đều gắn liền với một mức độ nhất định của CĐR. Bản mô tả CTĐT đều có các đề cương chi tiết học phần tương ứng.



100% đề cương chi tiết học phần của ngành Công tác xã hội được rà soát và cập nhật định kỳ 2 năm một lần theo đúng quy định của Nhà trường [H2.02.02.01]. Khoa đã xây dựng đề cương chi tiết học phần vào các năm 2015 và 2019, điều chỉnh một số đề cương học phần năm 2017 dựa trên việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, giảng viên và người học về nhu cầu của thị trường lao động, về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành công tác xã hội thông qua các cuộc điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi [H2.02.02.02], [H2.02.02.03]. Song song với đó là việc khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng các ngành đào tạo và về CTĐT, lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV hàng năm [H2.02.02.04], [H2.02.02.05]. Bên cạnh đó Khoa cũng nhận được nhiều ý kiến đóng góp sát đáng của các thành viên bộ môn CCTXH và của Hội đồng Khoa khi xây dựng đề cương chi tiết và được Nhà trường ban hành [H2.02.02.06]. Mỗi học phần có trong CTĐT ngành Công tác xã hội đều được mô tả chi tiết trong CTĐT, bản mô tả CTĐT, chương trình dạy học và đề cương chi tiết ngành CCTXH [H2.02.02.07].

100% đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành CCTXH thể hiện đầy đủ các thông tin, bao gồm: thông tin chung về học phần; thông tin về mô tả học phần; thông tin về mục tiêu của học phần; thông tin về chuẩn đầu ra của học phần; thông tin về tài liệu phục vụ môn học; thông tin về kế hoạch giảng dạy chi tiết; thông tin về đánh giá kết quả học tập; thông tin về giảng viên; thông tin về các quy định chung. CDR của học phần trong ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên; cấu trúc học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CDR của từng học phần. Đề cương chi tiết học phần đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của học phần, phương pháp giảng dạy - học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. So với đề cương chi tiết học phần công bố năm 2015, 2017, đề cương chi tiết học phần công bố năm 2020 có sự thay đổi lớn về nội dung và hình thức. Cụ thể, phiên bản mới còn có thêm mục mô tả học phần, mục CDR của học phần trong đó liệt kê các CDR mà sinh viên phải đạt được sau khi học xong học

phần, mỗi yêu cầu tương ứng với từng chuẩn đầu ra CTĐT và mức độ CĐR, mục thông tin về giảng viên và mục các quy định chung. Bên cạnh đó, đề cương chi tiết học phần phiên bản công bố năm 2015 yêu cầu nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của học phần trong khi phiên bản năm 2020 chỉ nêu mục tiêu của học phần với số lượng mục tiêu quy định rõ và thể hiện sự tương quan với các CĐR. Đề cương chi tiết học phần phiên bản công bố năm 2015 chỉ trình bày nội dung chi tiết học phần thì phiên bản năm 2019 có cả kế hoạch giảng dạy chi tiết, gồm các buổi học và nội dung kiến thức của từng buổi học kèm theo mức độ đạt được CĐR của các nội dung trong buổi học. Đề cương chi tiết học phần phiên bản công bố năm 2015 chỉ yêu cầu về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tài liệu phục vụ môn học rất chung chung thì phiên bản năm 2020 yêu cầu chi tiết, cụ thể và xác định rõ giáo trình chính và tài liệu tham khảo. Điểm khác nhau nữa giữa đề cương chi tiết học phần phiên bản công bố năm 2020 so với năm 2015 là ở mục đánh giá kết quả học tập yêu cầu rất rõ ràng về hình thức đánh giá (đánh giá giữa kỳ thay bằng đánh giá quá trình), thời điểm đánh giá, CĐR của học phần và trọng số (10% giữa kỳ, 20% chuyên cần và 70% cuối kỳ thay bằng 10% giữa kỳ, 20%-30%-40% quá trình và 50%-60%-70% cuối kỳ). Đề cương chi tiết phiên bản 2020 có sự thay đổi khối kiến thức giáo dục đại cương so với năm 2015 (có thêm một số học phần mới về khoa học xã hội là Kỹ năng giao tiếp và Khởi nghiệp), khối kiến thức cơ sở của ngành và ngành có rất nhiều học phần mới được bổ sung để phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng (công tác với nạn với người di cư và nạn nhân buôn bán người, công tác xã hội với thanh niên, xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội...)[H2.02.02.08].

Đề cương chi tiết học phần được Khoa phân công cho các giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần biên soạn cẩn thận [H2.02.02.09].

Đề cương chi tiết các học phần cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các học phần trong CTĐT của các cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Công tác xã hội có uy tín trong nước [H2.02.02.10].

Đề cương chi tiết các học phần cũng được công bố rộng rãi, công khai tới cán bộ, giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động thông qua trang website của Khoa KHXH&NV [H2.02.02.11].

## *2. Điểm mạnh*

- Tất cả đề cương chi tiết học phần của ngành Công tác xã hội được biên soạn dựa trên kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên rất đầy đủ và cẩn thận, theo ý kiến phản hồi của các bên liên quan, có tham khảo các cơ sở giáo dục ở trong nước, thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CDR của chương trình.

- Các đề cương chi tiết học phần đáp ứng xu thế phát triển hiện nay về một đội ngũ nhân viên công tác xã hội được đào tạo chuyên nghiệp và cung cấp được các dịch vụ xã hội cho các nhóm yếu thế.

- Đa số các học phần đều giới thiệu một tài liệu tham khảo chính. Tài liệu tham khảo chính là các sách nổi tiếng hoặc các giáo trình của các giảng viên giàu kinh nghiệm và giỏi nghề biên soạn.

- Mọi thông tin liên quan đến học phần như mục tiêu, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

### *3. Điểm tồn tại*

- Một số đề cương chi tiết học phần còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật nội dung mới chưa nhiều để sinh viên dễ dàng tham khảo.

- Một số đề cương còn ít tài liệu tham khảo là các tạp chí chuyên ngành, các công trình nghiên cứu, giáo trình điện tử.

- Rất ít đề cương có tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài.

- Việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các học phần chưa được thực hiện với số lượng lớn.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị các giảng viên tiếp tục rà soát và cập nhật tài liệu giảng dạy mới và có giá trị, đặc biệt bổ sung tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tài liệu điện tử, các tạp chí chuyên ngành, các công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

- Khoa cũng đề nghị giảng viên rà soát, bổ sung những nội dung giảng dạy mới có tính cập nhật và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động

- Khoa cũng tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về đề cương chi tiết các học phần với số lượng người tham gia nhiều hơn, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động và cựu sinh viên.

- Bên cạnh đó, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, thông tin thư viện, bổ sung đầy đủ các tài liệu học tập chuyên ngành cho sinh viên có thể tiếp cận dễ dàng.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

### ***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận***

#### ***1. Mô tả***

Bản mô tả CTĐT và tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành Công tác xã hội sau khi được Trường ĐHQN ban hành, Khoa đã công bố công khai cho các bên liên quan [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]. Hình thức công bố bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần khá đa dạng như: công bố công khai trong cam kết chất lượng đào tạo của Trường ĐHQN từng năm học; trên website của Khoa KHXH&NV; trong các tài liệu giới thiệu về trường, khoa tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai, tỉnh Phú Yên; giới thiệu cho sinh viên mới nhập học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, qua sổ tay sinh viên; niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bản thông báo của Khoa KHXH&NV [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Hơn nữa, đề cương chi tiết học phần đều được các giảng viên cung cấp cho sinh viên ngay khi bắt đầu học phần.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công bố bằng nhiều hình thức trên đã giúp các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, học sinh, phụ huynh,... có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện. Việc này giúp các nhà sử dụng lao động biết được nội dung sinh viên học được để có kế hoạch tuyển dụng hợp lý, giúp giảng viên chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi giảng dạy, giúp sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học, giúp cựu sinh viên có thông tin để góp ý cho việc cập nhật CTĐT lần sau; giúp học sinh và phụ huynh tìm hiểu về ngành để có các quyết định đúng đắn. Ý kiến

phản hồi từ các nhà sử dụng lao động, sinh viên, cựu sinh viên là cơ sở quan trọng để ban soạn thảo CTĐT và đề cương chi tiết học phần có được thông tin cần thiết để rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

## *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành Công tác xã hội được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, các đơn vị sử dụng lao động, các bậc phụ huynh dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin, đồng thời có thể góp ý, xây dựng để Khoa có nhiều thông tin rà soát và sửa đổi CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

## *3. Điểm tồn tại*

- Khoa đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan khi CTĐT khảo sát về CĐR của CTĐT nhưng chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi về đề cương chi tiết học phần ngành công tác xã hội. Việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan cũng chưa đảm bảo số lượng người tham gia khảo sát cũng như phạm vi khảo sát.

- Việc nâng cấp hệ thống website của Nhà trường nhiều lần làm mất đi các công bố CTĐT trên trang web của khoa (<http://tlgd&ctxh.qnu.edu.vn>) những năm trước đây. Điều này ảnh hưởng đến việc đối chiếu so sánh các CTĐT cũ và mới. Việc sáp nhập khoa TLGD&CTXH vào khoa KHXH&NV vào năm 2019 cũng làm mất đi các công bố trên website của khoa TLGD&CTXH. Vì vậy thiếu cơ sở dữ liệu để minh chứng cho bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết công bố trên website.

## *4. Kế hoạch hành động*

- Trong năm 2020, Khoa tiếp tục kết hợp với Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng của Nhà trường thay đổi hình thức, mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng (50 nhà tuyển dụng), giảng viên trong và ngoài khoa (25 giảng viên), cựu sinh viên (80 sinh viên), và sinh viên năm cuối (40 sinh viên) về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CĐR của ngành Công tác xã hội. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo về hoạt động dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Ngoài ra, Nhà trường cũng đảm bảo an toàn dữ liệu về CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên hệ thống website của Nhà trường.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt của tiêu chí 4/7.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành Công tác xã hội được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành công tác xã hội được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật thường xuyên, quá trình điều chỉnh, cập nhật đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ ý kiến đóng góp của Hội đồng Khoa, của các bên liên quan như nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, giảng viên, sinh viên...Ma trận hiển thị kết quả chương trình CDR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần. Mặc dù vậy, một số đề cương chi tiết học phần còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật nội dung mới chưa nhiều để sinh viên dễ dàng tham khảo, còn ít tài liệu tham khảo là các tạp chí chuyên ngành, các công trình nghiên cứu, giáo trình điện tử, tài liệu tiếng nước ngoài. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về bản mô tả và đề cương chi tiết chưa được thực hiện với số lượng lớn và phạm vi rộng.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành công tác xã hội đã đạt yêu cầu 3/3, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***Mở đầu***

Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản về xây dựng chương trình dạy học của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của đào tạo công tác xã hội ở trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động cùng với đó là ma trận mục tiêu và CDR của CTĐT. Chương trình dạy học được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức giáo dục đại cương đến khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cùng với đó là ma trận thể hiện

sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt được CĐR của ngành học. Chương trình thể hiện kế hoạch giảng dạy dự kiến với từng học kỳ cụ thể và cùng với đó là ma trận thể hiện đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của 100% các học phần trong chương trình dạy học phù hợp, góp phần đạt được CĐR cùng với đó là ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra.

### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

#### ***1. Mô tả***

Chương trình dạy học của ngành Công tác xã hội được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện chương trình dạy học theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa đã xem xét các ý kiến phản hồi sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động thông qua khảo sát về nhu cầu thị trường lao động và mục tiêu CĐR của CTĐT của ngành Công tác xã hội kết hợp với lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng các ngành đào tạo và ngành CTXH, ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên với mong muốn đạt được các CĐR một cách tốt nhất [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Chương trình dạy học còn được xây dựng dựa trên đóng góp ý kiến của các thành viên trong bộ môn, Hội đồng Khoa trình lên Nhà trường ban hành [H3.03.01.06]. Ngoài ra, Khoa còn lấy báo cáo đối sánh với các cơ sở giáo dục có uy tín trên cả nước về CTĐT ngành CTXH khi xây dựng chương trình dạy học [H3.03.01.07]. Chương trình dạy học đã được Nhà trường ban hành năm 2020 và nội dung được thể hiện cụ thể thông qua CTĐT, bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học ngành CTXH [H3.03.01.08].

Chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu của CTĐT, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức, đảm bảo các học phần có liên quan chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trình tự sắp xếp các khối kiến thức và các học phần đạt được CĐR một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học qua nghiên cứu, học tập ở một hay nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hay trong cả quá trình đào tạo. Vì vậy, ngoài

việc đảm bảo kiến thức về chuyên môn nghề nghiệp, người học ngành Công tác xã hội còn được rèn luyện các kỹ năng cần thiết khác như kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của CĐR.

Tất cả các học phần trong chương trình dạy học ngành Công tác xã hội đều xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp để đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm được thể hiện qua ma trận kỹ năng **[H3.03.01.09]**. Cụ thể, chương trình dạy học ngành Công tác xã hội hiện nay được thiết kế với 147 tín chỉ, bao gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương (24 tín chỉ), trong đó kiến thức khoa học chính trị và pháp luật có 13 tín chỉ; kiến thức giáo dục thể chất và giáo dục an ninh – quốc phòng có 12 tín chỉ và kiến thức khoa học xã hội có 4 tín chỉ. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (111 tín chỉ), trong đó kiến thức cơ sở ngành và khối ngành có 27 tín chỉ, kiến thức ngành có 44 tín chỉ, kiến thức bổ trợ có 34 tín chỉ và kiến thức khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế có 6 tín chỉ.

Để thực hiện chương trình dạy học có hiệu quả, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển chương trình dạy học dựa trên kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học, mỗi giảng viên đều có hồ sơ giảng dạy **[H3.03.01.10]**, **[H3.03.01.11]**.

Các phương pháp giảng dạy, học tập, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được chú trọng nên đã góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Phương pháp dạy học tích cực “lấy người học làm trung tâm” như seminar, thảo luận nhóm...được thường xuyên thực hiện trong tất cả các học phần. Nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan để đạt được CĐR **[H3.03.01.12]**.

## *2. Điểm mạnh*

- Chương trình dạy học được thiết kế có tính khoa học, tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý và dựa trên CĐR. Mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của chương trình dạy học. Tất cả các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT.



- Các CDR được xây dựng rõ ràng, dễ đo lường nên chương trình dạy học được vận dụng hiệu quả, có hệ thống và được sự thống nhất của các giảng viên trong Khoa. Chương trình dạy học chú trọng đến tính logic của các học phần nhằm đảm bảo cho sinh viên được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ đại cương đến cơ sở và đến chuyên sâu, từ khối kiến thức rộng đến kiến thức ngành hẹp.

### *3. Điểm tồn tại*

Khi xây dựng chương trình dạy học ngành Công tác xã hội, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên nhưng không thường xuyên, số lượng người lấy ý kiến ít và quy mô khảo sát hẹp; thiếu sự tham gia của các chuyên gia trong một số lĩnh vực công tác xã hội cụ thể khi xây dựng chương trình dạy học. Do vậy, chương trình dạy học ngành Công tác xã hội phần nào còn hạn chế chưa đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường lao động.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tiếp tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung chương trình dạy học ngành Công tác xã hội dựa trên CDR theo định kì ít nhất 2 năm một lần với số lượng các bên liên quan tham gia nhiều hơn, đa dạng thành phần hơn, trong đó chú trọng đến ý kiến đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực công tác xã hội như chuyên gia trong lĩnh vực y tế, giáo dục, phòng chống thiên tai, buôn bán người... để tiến tới đưa vào chương trình dạy học một số lĩnh vực mới của ngành như công tác xã với nạn nhân buôn bán người; công tác xã hội với nạn nhân thiên tai... đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội và nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Công tác xã hội.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

***Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng***

#### *1. Mô tả*

Đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành Công tác xã hội được Khoa xây dựng đầy đủ và đúng yêu cầu của Nhà trường vào các năm 2015 và 2020, riêng năm 2017, chỉ điều chỉnh, bổ sung 5 đề cương chi tiết các học phần, trong đó chủ yếu là điều chỉnh về nội dung học phần và tài liệu tham khảo của học phần [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Quá trình thực hiện bổ sung, cập nhật nội dung các học phần trong

chương trình dạy học đều dựa trên các kết quả điều tra, khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên, sinh viên ngành Công tác xã hội về nhu cầu của thị trường lao động, về CTĐT; có sự đóng góp ý kiến rất nhiệt tình của các thầy cô bộ môn và của hội đồng Khoa và được Nhà trường ban hành **[H3.03.02.03]**, **[H3.03.02.04]**.

Tất cả các học phần trong chương trình dạy học ngành Công tác xã hội đều có đề cương chi tiết do các giảng viên trực tiếp giảng dạy ở các bộ môn của khoa KHXH&NV và các khoa phối hợp trong Nhà trường như khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, khoa Ngoại ngữ, khoa Công nghệ thông tin, khoa Khoa học tự nhiên, khoa Tài chính ngân hàng và Quản trị kinh doanh. Mỗi học phần đều xây dựng đề cương chi tiết phù hợp với yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, cũng như phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ và CĐR của CTĐT **[H3.03.02.05]**. Tất cả các học phần trong chương trình dạy học đều xác định CĐR và mức năng lực cần đạt được phù hợp với CĐR của CTĐT. Với mục đích đào tạo người học trở thành những nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp trong tương lai đảm bảo kiến thức vững vàng về chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thuần thục và có khả năng tự chủ, chịu trách nhiệm, đề cương chi tiết các học phần được xây dựng cụ thể, được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu và CĐR. Khoa phối hợp với Nhà trường tổ chức phổ biến đến người học nội dung và thể mạnh của CTĐT, kế hoạch thực hiện CTĐT **[H3.03.02.06]**.

Tất cả các học phần được xây dựng có sự tương thích với nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT. Điều này được thể hiện thông qua bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học **[H3.03.02.07]**. Ma trận CĐR của học phần cũng được áp dụng để xây dựng nội dung các học phần trong CTĐT **[H3.03.02.08]**. Cụ thể: chương trình dạy học ngành Công tác xã hội được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương đến cơ sở và đến chuyên ngành. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học bảo đảm được tính kế thừa, bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Mỗi học phần được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/ thí nghiệm cân đối, logic, trong đó các học phần thuộc khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học chính trị và pháp luật, ngoại ngữ, tin học cơ sở, khoa học xã hội và

vận dụng những kiến thức đó vào ngành công tác xã hội. Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành là nền tảng, giúp cho người học có được những kiến thức toàn diện về các lĩnh vực liên quan, hỗ trợ cho kiến thức ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành giúp cho người học có kiến thức toàn diện về các lĩnh vực khác nhau của ngành công tác xã hội ở mức chuyên sâu, giúp cho người học ứng dụng phục vụ cho công tác chuyên môn hoặc nghiên cứu, giảng dạy trong ngành công tác xã hội, đồng thời có thể phát triển kiến thức mới, tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. Các học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ giúp người học có được năng lực, phương pháp, rèn luyện kỹ năng thực hành chuyên môn, đồng thời tích lũy kinh nghiệm làm nền tảng phục vụ cho hoạt động công tác xã hội sau khi tốt nghiệp. Các học phần thuộc khối kiến thức khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế giúp người học bước đầu tập làm quen với việc tổ chức nghiên cứu trong, làm việc trong môi trường cơ sở xã hội, các cơ quan, tổ chức xã hội, làm tiền đề cho việc học tập, làm việc để nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

Tất cả các học phần trong chương trình dạy học ngành Công tác xã hội xác định rõ ràng tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá phù hợp để đạt được CĐR. Cụ thể, để đánh giá người học, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ lệ 70%, kết quả học tập còn được đánh giá chuyên cần chiếm tỷ lệ 10%, đánh giá quá trình, trong đó có thảo luận, bài tập, làm việc nhóm...chiếm tỷ lệ 20% [H3.03.02.07]. Tuy nhiên, đến năm 2020 Nhà trường đã có văn bản thay đổi phương pháp kiểm tra/ đánh giá, theo đó điểm kết thúc học phần chiếm tỷ lệ từ 50-70% và điểm quá trình chiếm tỷ lệ từ 20-40% [H3.03.02.09]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển chương trình dạy học dựa trên kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học, mỗi giảng viên đều có hồ sơ giảng dạy [H3.03.10], [H3.03.02.11]. Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình dạy học cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các học phần trong CTĐT của các cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Công tác xã hội có uy tín trong nước [H3.03.02.12].

Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình dạy học cũng được công bố công khai trong cam kết chất lượng đào tạo của Trường và trên trang web của Khoa [H3.03.02.13], [H3.03.02.14].

## *2. Điểm mạnh*

Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CĐR của CTĐT. Trong đó, ngoài các thông tin chung, còn quy định các học phần học trước, các yêu cầu cần thiết khác cũng như phân giờ đối với các hoạt động cụ thể như nghe giảng lý thuyết, làm bài tập, thảo luận,... Đặc biệt, các học phần đều nêu rõ thời gian tự học của sinh viên, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu để học tập suốt đời. Từ đó sinh viên có thể tiếp cận, lĩnh hội kiến thức một cách đầy đủ, dễ dàng, thuận lợi hơn và đạt được như mục tiêu CĐR của học phần yêu cầu.

### *3. Điểm tồn tại*

Ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc đề cương chi tiết học phần trong CTĐT.

### *4. Kế hoạch hành động*

Theo kế hoạch chung của Nhà trường, đề cương chi tiết cho tất cả các học phần sẽ được Khoa tiếp tục cập nhật và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần. Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.***

#### *1. Mô tả*

Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội được xây dựng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Khoa KHXH&NV đã tiến hành xây dựng chương trình dạy học ngành Công tác xã hội dựa trên kế hoạch của Nhà trường [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Khoa đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên, sinh viên về CĐR và CTĐT; ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng đào tạo và CTĐT ngành Công tác xã hội; ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kết quả khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau một năm ra trường [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Chương trình dạy học được thiết kế với sự tham gia đóng góp ý kiến

của các thành viên bộ môn Công tác xã hội, của Hội đồng Khoa, chương trình dạy học ngành Công tác xã hội đã được Nhà trường thông qua vào năm 2020 [H3.03.03.07], [H3.03.03.08]. Trên cơ sở đó, Nhà trường cũng đã xây dựng kế hoạch phát triển chương trình dạy học dựa trên kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học, mỗi giảng viên đều có hồ sơ giảng dạy [H3.03.03.09], [H3.03.03.10], [H3.03.03.11].

Các học phần trong chương trình dạy học ngành Công tác xã hội được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội có tổng số 135 tín chỉ (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh) được cấu trúc thành hai khối kiến thức. Thứ nhất là khối kiến thức giáo dục đại cương (24 tín chỉ) là kiến thức nền tảng, tổng quát để sinh viên thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội và chuẩn bị cho giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp, trong đó bao gồm kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật (13 tín chỉ), kiến thức về ngoại ngữ (7 tín chỉ), kiến thức về khoa học xã hội/ toán, khoa học tự nhiên-môi trường xã hội (4 tín chỉ). Thứ hai là khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (111 tín chỉ) là kiến thức chuyên môn để sinh viên hình thành và phát triển năng lực, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, trong đó bao gồm kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (27 tín chỉ); kiến thức ngành (44 tín chỉ), kiến thức bổ trợ (34 tín chỉ) và kiến thức khóa luận tốt nghiệp và các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ). Chương trình được thiết kế có tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức và phù hợp với khối lượng kiến thức do Nhà trường quy định, trong đó khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, bao gồm kiến thức cơ sở ngành và khối ngành chiếm 24,3%, kiến thức ngành chiếm 39,6%, kiến thức bổ trợ chiếm 30,6%.

Tất cả các học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý. Chương trình dạy học thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành đến kiến thức ngành và được sắp xếp theo trình tự từ năm thứ nhất đến năm thứ tư (từ học kỳ 1 đến học kỳ 8). Theo đó, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức đào tạo ở các học kỳ 1, 2, 3, 4, 5 nhưng chủ yếu ở các học kỳ 1, 2; các học phần cơ sở ngành và khối ngành được tổ chức đào tạo ở các học kỳ từ 1 đến 6; các học phần ngành và bổ trợ được tổ chức đào tạo ở các học kỳ từ 4

đến 7; các học phần khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được tổ chức đào tạo ở học kỳ 8. Chương trình còn bố trí các học phần kết thúc ở học kỳ trước làm nền tảng cho các học phần ở học kỳ tiếp theo, Chẳng hạn, sinh viên học xong học phần “Công tác xã hội với cá nhân” là nền tảng để sinh viên học tiếp các học phần “Công tác xã hội với nhóm” và “Tổ chức và phát triển cộng đồng”. Các học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp đều có các học phần học trước. Chẳng hạn, để đăng ký học phần “Thực hành công tác xã hội với cá nhân” thì sinh viên bắt buộc phải học xong học phần “Công tác xã hội với cá nhân” [H3.03.03.08]. Bên cạnh việc xây dựng song hành các học phần lý thuyết chuyên ngành, chương trình dạy học ngành Công tác xã hội cũng chú trọng đến thực hành cho sinh viên. Theo đó, chương trình dạy học được xây dựng có đến 5 học phần thực hành, thực tập với 16 tín chỉ, bởi Công tác xã hội không chỉ là một ngành mà còn được xem là một nghề chuyên môn, nghĩa là người học sau khi tốt nghiệp phải làm việc trực tiếp với các thân chủ và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác xã hội nên đòi hỏi họ phải có kỹ năng nghề nghiệp thuần thực như kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội cụ thể, năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết các vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng... Những kỹ năng cần thiết này chỉ được hình thành khi người học được tham gia vào nhiều hoạt động thực hành, thực tập trong suốt quá trình học, được tiếp cận với đa dạng các thân chủ khác nhau ở các cơ sở xã hội cũng như trong cộng đồng [H3.03.03.08].

Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình dạy học cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các học phần trong CTĐT của các cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Công tác xã hội có uy tín trong nước [H3.03.03.12].

Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội cũng được công bố rộng rãi, công khai tới cán bộ, giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động thông qua trang website của Khoa [H3.03.03.13].

## *2. Điểm mạnh*

- Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và ngành, đảm bảo chương

trình trở thành một khối thống nhất. Chương trình dạy học thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành đến kiến thức ngành và được sắp xếp theo trình tự từ năm thứ nhất đến năm thứ tư

- Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

### *3. Điểm tồn tại*

- Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho việc điều chỉnh chương trình dạy học ngành Công tác xã hội còn chưa thực hiện liên tục, do đó trong chương trình dạy học vẫn còn một số học phần có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động nghề Công tác xã hội.

- Khi xây dựng chương trình dạy học ngành Công tác xã hội Khoa chưa tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới về ngành Công tác xã hội.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình dạy học dựa trên các khảo sát về người tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, người học, người dạy... để điều chỉnh, bổ sung một số học phần trong chương trình dạy học theo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, của thị trường lao động.

- Song song với việc lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình dạy học, Khoa cũng tham khảo các chương trình đào tạo, chương trình dạy học ngành Công tác xã hội tiên tiến trên thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Công tác xã hội theo hướng chuyên nghiệp.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của chương trình dạy học, Khoa KHXH&NV chú trọng xây dựng chương trình dạy học theo đúng hướng dẫn của Nhà trường. Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội đã được thiết kế một cách logic, đầy đủ kiến thức lý thuyết và chú trọng nội dung thực hành. Các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Người học được đảm bảo tiếp cận kiến thức một cách khoa học từ cơ bản đến cơ sở và đến nâng cao; từ đơn giản đến phức tạp; từ kiến thức ở lĩnh vực đại cương đến kiến thức ngành chuyên sâu. Dựa trên đề cương chi tiết của

mỗi học phần cụ thể các học phần tiên quyết được đề ra một cách hợp lý, đầy đủ, không gây khó khăn cho người học trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Các học phần thuộc khối kiến thức chung và các học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp có nội dung phù hợp, bổ trợ cho nhau.

Chương trình dạy học của ngành Công tác xã hội đã đáp ứng được xu hướng phát triển ngành Công tác xã hội theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến và hội nhập với thế giới nhưng vẫn phù hợp với bối cảnh xã hội của Việt Nam. Các cán bộ, giảng viên trong bộ môn, trong Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, chú trọng phương pháp dạy học hiện đại, tích cực trong việc truyền đạt kiến thức nhằm trợ giúp tốt hơn cho người học để đạt được kết quả tốt đầu ra. Xác định Công tác xã hội vừa là một ngành khoa học vừa là một nghề chuyên môn nên các học phần trong chương trình dạy học chú trọng trang bị cho người học kiến thức lý thuyết đầy đủ và kỹ năng thực hành thuần thục để có thể làm tốt nhất công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công tác xã hội đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 02 tiêu chuẩn đạt 4/7 điểm.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### ***Mở đầu***

Từ việc nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong cải tiến chất lượng đào tạo, đồng thời dựa trên kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa KHXH&NV đã tiến hành xác định mục tiêu của ngành CTXH để định hướng công tác đào tạo của Khoa. Từ đó, dựa vào những khảo sát thực tế, Khoa đã xây dựng phương pháp giảng dạy phù hợp kết hợp với thực tế, thực hành, thực tập nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT và phổ biến đến giảng viên, sinh viên trong Khoa nhằm đạt được CĐR. Thông qua các hoạt động hỗ trợ hợp lý, tập thể cán bộ Khoa KHXH&NV hỗ trợ, hướng dẫn người học hình thành được ý thức học tập chủ động, cũng như năng lực tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập tại trường.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

##### ***1. Mô tả***



Nhà trường đã ban hành văn bản công bố “Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi” trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 cùng với “ Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn” Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, với nội dung “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”, đã được triển khai rộng rãi đến toàn thể công chức, viên chức, sinh viên, học viên trong toàn trường **[H4.04.01.01]**.

“Toàn diện” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội; nội dung “Khai phóng” được xác định theo nghĩa hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. Nội dung “Thực nghiệp” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn đến năm 2030 **[H4.04.01.02]**. Ngoài ra, Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 cũng đã trình bày rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định vị thế, vai trò của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội **[H4.04.01.03]**.

Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc tổ chức và hoạt động của Trang thông tin điện tử Trường Đại học Quy Nhơn. Điều này giúp cho giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu người học dễ dàng tiếp cận triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường thông qua website chính thức của Nhà trường cũng như website Khoa KHXH&NV **[H4.04.01.04]**, **[H4.04.01.07]**.

Trên cơ sở triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục chung, ngành CTXH hướng đến việc đào tạo những cán bộ làm Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức,

sức khoẻ; nắm vững hệ thống kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về nghề Công tác xã hội; có khả năng nghiên cứu, phát hiện và giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết vấn đề. Người học tốt nghiệp trình độ đại học ngành CTXH có năng lực cung cấp các dịch vụ CTXH chuyên nghiệp tại các cơ sở và tổ chức xã hội trong các lĩnh vực an sinh xã hội, sức khỏe và giáo dục; có khả năng tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến nghề CTXH. Cụ thể: Về mặt kiến thức, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH: Nắm vững kiến thức cơ bản về tâm lý học, xã hội học, các lý thuyết và mô hình CTXH; các phương pháp CTXH chuyên nghiệp; kiến thức bổ trợ và ứng dụng vào việc phân tích, xây dựng kế hoạch, hỗ trợ thực hiện và lượng giá tiến trình giải quyết vấn đề. Đồng thời có kiến thức nghiên cứu và xây dựng các mô hình tiếp cận khác nhau giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; kiến thức nghiên cứu và xây dựng chính sách. Có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các ca CTXH phức tạp; Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực CTXH để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực CTXH. Về kỹ năng, sử dụng được các kỹ năng CTXH cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình. Có kỹ năng đánh giá, phát hiện các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng. Phát triển kỹ năng vận động và tham gia xây dựng chính sách xã hội và các chính sách có liên quan. Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá chính sách, mô hình giúp đỡ. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, áp dụng mô hình tiếp cận phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (giảng dạy, kiểm huấn). Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành CTXH; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn **[H4.04.01.05]**, **[H4.04.01.06]**.

Thông qua nhiều kênh khác nhau mục tiêu đào tạo và CĐR về các mặt kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ của người học được phổ biến rộng rãi đến sinh viên,

giảng viên, nhà tuyển dụng. Web trường có chức năng cung cấp, cập nhật và trao đổi thông tin chính thức, công khai, một đầu mối, có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trên mạng Internet của Trường Đại học Quy Nhơn. Nhiệm vụ: cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo, tình hình hoạt động của Nhà trường, của các đơn vị trong triển khai thực hiện chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật và các văn bản có liên quan về giáo dục và đào tạo. Xây dựng mối quan hệ trực tuyến và chia sẻ thông tin chung giữa Nhà trường với các cơ sở giáo dục và đào tạo, các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế theo các văn bản pháp luật và các quy định có liên quan, giữa Nhà trường với các đơn vị; Triển khai hoạt động dịch vụ công về thông tin giáo dục và đào tạo; Tổ chức phản hồi thông tin trên mạng **[H4.04.01.07]**.

Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá đầu năm học nhằm giúp cho sinh viên năm thứ nhất tiếp cận với các hoạt động dạy và học **[H4.04.01.08]**. Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức những hoạt động ngoại khóa thường niên nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo, ví dụ chương trình gặp mặt tân sinh viên **[H4.04.01.09]**.

Để đưa ra được mục tiêu phù hợp, Nhà trường và Khoa KHXH&NV đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H4.04.01.10]**, **[H4.04.01.11]**. Kết quả khảo sát được tiếp thu và làm cơ sở cho việc rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

## *2. Điểm mạnh*

- Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn cũng như mục tiêu CĐR chương trình đào tạo ngành CTXH đã được công bố rõ ràng và phổ biến sâu rộng tới người học, giảng viên, trong cộng đồng và toàn xã hội.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên,... đối với mục tiêu giáo dục có vai trò rất quan trọng, tuy nhiên, công tác này chưa được tiến hành thường xuyên, rộng khắp và kết nối với yêu cầu đào tạo nhân lực từ thực tiễn xã hội.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV phối hợp với các phòng ban có liên quan sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin đào tạo, tăng cường việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ phía nhà tuyển dụng, giảng viên cũng như cựu sinh viên cho mục tiêu giáo dục của ngành CTXH.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

1. *Mô tả*

Từ năm học 2009-2010, Nhà trường thực hiện chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ. Chính vì vậy, CTĐT của ngành CTXH cũng được xây dựng theo hướng phù hợp với học chế mới cho đến nay.

Nhằm giúp cho sinh viên hình thành những cảm xúc nghề nghiệp đầu tiên tại các cơ sở xã hội và giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc, làm quen với kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn, xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề trong các học phần rèn luyện nghiệp vụ thông qua việc thành lập các đoàn thực tập nhận thức nghề nghiệp cho sinh viên năm hai và thực tập tốt nghiệp cho viên năm cuối về các các trung tâm bảo trợ xã hội, trường học, bệnh viện, các bên liên quan... để tìm hiểu thực tế ngành, rèn luyện và thực hành trực tiếp trong môi trường thực tiễn hình thành kỹ năng thực hành nghề nghiệp CTXH một cách chuyên nghiệp và thái độ, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp chuẩn mực. Sau mỗi đợt thực tập tốt nghiệp, những thông tin tổng hợp được giúp cho Nhà trường có những đánh giá sơ bộ về khả năng đáp ứng yêu cầu công tác thực tiễn của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H4.04.02.04] [H4.04.02.05].

Với chủ trương nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa đã thực hiện lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy nói riêng của giảng viên và thông tin về đào tạo nói chung trong từng học kỳ cũng như cả năm học thông qua website đào tạo tín chỉ, Trường Đại học Quy Nhơn và website khoa KHXH&NV [H4.04.02.06].

Dựa trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, hằng năm Khoa KHXH&NV khuyến khích, động viên các nhóm sinh viên có năng lực chuyên môn vững vàng và có niềm say mê tìm tòi khám phá tham gia các đề tài NCKH sinh viên [H4.04.02.07], [H4.04.02.08], [H4.04.02.09].

Hoạt động dạy và học trong khuôn khổ chương trình được thiết kế và xây dựng, sửa đổi nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội, giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực công tác xã hội, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập [H4.04.02.10], [H4.04.02.11], [H4.04.02.12]. Đồng thời, Khoa cũng đã phối hợp với phòng ban có liên quan tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên, nhà tuyển dụng để giúp cho Khoa có thêm cơ sở đánh giá về chất lượng đào tạo của ngành [H4.04.02.13], [H4.04.02.14], [H4.04.02.15], [H4.04.02.16]. Mặt khác, để đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, Nhà trường tiến hành nhiều hình thức như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên theo định kỳ hàng tháng, tổ chức semina về trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt CĐR CTĐT [H4.04.02.17].

## *2. Điểm mạnh*

Với các tiêu chí đã đề ra, hoạt động dạy và học cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu. Đội ngũ giảng viên của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức cũng như kỹ năng kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên có cơ hội được lĩnh thụ tri thức nghề nghiệp, tập trung vào nhu cầu và nguyện vọng của người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Cơ sở vật chất trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, chất lượng đầu vào của sinh viên còn thấp nên tạo rào cản cho quá trình dạy và học.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa tập trung công tác hoàn thiện CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn; kiến nghị Nhà trường đáp ứng về trang thiết bị phục vụ dạy học đồng thời đẩy mạnh công tác tuyển sinh nhằm cải tiến chất lượng sinh viên đầu vào.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học***

### *1. Mô tả*

Với mục tiêu đặt cho sinh viên là hình thành khả năng nhận biết, phân tích, tổng hợp, biết đánh giá một vấn đề trong thực tiễn, hoạt động dạy và học từ lý thuyết đến thực hành, NCKH, bài tập nhóm, thảo luận, đi thực tập thực tế cơ sở thật sự hữu ích cho người bởi học năng lực cung cấp các dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp tại các cơ sở và tổ chức xã hội trong các lĩnh vực an sinh xã hội, sức khỏe và giáo dục; có khả năng tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến nghề công tác xã hội. Các hoạt động học tập đa dạng giúp sinh viên hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể, thực tập thực tế, thực tập nhận thức nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp cũng như thực hiện khóa luận tốt nghiệp đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, giúp cho sinh viên có nhiều cách thức diễn đạt, tìm kiếm tài liệu, phản biện lẫn nhau tạo ra sự say mê học hỏi, tăng hoạt động tự học, tự nghiên cứu, khám phá tri thức. **[H4.04.03.01], [H4.04.03.02], [H4.04.03.03], [H4.04.03.04].**

Hoạt động NCKH cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học của sinh viên **[H4.04.03.05], [H4.04.03.06].**

Để đảm bảo mục tiêu CTĐT và CĐR đối với sinh viên năm tư ngoài hoạt động thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở xã hội, những sinh viên đạt điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thay thế các học phần tốt nghiệp sẽ được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp và kết quả bảo vệ khóa luận sẽ là một căn cứ cho việc xét tốt nghiệp cho sinh viên **[H4.04.03.07], [H4.04.03.08], [H4.04.03.09].**

Nhằm thực hiện các mục tiêu đào tạo, thông tin về đào tạo nói chung trong từng học kỳ cũng như cả năm học thông qua website đào tạo tín chỉ, Trường Đại học Quy Nhơn và website khoa KHXH&NV **[H4.04.03.010].**

CTĐT luôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội, giúp người học tích lũy kiến thức, có kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập **[H4.04.03.11].**

Tổ bộ môn CTXH định kỳ tổ chức semina về trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong phương pháp giảng dạy và học tập để đạt CĐR CTĐT **[H4.04.03.12]**

Để giúp cho Khoa và bộ môn có thông tin phản hồi về CTĐT, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, khoa tiến hành khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về CTĐT ngành CTXH là một việc cần thiết và không thể thiếu, được thực hiện hằng năm [H4.04.03.13]. Đồng thời thường xuyên cập nhật phương pháp và tài liệu học tập, sách chuyên khảo, tham khảo...nhằm là tăng hiệu quả dạy học trên lớp [H4.04.03.14].

### *2. Điểm mạnh*

Ngành CTXH đã lựa chọn và thiết kế chương trình dạy học hiệu quả. Khởi đầu trong sinh viên hứng thú học tập và gắn bó với ngành học. Nhà trường và Khoa đã xây dựng cho người học các hoạt động mang tính chuyên môn... đã góp phần tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng tự học.

### *3. Điểm tồn tại*

Đối với hoạt động NCKH nguồn kinh phí còn hạn chế nên chưa lôi cuốn được nhiều sinh viên tham gia

### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa phối hợp với nhà trường tìm nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH của sinh viên.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Phương pháp dạy và học luôn được xác định là công tác trọng tâm đặc biệt quan trọng của tập thể Khoa CTXH do đó Khoa đã thường xuyên khảo sát, cập nhật và điều chỉnh để cải tiến hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng sự phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Với sự nỗ lực của Khoa KHXH&NV, chất lượng CTĐT ngành CTXH đã đạt được những kết quả nhất định. Về mặt tổng quan, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của CTĐT đã được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan (người dạy, người học, nhà tuyển dụng,...) thông qua nhiều kênh khác nhau: mô tả CTĐT; website chính thức của Khoa; các hoạt động ngoại khóa, hội thảo; các kênh hỗ trợ sinh viên như Đoàn thành niên, Hội sinh viên,... Ý thức được sự cần thiết của nâng cao chất lượng dạy và học, tập thể cán bộ giảng viên của Khoa chủ động trau dồi kiến thức chuyên môn đồng thời tiếp cận phương pháp giảng dạy mới, từ đó góp phần cải

thiện chất lượng của công tác dạy và học. Đồng thời, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau (NCKH sinh viên; hoạt động ngoại khóa chuyên môn: hội thảo khoa học,...), CTĐT cũng góp phần đáng kể thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời.

Mặc dù Khoa đã có sự nỗ lực đáng kể, nhưng vẫn còn tồn tại, một số điểm cần được cải tiến thêm để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Cần thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trên diện rộng để thấy được nhu cầu của xã hội đối với nghề CTXH. Vì một phần chất lượng sinh viên đầu vào thấp, về cơ sở vật chất cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo, cho nên CTĐT cũng cần được cải tiến sao cho phù hợp hơn trong tình hình mới để ngày càng thu hút người học.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CTXH đã đạt được 3/3 tiêu chí trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7

### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

#### ***Mở đầu***

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những khâu then chốt trong việc quyết định chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học. Việc đánh giá kết quả được tiến hành theo căn cứ CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Thông qua hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ của từng học phần. Từ kết quả thu được sẽ giúp Khoa và Nhà trường một lần nữa đánh giá lại quá trình giảng dạy, rà soát lại CDR và hoàn thiện các dịch vụ hỗ trợ người học, đồng thời giúp người học xây dựng động cơ học tập đúng đắn để cải thiện, nâng cao chất lượng học tập.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ở CTĐT ngành CTXH được xây dựng dựa trên mục tiêu đào tạo của chương trình, các mức độ đạt được của CDR của chương trình. Các quy định cơ bản về đánh giá được thông báo công khai tới người học thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp cuối mỗi tháng. Người học được giảng viên thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trước khi bắt đầu học phần. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và công khai qua nhiều kênh để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.



***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra***

***1. Mô tả***

Đánh giá kết quả học tập của người học là một khâu quan trọng của công tác đào tạo. Việc đánh giá liên tục trong quá trình học tập của sinh viên được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ trường Đại học Quy Nhơn [H5.05.01.01], Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học hệ tín chỉ trường Đại học Quy Nhơn [H5.05.01.02]. Cơ sở của việc đánh giá là dựa trên CĐR của ngành Công tác xã hội bao gồm: yêu cầu tối thiểu về kết thúc và kỹ năng, yêu cầu tối thiểu về thái độ, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

Để đáp ứng CĐR của các khoá đào tạo, chất lượng sinh viên đầu vào là một trong những căn cứ xác định mức độ đáp ứng của CĐR được đánh giá đầu tiên dựa vào điểm chuẩn tuyển sinh của ngành và phổ điểm trúng tuyển là kết quả kỳ thi THPT quốc gia được phê duyệt theo Đề án tuyển sinh của Trường ĐHQN [H5.05.01.03]. Tại thời điểm nhập học, Khoa tổ chức đón tiếp sinh viên và thu thập chi tiết dữ liệu đầu vào của sinh viên nhằm điều chỉnh kế hoạch (nếu cần thiết) cho việc đảm bảo chất lượng đào tạo theo CĐR. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập thông qua các học phần thi học kỳ I, học kỳ II hệ đại học chính quy, quy định tổ chức quản lý và chấm điểm thực hành, thực tập, giao và chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố công khai, rõ ràng và rộng rãi đến sinh viên trên website của Trường và “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên” đầu khóa năm học. Đồng thời Khoa luôn triển khai kế hoạch thực hiện cụ thể và phối hợp cùng CVHT quán triệt trong các buổi sinh hoạt lớp, đặc biệt trước các kỳ thi kết thúc học phần nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho Sinh viên tiếp cận dễ dàng [H5.05.01.04], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08].

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong quá trình đào tạo bao gồm: kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; kiểm tra đánh giá giữa kỳ, thi kết thúc học phần hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Quy trình kiểm tra, thi kết thúc học phần được thực hiện nghiêm túc theo quy định chung của nhà trường từ việc thiết kế, ra đề, coi thi, chấm thi [H5.05.01.02]. Đề thi kết thúc học phần được GV dạy học phân ra 02

đề tương ứng với 02 đáp án nộp cho Phòng KT&ĐBCL trước kỳ thi 01 tháng và Phòng KT&ĐBCL sẽ lựa chọn ngẫu nhiên 01 đề để tổ chức thi.

Đề cương chi tiết học phần trong CTĐT xác định rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ; CDR của CTĐT và mức độ đạt được của CDR **[H5.05.01.05]**. Từ đó, giảng viên xác định được các nội dung, cách thức cũng như yêu cầu cần kiểm tra và đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR. Sinh viên được biết các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học tập.

Trong suốt quá trình đánh giá các phương pháp sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, báo cáo,... đối với đánh giá cuối kỳ tổ chức thi tập trung, đề do phòng KT&ĐBCL lựa chọn và thực hiện theo quy định **[H5.05.01.02]**. Việc giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cũng được chương trình thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc chọn SV đủ điều kiện được làm khóa luận cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp **[H5.05.01.06]**. Việc tổ chức thi kết thúc các học phần được thực hiện nghiêm túc, tất cả các đề thi thuộc khối kiến thức chuyên ngành do chương trình quản lý đều được Trường bộ môn phê duyệt. Trong khóa đào tạo, đối với học phần thực hành trong chuyên ngành Công tác xã hội, giảng viên phụ trách học phần đánh giá SV theo từng bài thực hành dựa trên CTĐT và CDR **[H5.05.01.05] [H5.05.01.07], [H5.05.01.08]**.

Mặt khác, với học phần thực tập tại các cơ sở xã hội, giảng viên phụ trách hướng dẫn và kiểm huấn viên hướng dẫn tại cơ sở xã hội cùng đánh giá sinh viên theo quy định, điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh giá không chỉ trên tham chiếu của cơ sở xây dựng CTĐT là Khoa, mà còn với tham chiếu của đơn vị sử dụng lao động trực tiếp là các cơ sở xã hội **[H5.05.01.05], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09]**. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính ứng dụng cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với sinh viên. Đối với đánh giá khóa luận tốt

nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa đề tài và phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận [H5.05.01.06].

Các quy định, tài liệu về đánh giá kết quả học tập của người học đều căn cứ vào các mức độ đạt được của CĐR. Tất cả các đề thi của các học phần đều được các Bộ môn xem xét từng câu hỏi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học.

## *2. Điểm mạnh*

- Các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CĐR của CTĐT.

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học đều căn cứ vào các mức độ đạt được của CĐR. Đề thi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học.

## *3. Điểm tồn tại*

- Tuy đã nhấn mạnh yêu cầu đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CĐR đối với các học phần chuyên ngành, nhưng chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để từ đó phân loại và đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách chính xác hơn.

- Việc định lượng CĐR về thái độ chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần, hoặc ở một số học phần sinh viên bộc lộ rõ thái độ thực hành nghề như: thực tế, thực hành, thực tập.

## *4. Kế hoạch hành động*

- Từ tình hình thực tế đào tạo, Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm để đáp ứng CĐR; Khoa tiến hành tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi nhằm đánh giá được chính xác mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR. xây dựng ngân hàng câu hỏi dữ liệu đề thi, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào ứng với CĐR của

học phần, CDR của CTĐT. Đặc biệt, tăng thêm số lượng học phần sử dụng hình thức thi vấn đáp, trắc nghiệm khách quan trong đánh giá cuối kỳ.

- Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ cập nhật chương trình, điều chỉnh đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập và sẽ thông báo cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu học phần đặc biệt đối với sinh viên năm thứ nhất. Đồng thời tiến hành điều chỉnh cách đánh giá thái độ của người học đặc biệt đối với các học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề nghiệp.

*5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học***

*1. Mô tả*

Để giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của người học theo các mức độ đạt được của CDR tốt nhất, Khoa và Nhà trường đã xây dựng các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rất rõ ràng. Các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được xác định cụ thể do quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy, theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT quy định [H5.05.02.01]; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.02]; Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.02.03]; cùng với những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHQN.

Đề cương chi tiết các học phần ngành CTXH và bản mô tả CTĐT được thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa [H5.05.02.04], [H5.05.02.06]. Ngoài ra, các quy định về phương thức kiểm tra, đánh giá học phần, các thành phần điểm và trọng số tương ứng, thời điểm kiểm tra cũng được quy định rõ ràng trong các Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT. Cụ thể, điểm đánh giá học phần bao gồm 03 thang điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 30%- 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70% - 60% [H5.05.02.02], [H5.05.02.04]. Điểm chuyên cần và

giữa kì được công bố công khai với sinh viên trước khi kết thúc học phần. Điểm cuối kì được cập nhật trên tài khoản cá nhân của SV **[H5.05.02.05]**.

Đối với khóa luận tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa cũng đã có các quy định rõ ràng: trách nhiệm của sinh viên và giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp, trình bày nội dung khóa luận tốt nghiệp, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp, điểm của giảng viên hướng dẫn và điểm của giảng viên phản biện **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.07]**.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được quy định chặt chẽ (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) và được Khoa và Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới người học. Đầu năm học mới, Nhà trường, Khoa bố trí lịch sinh hoạt công dân đầu khóa cho sinh viên và chương trình chào tân sinh viên, qua đó phổ biến các nội dung liên quan đến các quy định, công bố mục tiêu và các CĐR của ngành đào tạo, hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp nhằm đáp ứng các CĐR đã được công bố **[H5.05.02.08]** và in trong sổ tay sinh viên **[H5.05.02.09]**. Thời gian thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo Đại học lên kế hoạch và được Nhà trường phê duyệt sau đó được công bố cho sinh viên ngay từ đầu năm học **[H5.05.02.09]**, **[H5.05.02.11]**. Cuối mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng lập kế hoạch thi và thông báo cho sinh viên biết thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu, **[H5.05.02.10]**, **[H5.05.02.11]**. Mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức thi tập trung 1 lần **[H5.05.02.14]**. Sinh viên có lý do chính đáng như: ốm đau, bệnh tật, tai nạn được làm đơn đề nghị Nhà trường bố trí thi lại ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ thi gần nhất nhằm đảm bảo tiến độ học tập **[H5.05.02.03]**, **[H5.05.02.12]**.

Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và công bố công khai cho người học. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình **[H5.05.02.13]**. Cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần cũng quy định rõ ràng. Bảy ngày sau khi thi, sinh viên được báo kết quả thi qua tài khoản

cá nhân. Nếu kết quả chưa tương xứng với bài làm, sinh viên có quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo. Từ đó, trợ lý học tập tiếp nhận và thông tin lại cho giảng viên tiến hành rà soát và phản hồi lại cho sinh viên.

Với mục tiêu đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quy định CDR ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ sinh viên được biết [H5.05.02.15], [H5.05.02.16]. Theo đó, khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy, sinh viên phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, CDR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thông qua kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về chương trình đào tạo của Nhà trường và của Khoa cho thấy đa số người học đánh giá cần để kịp thời điều chỉnh [H5.05.02.17].

## *2. Điểm mạnh*

- Hệ thống văn bản đã được Nhà trường cung cấp đầy đủ bao gồm các quy định về việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách rõ ràng và được thông báo công khai tới sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau như các kênh thông tin để giúp sinh viên hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, kết quả bài thi sẽ được phản hồi nhanh chóng vào tài khoản cá nhân của từng sinh viên, giúp sinh viên chủ động trong lập kế hoạch học tập, học cải thiện.

- Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với sinh viên ngay từ đầu năm học và khi bắt đầu học các học phần.

- Toàn bộ giảng viên của ngành CTXH đều thực hiện việc thông báo quy định. Đánh giá sinh viên ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Trước khi thi, những nội dung về quy chế thi lần nữa và quán triệt ngay trước khi thi kết thúc học kì.

- Bộ phận trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo đại học của Trường, các CVHT trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập vì vậy kết quả học tập được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể.

- Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường, Khoa đều thực hiện khảo sát ý kiến của sinh viên về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập và được sinh viên đánh giá tốt.

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của sinh viên đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang web của Nhà trường, tuy nhiên việc phối hợp các kênh triển khai còn chưa thật sự đồng bộ. Vẫn còn tình trạng giảng viên trả kết quả thi cho sinh viên muộn.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tăng cường sử dụng website để đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục phối hợp thực hiện tốt hơn nữa quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo đồng bộ các kênh công khai và nhắc nhở giảng viên trong việc trả kết quả chấm thu đúng hạn.

#### *5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng***

##### *1. Mô tả*

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập, Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa hệ chính quy [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08].

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi lần từ 2 - 3 năm, đáp ứng sự phát triển của ngành Công tác xã hội và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa sẽ tư vấn cho sinh viên chọn những học phần phù hợp và in trong sổ tay sinh viên [H5.05.03.03], [H5.05.03.10]. Vì vậy hình thức thi kết thúc học phần đáp ứng mục tiêu mọi học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công

bằng, bao gồm thi viết, làm bài tập hoặc kết hợp giữa các hình thức trên và được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.03.01]**, **[H5.05.03.02]**, **[H5.05.03.03]** **[H5.05.03.05]**. Đề thi tự luận hay trắc nghiệm đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Đề thi được thiết kế khoa học, đúng quy định của học phần và được Trưởng bộ môn phê duyệt **[H5.05.03.02]**. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế **[H5.05.03.01]**, **[H5.05.03.04]**.

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong công tác chấm bài thi, mỗi bài thi đều do hai cán bộ chấm thi độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai giảng viên chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa **[H5.05.03.01]**. Trợ lý khoa quản lý học phần ráp phách và lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Các bài thi vấn đáp, thực hành được chấm bởi hai giảng viên. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình **[H5.05.03.05]**. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần **[H5.05.03.06]**.

Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 thang điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 40% - 30% - 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70% - 60% - 50% **[H5.05.03.03]**. Với khóa luận tốt nghiệp, Khoa thực hiện theo Quy định về việc giao đề án tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa hệ chính quy, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện **[H5.05.03.07]**, **[H5.05.03.08]**. Việc chấm khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử



dụng, kết quả thực tiễn,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, điểm của giảng viên hướng dẫn và điểm của giảng viên phản biện **[H5.05.03.08]**.

Ngoài ra, cuối mỗi kỳ thi học kỳ, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên về CTĐT và hoạt động giảng dạy của giảng viên đồng thời Khoa KHXH&NV thực hiện song song lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên về (hoạt động giảng dạy của giảng viên) CTĐT, và lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý về CTĐT qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, sự công bằng kết quả học tập của người học **[H5.05.03.09]**.

#### *2. Điểm mạnh*

- Phương pháp kiểm tra đã giúp việc đánh giá theo các mức độ CDR hiệu quả hơn.

- Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng.

- Tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên tin cậy và công bằng.

#### *3. Điểm tồn tại*

- Hình thức thi trắc nghiệm vẫn chưa được triển khai.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, thực hiện thêm hình thức thi vấn đáp và trắc nghiệm. xây dựng ngân hàng đề thi.

*5. Tự đánh giá:* Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập***

#### *1. Mô tả*

Phản hồi kết quả học tập của người học là hoạt động tổng hợp và tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ; được đưa vào báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa. Bao gồm thống kê tỷ lệ sinh viên

khá giỏi các khóa, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của từng ngành, khóa và kết quả tín chỉ hàng năm nhằm theo dõi kết quả học tập của sinh viên sau các năm học từ đó có biện pháp phù hợp để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học [H5.05.04.01], [H5.05.04.02], [H5.05.04.03], [H5.05.04.04], [H5.05.04.05].

Khoa và Nhà trường Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời và công khai đến giảng viên và người học: thông tin trực tiếp đến sinh viên trên trang web của Trường, qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và cải thiện việc học tập [H5.05.04.02], [H5.05.04.06]. Với điểm chuyên cần và giữa kỳ, giảng viên thông báo cho sinh viên ngay khi kết thúc học phần. Bằng tài khoản cá nhân của mình, sinh viên có thể truy cập các điểm thành phần của các học phần và kết quả học tập của mình [H5.05.04.07]. Các kết quả học tập của sinh viên như điểm chuyên cần, điểm kiểm tra, điểm thi, ... được trợ lý học tập của Khoa cập nhật tại phần mềm quản lý đào tạo chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi. Kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu dễ dàng [H5.05.04.06], [H5.05.04.07]. Đồng thời sinh viên có quyền gửi đơn đề nghị xem lại các điểm thành phần, nếu phát hiện có sai sót trong khâu nhập điểm so với kết quả mà giảng viên đã công bố hoặc đề nghị phúc khảo bài thi kết thúc học phần nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình [H5.05.04.08]. Trợ lý học tập báo lại trưởng bộ môn các trường hợp phúc khảo và giải quyết, phản hồi lại cho sinh viên trong vòng 7 ngày [H5.05.04.03].

Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ nhằm tuyên dương, khen thưởng các em có thành tích xuất sắc đồng thời cảnh báo hoặc ngưng tiến độ học tập đối với các sinh viên có kết quả học tập không đạt yêu cầu [H5.05.04.04], [H5.05.04.05]. Những trường hợp bị cảnh báo hoặc ngưng tiến độ, Nhà trường phối hợp với Khoa thông báo đến phụ huynh được biết, đồng thời hỗ trợ các em thuộc trường hợp bị cảnh cáo cải thiện kết quả học tập trong học kỳ thứ 3 của các năm học [H5.05.04.05].

Kết quả học tập của người học được nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Khoa KHXH&NV và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường và được sao lưu định kỳ [H5.05.04.06], [H5.05.04.07]. Điều này giúp hỗ trợ tích cực công tác

kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, thuận tiện

## *2. Điểm mạnh*

- Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Sinh viên được cấp tài khoản riêng, đảm bảo việc thông báo kết quả học tập nhanh chóng, tiện lợi và riêng tư.

- Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số học phần công bố điểm thi kết thúc học phần cho sinh viên đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký tín chỉ, kế hoạch học tập của sinh viên, đặc biệt đối với sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp.

## *4. Kế hoạch hành động*

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về thông tin, lưu trữ kết quả học tập của sinh viên một cách đầy đủ, chính xác và an toàn. Mặt khác, Ban chủ nhiệm Khoa chủ động hơn trong việc đôn đốc giảng viên hoàn thành sớm việc chấm bài, công bố kết quả học tập cho sinh viên.

*5. Tự đánh giá:* Mức độ đạt được của tiêu chí 4/7.

***Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

### *1. Mô tả*

Quy trình phúc khảo về kết quả học tập được Nhà trường quy định cụ thể trong quy trình giải quyết công việc của Trường [H5.05.05.01], [H5.05.05.02], [H5.05.05.04]. Quy trình này được công bố cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, cụ thể như sau:

Các quy trình và hình thức khiếu nại được triển khai ngay từ khi sinh viên nhập học, thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các giờ sinh hoạt lớp trong giai đoạn trước khi kết thúc học phần **[H5.05.05.06]**. Nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài thi, bài kiểm tra của mình Người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo quy định **[H5.05.05.02]**.

Đối với điểm quá trình, sinh viên khiếu nại trực tiếp với giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. So sánh điểm trên phần mềm không chính xác thì sinh viên làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại **[H5.05.05.02]**, **[H5.05.05.03]** **[H5.05.05.05]**. Theo đó, trong 5 năm gần đây, không có trường hợp nào khiếu nại về điểm chuyên cần và giữa kỳ.

Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy kết quả thi không tương xứng với bài làm của mình thì làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị kiểm tra lại **[H5.05.05.02]**, **[H5.05.05.08]**. Văn phòng Khoa phối hợp với giáo viên để giải quyết cho sinh viên theo quy định. Theo đó, hàng năm có khoảng 5%-10% người học khiếu nại về kết quả học tập và tất cả đều đã được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Những bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi. Kết quả phúc khảo bài thi sau mỗi kỳ được đưa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu và là kết quả cuối cùng của học phần **[H5.05.05.04]**.

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến giảng viên và người học: thông tin trên website của trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập **[H5.05.05.03]**.

Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, Khoa sẽ in bảng điểm để sinh viên đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót **[H5.05.05.03]**, **[H5.05.05.04]**, **[H5.05.05.07]**.

## *2. Điểm mạnh*

- Quy trình khiếu nại được công bố rộng rãi, người học dễ dàng tiếp cận và thực hiện khi cần.

- Khoa đã kịp thời giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số sinh viên chưa vẫn nắm rõ quyền khiếu nại và quy trình khiếu nại kết quả học tập.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2019-2020, Nhà trường sẽ ban hành cụ thể hơn quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trong Sổ tay sinh viên nhằm giúp người học ghi nhớ dễ dàng hơn quy trình này. Đồng thời đa dạng hóa hơn nữa các hình thức giúp nâng cao ý thức của sinh viên trong việc khiếu nại kết quả học tập.

*5. Tự đánh giá:* Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành CTXH được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên việc tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của người học chưa được thuận lợi.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CTXH đã đạt yêu cầu 5/5, trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

#### **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

##### **Mở đầu**

Một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu của một cơ sở giáo dục đại học là việc xây dựng và phát triển đội ngũ GV và cán bộ quản lý.

Trường ĐHQN khẳng định rõ và quyết tâm thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ ba khoa Ngữ Văn, Lịch sử, Tâm lý giáo dục & Công tác xã hội theo Quyết định số 889/QĐ-ĐHQN ngày 21/5/2019. Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện các CTĐT của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có năng lực NCKH, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực quản lý, trình độ ngoại ngữ, tin học cùng với lòng tận tụy yêu nghề. Để xây dựng

được đội ngũ giảng viên có chất lượng Khoa KHXH & NV đã thực hiện việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng giảng viên.

Khoa căn cứ trên trình độ chuyên môn, thành tích NCKH, kinh nghiệm giảng dạy và kỹ năng của giảng viên để thực hiện phân công trách nhiệm đào tạo, trách nhiệm quản lý phù hợp; đồng thời Khoa thực hiện một cách công khai, đúng quy định, quy trình việc tuyển dụng quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện quản lý, đánh giá theo kết quả công việc và ghi nhận kịp thời thành tích của giảng viên. Điều này đã giúp các giảng viên của Khoa có động lực lớn để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng được giao.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### *1. Mô tả*

Khoa KHXH & NV xem việc quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và thường xuyên, vì vậy Khoa thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng giảng viên cần bổ sung để thay thế cho các giảng viên đã nghỉ hưu, sắp nghỉ hưu hoặc chuyển công tác dựa trên chiến lược phát triển Nhà trường và Khoa [H6.06.01.01]. Trên cơ sở đó, Khoa kịp thời đề xuất với Nhà trường có kế hoạch tuyển đảm bảo về số lượng, chất lượng và có cơ cấu chuyên môn phù hợp giữa các bộ môn, đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT.

Nhu cầu đào tạo của Trường ĐHQN được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn từ 2016 đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.01.01] và trong tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường [H6.06.01.02], việc đào tạo các ngành Khoa học xã hội nói chung và ngành Công tác xã hội nói riêng được coi là nhiệm vụ hàng đầu, theo hướng đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước. Trong chủ trương của Nhà trường và của Khoa, hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện rõ ở công tác giảng dạy, đào tạo và hoạt động NCKH [H6.06.01.01].

Việc thực hiện quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa theo quy trình chặt chẽ và phù hợp với quy định chung của Nhà trường [H6.06.01.03] và theo nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên [H6.06.01.04].

Đội ngũ viên chức hiện nay của Khoa gồm 47 người (nam: 23; nữ: 24), trong đó gồm 44 giảng viên cơ hữu được chia làm 04 bộ môn (Công tác xã hội, Tâm lý Giáo dục, Ngữ văn và Lịch sử - Khu vực học) và 03 chuyên viên [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Hiện cán bộ cơ hữu của Khoa có độ tuổi bình quân là 41.32 [H6.06.01.06]. Số cán bộ giảng viên có học hàm PGS: 03 (chiếm 6.81%), số cán bộ đạt trình độ TS: 19 (chiếm 43.18%), số cán bộ đang làm NCS trong và ngoài nước là 07 (chiếm 15.9%). Phân hạng giảng viên, bao gồm giảng viên cao cấp: 03, giảng viên chính: 25, giảng viên: 16, chuyên viên: 03 [H6.06.01.06].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, lãnh đạo Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ cán bộ trong 5 năm. Đây là căn cứ để Lãnh đạo Khoa xây dựng lộ trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên các quy chế, quy hoạch của Nhà trường; đề án việc làm của Khoa; khối lượng công việc đang thực hiện của giảng viên và lực lượng cán bộ của Khoa [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09].

Đội ngũ giảng viên của Khoa không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn mà còn tích cực trong công tác NCKH, nỗ lực nâng cao kiến thức chuyên môn thông qua việc dự các hội nghị, hội thảo, seminar... [H6.06.01.10]. Đội ngũ giảng viên trẻ không ngừng học tập, nghiên cứu và xem việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên luôn được Khoa quan tâm và có hình thức hỗ trợ phù hợp. Các giảng viên của Khoa được tạo mọi điều kiện thuận lợi để đi học tập, nghiên cứu sau đại học và tham gia các khóa học bồi dưỡng tại Trường [H6.06.01.12], [H6.06.01.13].

Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các giảng viên trẻ luôn được quan tâm hỗ trợ và nhiệm vụ này do các bộ môn đảm nhận. Mỗi giảng viên trẻ trong thời gian tập sự được bộ môn phân công một giảng viên có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn [H6.06.01.14]. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý Khoa và Trưởng bộ môn đều thực hiện công khai, đúng

quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường có ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H6.06.01.03]. Quy định này được thực hiện thống nhất trong Nhà trường. Trưởng bộ môn được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ dựa trên các tiêu chí về trình độ, năng lực và thành tích NCKH của cán bộ giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như năng lực NCKH [H6.06.01.03].

Khoa luôn kịp thời đề nghị Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch theo quy định đối với trường hợp giảng viên hết thời gian tập sự [H6.06.01.16]; hay đề nghị Nhà trường cử đi thi nâng ngạch nếu giảng viên của Khoa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước [H6.06.01.17].

Định kỳ hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Căn cứ trên kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa tiến hành kiểm tra, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm nhằm chấn chỉnh những mặt còn tồn tại. Đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo. Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đội ngũ giảng viên của Khoa đã đáp ứng tốt với nhu cầu đào tạo [H6.06.01.18].

### *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã luôn quan tâm việc phát triển đội ngũ giảng viên nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Nhờ có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định, Khoa KHXH & NV đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Ngoài tham gia giảng dạy tại Trường, một số giảng viên còn tham gia công tác đào tạo tại các trường Đại học và các cơ sở giáo dục ở khu vực miền Trung Tây nguyên.

### *3. Điểm tồn tại*

- Nhà trường còn thiếu những chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài, giữ chân những giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.



- Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Hiện nay, giảng viên trẻ của Khoa KHXH & NV chiếm hơn 30%, kinh nghiệm giảng dạy còn có phần hạn chế. Nhiều giảng viên còn đang thời gian học nghiên cứu sinh nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và khó khăn cho việc tổ chức, triển khai các hoạt động ở Khoa.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa KHXH & NV sẽ định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa. Lãnh đạo Khoa tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ giảng viên trẻ tiếp tục học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, Khoa kiến nghị với Nhà trường có chính sách thu hút nhân tài hợp lý, GV chủ động khắc phục những khó khăn riêng để nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH và phục vụ cộng đồng.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng***

#### *1. Mô tả*

Hằng năm, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN công bố tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát [**H6.06.02.01**].

Hiện nay tổng số cán bộ của Khoa KHXH & NV là 47 giảng viên cơ hữu; trong đó gồm 03 PGS, 19 TS, 17 ThS (trong đó có 07 NCS đang học trong và ngoài nước) và 01 Cử nhân. Như vậy, Khoa là một trong những khoa có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn mạnh của Nhà trường [**H6.06.02.01**]. Số lượng giảng viên quy đổi của ngành Công tác xã hội hiện nay là 39 người và số lượng sinh viên chính quy ngành Công tác xã hội năm học 2019 - 2020 là 211, hệ vừa làm vừa học là 110 học viên. Như vậy, tỷ lệ sinh viên/giảng viên của ngành Công tác xã hội là 8.23/1. Tỷ lệ này có thể nói là thấp hơn so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỷ lệ số sinh viên chính quy tính trên một giảng viên quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối

ngành I là 20/1) **[H6.06.02.02]**. Điều này dẫn đến số giờ giảng của giảng viên cho sinh viên ngành Công tác xã hội không nhiều. Từ thực tế này, Khoa luôn có chính sách phân bổ hợp lý, công bằng tổng số giờ giảng cho sinh viên thuộc các ngành khác của Trường ĐHQN (Khoa Sư phạm, khoa LLCT-Luật & QLNN, khoa Ngoại ngữ, khoa GDTH - MN, khoa GDTC & QP, ...), các lớp cao học (ở 04 chuyên ngành: Quản lý giáo dục, Lịch sử Việt Nam, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học) và các lớp vừa làm vừa học ở các tỉnh Gia Lai, Phú Yên, ... nhằm đảm bảo khối lượng giờ giảng hằng năm cũng như chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng của đội ngũ giảng viên. Do vậy, các cán bộ giảng viên của Khoa đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và số giờ định mức về NCKH hằng năm theo đúng quy định. Bên cạnh đó, số lượng tuyển sinh Đại học hằng năm ngành Công tác xã hội không nhiều, Khoa đã tích cực, chủ động trong việc đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức để tăng số lượng tuyển sinh hằng năm. Điều này đã góp phần quan trọng giúp Khoa luôn bảo đảm khối lượng giờ giảng, NCKH và phục vụ cộng đồng của giảng viên trong tình hình hiện nay.

Trong công tác giám sát và thi đua, các giảng viên đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ vào cuối mỗi năm học và lập kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá dựa trên chức danh, nhiệm vụ được giao thực hiện đúng quy trình và có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Đây là căn cứ quan trọng để Khoa trình lên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua **[H6.06.02.03]**. Ngoài ra, một kênh thông tin quan trọng là ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hàng năm **[H6.06.02.04]**. Việc này không chỉ giúp mỗi giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp các cấp Lãnh đạo Khoa nắm được tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, để từ đó đưa ra định hướng thích hợp.

Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên được thực hiện theo chế độ làm việc đối với giảng viên của Bộ GD&ĐT, Quyết định về việc ban hành Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên Trường ĐHQN **[H6.06.02.05]**. Việc thực hiện công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên có sự giám sát chặt chẽ của Bộ môn, Khoa và các phòng chức

năng của Trường [H6.06.02.06]. Giảng viên thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không thực hiện NCKH bị trừ giờ chuẩn theo quy định của Trường [H6.06.02.05].

Giảng viên Khoa KHXH & NV tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua số công trình được công bố hàng năm trên các tạp chí Khoa học xã hội uy tín trong nước [H6.06.02.07], [H6.06.02.08], [H6.06.02.09].

## *2. Điểm mạnh*

- Tỷ lệ người học/giảng viên thấp hơn so với quy định. Khối lượng công việc của từng giảng viên trong Khoa được xác định rõ ràng, hợp lí và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường. Điều này đã góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đó, hàng năm các cán bộ GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo quy định.

- Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm để giảng dạy cho sinh viên ngành Công tác xã hội và các ngành đào tạo khác cũng như đào tạo cao học 04 chuyên ngành: Quản lý giáo dục, Lịch sử Việt Nam, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học. Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đội ngũ giảng viên của Khoa còn có năng lực NCKH mạnh.

## *3. Điểm tồn tại*

- Số lượng tuyển sinh hàng năm có chiều hướng giảm, nên việc phân công giờ giảng đảm bảo đủ chuẩn cho GV còn khó khăn.

- Giảng viên thực hiện nhiều đề tài NCKH nhưng đa số các đề tài nghiên cứu nặng về lý thuyết nên tính ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ cộng đồng chưa cao.

## *4. Kế hoạch hành động*

Khoa KHXH & NV cần nhắc trong việc phân công giờ giảng, đảm bảo GV giảng dạy đủ chuẩn và tích cực NCKH. Có kế hoạch mở ngành đào tạo mới; tăng cường hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh; xây dựng phát triển chương trình đào tạo đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

***1. Mô tả***

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được trường Đại học Quy Nhơn ban hành rõ ràng, chi tiết và đầy đủ, trong đó chú trọng đến tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5 - Lý lịch bản thân rõ ràng [H6.06.03.01]. Trong kỳ thi tuyển dụng, mỗi ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Nhà trường thông báo công khai điều kiện tuyển dụng cũng như kết quả thi tuyển trên website của Trường ĐHQN. Đồng thời, niêm yết trên bản tin của Phòng Tổ chức - Nhân sự [H6.06.03.02]. Sau khi trúng tuyển, các giảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ biên soạn bài giảng, thông qua bài giảng ở Tổ bộ môn và giảng thử tại Tổ bộ môn rồi mới lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, theo quy định của Nhà trường, Lãnh đạo Khoa cử một giảng viên hướng dẫn trực tiếp cho giảng viên mới được tuyển dụng [H6.06.03.01], [H6.06.03.03]. Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (giảng viên chính, giảng viên cao cấp, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trường/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.03.04], [H6.06.03.05], [H6.06.03.06].

***2. Điểm mạnh***

Trường ĐHQN có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường. Trên cơ sở quy định các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, Khoa đã tuyển

dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và trình độ về tin học, ngoại ngữ. Nhiều giảng viên được tuyển dụng đã và đang được đào tạo sau đại học ở các trường đại học có uy tín. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy và NCKH, thực hiện nghiêm túc chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác.

### *3. Điểm tồn tại*

Giảng viên ngoài việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học, còn tham gia nhiều hoạt động khác trong nhà trường như công tác công đoàn, đoàn thanh niên, hội sinh viên, cố vấn học tập... Tuy vậy, chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt để thu hút được nguồn giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa KHXH & NV chủ động đề xuất với Nhà trường về chính sách đãi ngộ nhằm thu hút nguồn giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá***

#### *1. Mô tả*

Hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của giảng viên luôn được Nhà trường và Khoa đặc biệt chú trọng và luôn xem đó là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này sẽ góp phần nâng cao năng lực, sức sáng tạo trong giảng dạy và NCKH của giảng viên nếu được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chất lượng. Mặc dù, ứng viên khi được tuyển làm giảng viên của Trường ĐHQN nói chung và tại Khoa KHXH & NV nói riêng, đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Đồng thời, sau khi trúng tuyển, các giảng viên vẫn tiếp tục được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện để học tập và bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức [H6.06.04.01]. Đội ngũ giảng viên của Khoa rất nỗ lực, tích cực tham gia NCKH và điều đó được thể hiện rõ ràng qua số lượng công trình nghiên cứu được công bố hằng năm trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế [H6.06.04.02], [H6.06.04.03], cũng như số lượng đề tài NCKH các cấp mà giảng viên của Khoa đã và đang thực hiện [H6.06.04.04],

**[H6.06.04.05]**. Vì vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của giảng viên luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng tốt yêu cầu của công việc.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên **[H6.06.04.06]**. Do đó, cuối mỗi năm học, các giảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ kê khai số bài báo, số đề tài NCKH các cấp đã thực hiện và việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.06]**.

Hằng năm, sau khi kết thúc năm học Nhà trường đều triển khai tổng kết, đánh giá phân loại viên chức **[H6.06.04.07]**. Trên cơ sở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa đánh giá, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua đội ngũ giảng viên của Khoa đều hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học **[H6.06.04.08]**. Nhiều giảng viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, nhận được Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H6.06.04.09]**. Đa số giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, tích cực nghiên cứu khoa học; nhiều giảng viên chủ trì hoặc tham gia đề tài khoa học và công nghệ các cấp **[H6.06.04.10]**, **[H6.06.04.11]**, **[H6.06.04.12]**. Ngoài ra, GV cơ hữu của Khoa phải thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, theo 4 tiêu chí đánh giá: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo, quản lý NCKH công nghệ và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## *2. Điểm mạnh*

- Công tác đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm được Nhà Trường và Khoa thực hiện nghiêm túc và đánh giá chính xác năng lực của giảng viên. Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Hầu hết giảng viên của Khoa có kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Khoa KHXH & NV có tỷ lệ lớn giảng viên có học hàm và học vị cao (PGS, TS), nhiều giảng viên của Khoa được đào tạo sau đại học ở các trường đại học uy tín.

### *3. Điểm tồn tại*

Năng lực của giảng viên chưa được đánh giá toàn diện trên nhiều mặt, chẳng hạn, chưa đánh giá năng lực ngoại ngữ, về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, về đóng góp và phục vụ cộng đồng.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH & NV chủ động đề xuất với Nhà trường về các tiêu chí để xác định và đánh giá năng lực của giảng viên một cách toàn diện. Cụ thể, bao gồm đầy đủ các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,... Đồng thời, Khoa tạo mọi điều kiện cử giảng viên tham gia vào các lớp bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm và các lớp bồi dưỡng năng lực Tiếng Anh, đồng thời cử giảng viên có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ giảng viên trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

#### *1. Mô tả*

Trường ĐHQN xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên, điều đó thể hiện qua: Đề án nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.01]; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.02]; Thông báo công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường ĐHQN [H6.06.05.03]; Thống kê trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên [H6.06.05.04]. Đồng thời, Khoa KHXH & NV cũng đã tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, từ đó lập kế hoạch phát triển cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế [H6.06.05.05]. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng

dạy được Khoa và Nhà trường chú trọng nhằm giúp giảng viên rút kinh nghiệm trong quá trình đào tạo sinh viên [H6.06.05.06], [H6.06.05.07].

Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có những chính sách đãi ngộ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên [H6.06.05.08]. Hàng năm, Nhà trường đều thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường, và sau đó Khoa phổ biến đến toàn thể giảng viên của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho các giảng viên có nhu cầu học tập, nghiên cứu và có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo quy định chung của Trường [H6.06.05.08]. Nhiều giảng viên được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong và ngoài nước [H6.06.05.09]; nhiều giảng viên được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.10]; được đào tạo nâng cao trình độ từ đại học lên thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước [H6.06.05.11]. Nhiều giảng viên được cử đi hợp tác NCKH ở các Trường/Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế [H6.06.05.12]. Các giảng viên được tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí khi tham gia các hội nghị, hội thảo ở trong nước và quốc tế và được cử đi hợp tác NCKH [H6.06.05.13], [H6.06.05.14].

Dựa theo nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, Nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng Giảng viên chính [H6.06.05.15].

Việc tuyển giảng viên của Trường được thực hiện theo nhu cầu nguồn nhân lực thực tế và được thực hiện công khai, minh bạch nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác tại Trường [H6.06.05.16]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành những chính sách đãi ngộ cụ thể quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn của giảng viên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên [H6.06.05.08], [H6.06.05.17].

## *2. Điểm mạnh*



- Khoa KHXH & NV đã xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên. Đồng thời thực hiện triển khai nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đó.

- Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích giảng viên, chuyên viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

### *3. Điểm tồn tại*

- Trình độ ngoại ngữ của GV còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài.

- Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham dự các hội nghị hội thảo, nghiên cứu khoa học,... còn hạn chế do nguồn kinh phí của Nhà trường không nhiều. Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa phù hợp. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết giảng viên đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KHXH & NV sẽ thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên, đồng thời có kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm. Xây dựng cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc được giao để GV, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, Khoa sẽ tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, chuyên viên đầy đủ và toàn diện. Đề xuất Nhà trường thay đổi hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ phù hợp nhu cầu và mong đợi của GV.

- Khoa sẽ kiến nghị kịp thời về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc để giảng viên, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

***1. Mô tả***

Nhà trường đã sớm ban hành những Quy định cụ thể về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên. Đối với giảng viên phải đảm bảo số giờ chuẩn theo quy định, bao gồm: số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH trong một năm học [H6.06.06.01], [H6.06.06.02]. Quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, là việc mà Trường ĐHQN đã triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Dựa vào đó Khoa thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên hằng năm theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau.

Các hoạt động thi đua, khen thưởng được tổ chức nghiêm túc và đạt hiệu quả, thể hiện qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN [H6.06.06.03]; Các Quyết định về công nhận, khen thưởng các danh hiệu thi đua của cán bộ quản lý hằng năm [H6.06.06.04]; Các quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng [H6.06.06.05]; Kết quả xếp loại viên chức hằng năm [H6.06.06.06].

Nhà trường có Quy định về khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế [H6.06.06.07]. Việc này thật sự có tác dụng đẩy mạnh sự nỗ lực trong công tác NCKH của giảng viên. Nhiều giảng viên của Khoa đã và đang làm chủ nhiệm các đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ, cấp Nhà nước; hằng năm giảng viên có nhiều công trình nghiên cứu được xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế uy tín trong danh mục ISI [H6.06.06.08], [H6.06.06.09], [H6.06.06.10], [H6.06.06.11]. Các đề tài hoàn thành đều được nghiệm thu và đánh giá tốt. Các bài báo khoa học và các đề tài sau khi nghiệm thu làm cơ sở bình xét thi đua đối với giảng viên. Bên cạnh đó, mức độ hoàn thành công việc sẽ là căn cứ để Nhà trường tổ chức họp bình xét thi đua - khen thưởng cấp Trường và các cấp cao hơn. Những giảng viên hoàn thành tốt công tác giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác, luôn được ghi nhận và khích lệ bằng những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng...

Nhà trường căn cứ vào kết quả xếp loại thi đua của cán bộ để chi trả thu nhập tăng thêm theo từng quý và đây thực sự là nguồn động viên, khuyến khích cán bộ nỗ lực hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao [H6.06.06.12]. Đặc biệt, Nhà trường còn thực hiện xét nâng lương trước hạn cho những cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc [H6.06.06.13].

### *2. Điểm mạnh*

- Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng đã giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Nhiều giảng viên của Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen của Công đoàn ngành Giáo dục, ... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

### *3. Điểm tồn tại*

Hiện nay việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên về NCKH của Nhà trường vẫn chưa có mức khen thưởng cho những giảng viên có nhiều giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn nghiên cứu khoa học hàng năm và bảo lưu số giờ nghiên cứu khoa học cho một năm tiếp theo. Do vậy, việc khen thưởng chưa có sự khác biệt đối với giảng viên là tác giả chính, tác giả liên hệ của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ năm học 2019-2020, Đề xuất với Nhà trường tiếp tục thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thực hiện các chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, công bằng và công khai.

- Nhà trường nghiên cứu đưa ra quy định định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của giảng viên, về việc khen thưởng các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI. Đồng thời, Nhà trường cố gắng cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực cho giảng viên tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

***1. Mô tả***

Các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao CLĐT và hợp tác quốc tế. NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong Khoa. Trong bảng kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài các cấp; hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, tiến sĩ) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định. Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về chất lượng và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV. Điều này được thể hiện qua quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên Trường ĐHQN [H6.06.07.01]; các tài liệu quy định về việc tuyển chọn, thực hiện đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.02]; Thống kê các đề tài NCKH của đội ngũ chuyên viên [H6.06.07.03]; Thống kê và các báo cáo sáng kiến kinh nghiệm của đội ngũ chuyên viên [H6.06.07.04]; Thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện giai đoạn 2011-2018 [H6.06.07.05]; Thống kê công bố trong nước và công bố quốc tế 2011-2018 [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]; Thống kê số giờ NCKH của giảng viên hằng năm [H6.06.07.08]. Dựa vào đó, Khoa và Nhà trường tiến hành đánh giá và phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm một cách chính xác, công bằng [H6.06.07.09]. Đồng thời, các GV của khoa cũng đã đưa ra các ý kiến phản hồi về chế độ chính sách, giải pháp phát huy hoạt động NCKH của khoa và nhà trường [H6.06.07.10].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo trường, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, [H6.06.07.11], [H6.06.07.12]. Thông qua lý lịch khoa học của các GV cũng cho thấy rằng, năng lực NCKH của GV được cải thiện rõ rệt, chất lượng các kết quả nghiên cứu ngày càng tăng cao. GV luôn cố gắng học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng, tích cực tham gia các đề tài, dự án, công bố các công trình nghiên cứu ở các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước [H6.06.07.13].

Khoa và Nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích mạnh mẽ cán bộ giảng viên trong Khoa tăng cường trao đổi, hợp tác NCKH với các giảng viên, chuyên gia từ các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước để giúp nâng cao trình độ NCKH của giảng viên cũng như nâng cao uy tín NCKH học của Khoa và Nhà trường.

## *2. Điểm mạnh*

- Đội ngũ giảng viên Khoa KHXH & NV đã tham gia rất nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, hội thảo trong nước và quốc tế có uy tín, tham gia các dự án nghiên cứu, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo để phục vụ đào tạo. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT.

- Một số giảng viên có thành tích NCKH xuất sắc đã được trao tặng các giải thưởng danh giá về NCKH của quốc gia.

## *3. Điểm tồn tại*

- Số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn chưa nhiều.

- Các công trình mang tính liên ngành với các Khoa khác trong Trường và các đơn vị ngoài trường còn chưa phong phú.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2019-2020, thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức khác nhau, Khoa sẽ đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa giảng viên của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa sẽ chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH nào có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

Cùng với Nhà trường, Khoa KHXH & NV đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ giảng viên và

nhà nghiên cứu viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên luôn hợp lý đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, chuyên viên để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ giảng viên, chuyên viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, chuyên viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và chuyên viên đã được Trường, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công tác xã hội đã đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 05 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 6/7.

### **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

#### ***Mở đầu***

Chất lượng GD & ĐT được xã hội đặc biệt quan tâm, điều này đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với phát triển nhân lực nói chung và nhân lực trong lĩnh vực GD&ĐT nói riêng. Chất lượng đào tạo là vấn đề quan trọng của các cơ sở giáo dục đại học, vấn đề này phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa giảng viên và người học. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên sẽ không thể thực hiện tốt nhiệm vụ và người học sẽ khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên làm việc tại các đơn vị phục vụ đào tạo. Vì vậy, trong những năm qua, bên cạnh việc chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

***1. Mô tả***

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên nói chung và nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nói riêng là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng, đóng một vai trò không nhỏ trong việc hỗ trợ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Chính vì vậy, Trường Đại học Quy Nhơn đã và đang quan tâm đến việc quy hoạch đội ngũ nhằm đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng đội ngũ nhằm tạo được hiệu quả cao trong công việc chung của Nhà trường.

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nhà trường phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ này đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01]. Đội ngũ viên chức làm công tác hỗ trợ, phục vụ được quy hoạch theo vị trí việc làm, chiếm tỷ lệ không quá 25% trên tổng số công chức, viên chức toàn đơn vị [H7.07.01.02].

Thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H7.07.01.03], Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có các chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên được xác định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ như: thu nhập tăng thêm; tiền hỗ trợ phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; ... [H7.07.01.04].

Đội ngũ nhân viên của Thư viện được quy hoạch trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động Trung tâm TTTL theo hướng hiện đại [H7.07.01.05]. Hiện nay, Thư viện có 15 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt yêu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình phục vụ công tác đào tạo, NCKH của CB, GV, HV và SV trong toàn trường nói chung và Khoa KHXXh&NV nói riêng

[H7.07.01.06], [H7.07.01.07]. Bên cạnh việc phục vụ yêu cầu cho công tác đào tạo và NCKH, đội ngũ nhân viên của Thư viện còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Ngày Hội sách (dành cho bạn đọc trên địa bàn tỉnh Bình Định),... [H7.07.01.07]. Bên cạnh đó, hằng năm đội ngũ nhân viên Thư viện còn tổ chức các hoạt động phục vụ bạn đọc như: tổ chức triển lãm sách, hướng dẫn tra cứu cơ sở dữ liệu ProQuest,... [H7.07.01.08].

Về đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng khoa, theo cơ cấu chung của Nhà trường, Khoa KHXH & NV có 01 thư ký và 02 trợ lý giáo vụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác; có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa như: quản lý điểm thi, quản lý đăng ký học học kỳ phụ, xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH sinh viên; đánh giá kết quả rèn luyện, giải đáp thắc mắc của sinh viên,... Trong những năm qua, đội ngũ này thực hiện tốt các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Khoa KHXH & NV [H7.07.01.09].

Ngoài ra, đội ngũ nhân viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị như: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, phòng máy tính, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác [H7.07.01.10], [H7.07.01.11]. Kết quả khảo sát của Nhà trường cho thấy phần lớn sinh viên hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.12].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên thực tế, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa KHXH & NV có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## *3. Điểm tồn tại*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường



xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2019 -2020, Nhà trường chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ giảng viên và người học để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong những năm tiếp theo, Nhà trường hoàn thiện đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý hơn.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

##### *1. Mô tả*

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên được Nhà trường và Khoa rất chú trọng. Đồng thời, được thực hiện theo quy trình, đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực của ngành GD&ĐT nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa và Nhà trường luôn quan tâm về việc khảo sát phân tích nhu cầu nhân lực để có cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng nhân viên. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.02.01]* và *Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.02]*. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin... Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác, ... Bên cạnh đó, các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị, cá nhân trong Trường trước khi chính thức ban hành

và phổ biến công khai [H7.07.02.03].

Hằng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, xét nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân viên của các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm [H7.07.02.04], Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng đội ngũ này với các chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và minh bạch trên trang thông tin điện tử, cũng như bảng tin của Nhà trường và Khoa [H7.07.02.05].

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số [H7.07.02.06]. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch [H7.07.02.07]. Tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản đến các đơn vị trong Nhà trường [H7.07.02.08].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch, thông báo và kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch.

## *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7*

### *Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá*

### *1. Mô tả*

Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối mỗi năm học trên cơ sở *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.03.01]*. Hằng năm, căn cứ Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc xác định và đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể **[H7.07.03.02]**, **[H7.07.03.03]**.

Trình tự của việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo quy định. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý sự hài lòng của sinh viên về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ này cũng là một cơ sở xem xét **[H7.07.03.04]**. Trưởng đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường. Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận **[H7.07.03.05]**.

Trong những năm gần đây, hầu hết đội ngũ chuyên viên của Trường và Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.05]**. Một số nhân viên có các sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng hiệu quả trong công việc hoặc lập thành tích xuất sắc được Hiệu trưởng khen thưởng và công nhận các danh hiệu thi đua **[H7.07.03.06]**, **[H7.07.03.07]**.

### *2. Điểm mạnh*

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường nói chung và của Khoa KHXH & NV nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát sự hài lòng sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, chưa khảo sát phản hồi của giảng viên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thường xuyên, theo định kỳ nhằm có thêm cơ sở đánh giá chính xác năng lực của nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

#### *1. Mô tả*

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Nhà trường và Khoa coi trọng. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên đáp ứng mục tiêu chung của Nhà trường đã đề ra. *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*, Trường Đại học Quy Nhơn đã xác định rõ các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức hành chính: Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan [H7.07.04.01]. Hằng năm, Trường đều có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H7.07.04.02].

Trong 5 năm qua, Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại Trường hoặc tại các cơ sở đào tạo trên cả nước [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo *Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN*. Qua đó, Trường hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ nhân viên được đi học nghiên cứu sinh, cao học, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham dự hội thảo, hội nghị khoa học... Điều này góp phần tạo động lực cho nhân viên phấn đấu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt

các nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.05], [H7.07.04.06].

## *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

- Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### *1. Mô tả*

Nhà trường đã ban hành các văn bản: *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN*, nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng cho viên chức theo từng năm học. Quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ trong *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*. Hằng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể

**[H7.07.05.01]**. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H7.07.05.02]**.

Hằng năm, Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên dựa trên khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công cho nhân viên theo kế hoạch công tác **[H7.07.05.03]**. Mỗi nhân viên có trách nhiệm tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành công việc được giao. Kết thúc mỗi năm học, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với viên chức và thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với cá nhân. Kết quả phân loại đánh giá viên chức được Hiệu trưởng phê duyệt làm cơ sở cho việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với từng cá nhân được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua **[H7.07.05.04]**, **[H7.07.05.05]**, **[H7.07.05.06]**.

Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị Công chức-Viên chức hằng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung **[H7.07.05.07]**. Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác.

## *2. Điểm mạnh*

Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm (KPIs) để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 3/7*

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN nói chung và của Khoa KHXH & NV nói riêng đảm bảo về số lượng và chất lượng; được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định của Nhà trường; được công bố công khai, minh bạch. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường và của Khoa KHXH & NV hàng năm được đánh giá, khen thưởng và công nhận theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong năm học tới, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công tác xã hội đã đạt yêu cầu 4/5 tiêu chí, trong đó 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm. Có 1 tiêu chí không đạt yêu cầu là đạt 3/7.

##### **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

###### ***Mở đầu***

Đứng trước xu thế phát triển của đất nước, nền giáo dục Việt Nam cũng đang có những bước tiến vượt bậc và những thay đổi nhất định để bắt kịp đà tăng trưởng của quốc gia và thế giới. Đây là giai đoạn mà nhiều trường đại học khác trong nước có sự thay đổi và cạnh tranh lớn về số lượng cũng như chất lượng của người học. Đối mặt với những thách thức đó, trong những năm qua, nhà trường buộc phải xây dựng lại chính sách tuyển sinh cho phù hợp, rõ ràng, và đã đưa ra các phương pháp xét tuyển công khai. Nhà trường cũng đã thiết lập hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch. Đồng thời, các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Bên cạnh đó,

nhà trường đặc biệt quan tâm cải thiện môi trường tâm lý xã hội tích cực, làm cho cảnh quan xung quanh xanh, sạch, đẹp và tiện ích hơn tạo nên sự thoải mái cho người học. Điều này đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành CTXH nói riêng và các ngành đào tạo của nhà trường nói chung.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật***

***1. Mô tả***

Khoa TLGD&CTXH (hiện tại là khoa KHXXH&NV) trực thuộc Trường ĐHQN theo quyết định số 889/ QĐ- ĐHQN, Bình Định, ngày 21 tháng 5 năm 2019 với tiền thân là từ 03 khoa: Khoa TL-GD&CTXH; Khoa Ngữ Văn và Khoa Lịch sử. Việc tuyển người học của khoa theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01]. Hình thức, chỉ tiêu và quy trình xét tuyển luôn được xác định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết thông qua các đề án tuyển sinh của nhà trường [H8.08.01.02]. Các thông tin xét tuyển được cập nhật và công bố công khai trong các thông báo, kế hoạch tuyển sinh/xét tuyển của Nhà trường, trên website của Trường, trên cổng thông tin tuyển sinh điện tử của Bộ GD&ĐT và dán tại các bảng tin trong trường [H8.08.01.03], [H8.08.01.04], [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07].

Ngoài ra, thông qua Kế hoạch tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT trong tỉnh Bình Định và các vùng lân cận, Ban tư vấn tuyển sinh của trường phối hợp với khoa cung cấp cho học sinh đầy đủ các thông tin về chính sách tuyển sinh của ngành CTXH [H8.08.01.08]. Đồng thời, hàng năm, trường phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh ngay tại Trường ĐHQN dưới hình thức ngày hội tư vấn hướng nghiệp - tuyển sinh và ngày hội tư vấn xét tuyển [H8.08.01.09].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 05 năm qua, Khoa KHXXH& NV đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng sinh viên theo học như sau:

**Bảng 8.1.1. Tình hình tuyển sinh của KHXXH& NV trong 05 năm học gần đây**

<b>Năm học</b>	<b>Số lượng được tuyển</b>	<b>Ghi chú</b>
2015 – 2016	171	Khoa TL-GD& CTXH
2016 – 2017	109	Khoa TL-GD& CTXH
2017 – 2018	136	Khoa TL-GD& CTXH



2018 – 2019	87	Khoa TL-GD& CTXH
2019-2020	186	Khoa KHXH& Nhân văn

**Bảng 8.1.2.** Số lượng sinh viên Khoa KHXH& NV trong 05 năm học gần đây

Năm học	Người học				Tổng số	Ghi chú
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư		
2015 – 2016	171	130	116	134	551	Khoa TL-GD& CTXH
2016 – 2017	109	171	130	116	526	Khoa TL-GD& CTXH
2017 – 2018	136	208	171	130	857	Khoa TL-GD& CTXH
2018 – 2019	87	136	109	171	503	Khoa TL-GD& CTXH
2019-2020	186	226	273	208	893	Khoa KHXH& Nhân văn

**Bảng 8.1.3.** Số lượng sinh viên ngành Công tác xã hội trong 05 năm học gần đây

Năm học	Người học				Tổng số	Ghi chú
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư		
2015 – 2016	58	0	57	80	195	Khoa TL-GD& CTXH

2016 – 2017	56	58	0	57	171	Khoa TL- GD& CTXH
2017 – 2018	97	56	58	0	211	Khoa TL- GD& CTXH
2018 – 2019	62	97	56	58	273	Khoa TL- GD& CTXH
2019-2020	45	62	97	56	260	Khoa KHXH& Nhân văn

Các bảng số liệu trên cho thấy tổng số sinh viên của KHXH& NV tăng dần theo từng năm học theo nhu cầu xã hội và chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, năm học 2014-2015, do Bộ Giáo dục và đào tạo Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh vì đội ngũ nhân lực chưa được chuẩn hóa, còn thiếu học hàm Tiến sĩ nên khoa đã không được tuyển sinh ngành CTXH. Dẫn đến năm học 2015-2016, sinh viên năm hai ngành CTXH không có. Nhận thực được ngành CTXH là một ngành mới, với nhiều tính chất đặc thù của tổ bộ môn, đội ngũ giảng viên mỏng nên Ban chủ nhiệm Khoa và Tổ bộ môn đã động viên giảng viên trong tổ tham gia học tập nâng cao trình độ và ngay trong năm học tiếp theo 2015 -2016, ngành CTXH đã có đủ điều kiện để tiếp tục tuyển sinh các khóa tiếp theo.

### *2. Điểm mạnh*

Chính sách tuyển sinh của KHXH&NV luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên trên website của Trường ĐHQN, website của khoa và một số địa chỉ khác. Từ đó, người học luôn có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

### *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhưng chính sách tuyển sinh của khoa vẫn chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực và yêu thích ngành công tác xã hội vào học tại khoa.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Để giải quyết những tồn tại nêu trên, từ năm học 2019-2020, Khoa KHXH&NV sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học thực hiện một số công việc như sau:

- Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh;

- Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn, mỗi giảng viên trong khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết, và tích cực về khoa, ngành CTXH và các chuyên ngành khác của khoa. Từ đó người học, người tham gia có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành đào tạo của khoa nhằm tạo ra một kênh truyền thông về khoa từ người học;

- Lãnh đạo Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học 2020 - 2021 và những năm học tiếp theo. Đặc biệt là có thể thu hút được ngày càng nhiều các học sinh giỏi, có năng lực và đam mê lĩnh vực khoa học xã hội vào học ngành CTXH.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá***

#### *1. Mô tả*

Người học là nhân tố quan trọng nhất trong công tác giáo dục hiện nay. Vì vậy, công tác tuyển chọn người học được xác định là một khâu rất quan trọng góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ đào tạo. Việc tuyển chọn người học được qui định bằng những tiêu chí rõ ràng, cụ thể và với những phương pháp tuyển chọn hợp lý, khoa học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được nhà trường và khoa cập nhật sửa đổi thường niên trên các đề án tuyển sinh.

Trước năm học 2015-2016, các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của khoa được đưa ra dựa trên quy định cũ của Bộ GD&ĐT: thí sinh được tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi chung do Bộ GD&ĐT tổ chức.

Từ năm học 2016-2017 đến nay, công tác tuyển sinh ngành CTXH được thực hiện theo chính sách tuyển sinh mới của nhà trường. Trong đề án tuyển sinh, nhà trường đã bổ sung nhiều phương pháp xét tuyển người học như dựa trên kết quả của kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia, xét tuyển dựa vào học bạ THPT và hình thức xét tuyển thẳng [H8.08.02.01].

Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học dựa trên ý kiến các bên liên quan. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường ĐHQN đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa cũng luôn có những ý kiến đóng góp về chỉ tiêu tuyển sinh cho ngành CTXH, về phương pháp lựa chọn người học, cách thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả cho đề án tuyển sinh của Trường [H8.08.02.02].

Với các tiêu chí và phương pháp để tuyển chọn người học theo cách mới như trên, ngành CTXH đã tuyển được thí sinh đạt các tiêu chí đặt ra và cơ bản đạt chuẩn chất lượng đầu vào.

Dữ liệu tuyển sinh hàng năm của ngành Công tác xã hội luôn được lưu trữ tại phòng Đào tạo Đại học của nhà trường [H8.08.02.03]. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Ban tuyển sinh của trường tiến hành rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho năm sau [H8.08.02.01]. Ban tư vấn tuyển sinh của trường cũng tiến hành phân tích xu hướng người học và dự báo tình hình tuyển sinh để tư vấn cho các năm sau. Trên cơ sở đó, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế, tầm nhìn và sứ mạng của trường ĐHQN, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên [H8.08.02.04].

## *2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác.

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù có những ưu điểm nêu trên, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành CTXH yêu

cầu ngày càng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số sinh viên không theo kịp CTĐT của Khoa.

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng kí nhập học không khớp với nhau, tỉ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, trong kỳ tuyển sinh cho năm học 2020-2021, khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của nhà trường, trao đổi, thảo luận và đưa ra các giải pháp như sau:

- Đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào ngành CTXH một cách phù hợp;

- Theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh và can thiệp kịp thời;

- Có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học***

#### *1. Mô tả*

Trường ĐHQN có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của sinh viên. Công tác giám sát được thực hiện bởi sự phối hợp chặt chẽ giữa khoa TLGD&CTXH (Hiện tại là khoa KHXX&NV) với các phòng chức năng trong Trường.

Về học tập, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ và Đề cương chi tiết của từng học phần do Nhà trường ban hành [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Cụ thể, điểm đánh giá của mỗi học phần là trung bình có trọng của điểm chuyên cần (trọng số 0.1), điểm giữa kỳ (trọng số 0.2) và điểm cuối kỳ (trọng số 0.7). Theo cách đánh giá, sinh viên sẽ được giám sát chặt chẽ, chính xác trong mỗi tiết học cũng như trong suốt quá trình học tập của mỗi học phần bởi chính các giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần. Hơn nữa, với việc tổ chức thi kết thúc học phần nghiêm túc và khoa học của Trường ĐHQN, điểm thi cuối kỳ của sinh viên được đánh giá khách quan và chính xác

**[H8.08.03.03]**. Hệ thống giám sát, đánh giá phù hợp như trên đã tạo cho sinh viên thói quen học tập chăm chỉ, trung thực và nghiêm túc.

Về rèn luyện, kết quả rèn luyện của sinh viên được đánh giá thông qua việc sinh viên chấp hành những nội quy của lớp, khoa và trường quy định, cũng như tích cực tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và hoạt động NCKH sinh viên trong trường. Kết quả rèn luyện được đánh giá theo từng học kỳ và theo đúng quy định của nhà trường **[H8.08.03.04]**. Hơn nữa, để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH, nhà trường đã dành một phần kinh phí để hỗ trợ cho hoạt động này **[H8.08.03.05]**. Điều này đã góp phần thúc đẩy sinh viên có nhiều tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên, khoa TLGD&CTXH (Hiện tại là Khoa KHXH&NV) và nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý điểm của sinh viên, đồng thời thành lập một đội ngũ cố vấn học tập làm công tác kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn sinh viên trong các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện **[H8.08.03.06]**. Mỗi tháng, cố vấn học tập được quy định gặp lớp sinh viên mình phụ trách một lần để thông báo các nội dung hoạt động hàng tháng của khoa và trường, đồng thời tiếp thu, tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện **[H8.08.03.07]**, **[H8.08.03.08]**. Do đó, cố vấn học tập luôn nắm được cụ thể tình hình học tập cũng như rèn luyện của từng sinh viên trong tháng. Từ đó, phối hợp với khoa và nhà trường đưa ra các biện pháp phù hợp để giúp đỡ sinh viên tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Công tác Sinh viên cung cấp cho khoa, cố vấn học tập, và sinh viên bảng điểm rèn luyện và bảng điểm tổng hợp các học phần của mỗi sinh viên, trong đó ghi rõ tổng số tín chỉ mà sinh viên đã tích lũy, điểm trung bình chung các học phần **[H8.08.03.09]**, **[H8.08.03.10]**, **[H8.08.03.11]**. Điều này sẽ giúp sinh viên nắm được đầy đủ thông tin liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện của mình. Trên cơ sở đó, cùng với sự hỗ trợ từ các cố vấn học tập, sinh viên sẽ đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được kết quả học tập và rèn luyện tốt hơn.

Cố vấn học tập phối hợp với trợ lý đào tạo cung cấp cho sinh viên thông tin về CTĐT, khối lượng kiến thức theo học kỳ, khối kiến thức chuyên ngành, các học phần

bắt buộc và tự chọn, giúp sinh viên lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số tín chỉ theo quy định **[H8.08.03.07]**. Sự phân bổ các học phần theo học kỳ đảm bảo sinh viên có học lực trung bình có thể hoàn thành CTĐT đúng hạn. Các sinh viên khá, giỏi có thể đăng ký học vượt và có thể hoàn thành chương trình sớm hơn theo đúng quy định **[H8.08.03.01]**.

Trên cơ sở Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Bộ GD&ĐT, Quy định đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Trường ĐHQN, Khung CTĐT và kết quả học tập của sinh viên ngành Công tác xã hội, Nhà trường cùng với Khoa TLGD&CTXH (Hiện tại là Khoa KHXH&NV) và Cố vấn học tập sẽ xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đối với sinh viên có điểm học tập và rèn luyện dưới mức quy định **[H8.08.03.01]**, **[H8.08.03.12]**, **[H8.08.03.13]**. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được khoa TLGD&CTXH (hiện tại là khoa KHXH&NV), phòng Đào tạo Đại học, phòng Công tác Sinh viên và cố vấn học tập thông báo kịp thời cho sinh viên và gia đình để theo dõi sự tiến bộ của sinh viên qua mỗi học kỳ.

## *2. Điểm mạnh*

- Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và bổ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các học phần phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

- Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

## *3. Điểm tồn tại*

- Một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chung chiếm thời lượng quá nhiều ngay từ năm thứ nhất. Điều đó làm cho người học giảm hứng thú học tập ngay thời gian mới nhập học.

- Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

## *4. Kế hoạch hành động*

Đề xuất Nhà trường cân đối lại CTĐT sao cho phù hợp, từ đó tạo khí thế học tập tốt hơn cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

Hằng năm, khoa KHXH&NV sẽ thường xuyên phổ biến rộng rãi CTĐT, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đến người học.

Đề xuất nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ để người học cập nhật được thông tin kịp thời.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học***

*1. Mô tả*

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học tại trường ĐHQN được tiến hành dưới sự hỗ trợ liên tục, thường xuyên của khoa và các phòng chức năng, Trung tâm. Trong đó, phòng công tác chính trị - sinh viên; trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và khoa là các đơn vị hỗ trợ trực tiếp đến các hoạt động của sinh viên.

Đối với phòng Công tác chính trị - sinh viên, phòng có hai chức năng nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện các công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong sinh viên và công tác quản lý sinh viên **[H8.08.04.01]**. Trong đó, về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong sinh viên, Phòng thực hiện tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nội quy, quy định của ngành và của trường đến sinh viên, giúp sinh viên không chỉ hoàn thiện nhiệm vụ học tập mà còn không ngừng tu dưỡng về phẩm chất đạo đức, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội trong giai đoạn hiện nay. Về công tác quản lý sinh viên, phòng thực hiện việc tiếp nhận sinh viên khóa mới; thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên về vay vốn, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội; Tiến hành, đánh giá kết quả rèn luyện, xét khen thưởng, học bổng theo định kỳ (học kỳ I, II, cả năm học); tổ chức Đại hội biểu dương sinh viên tiêu biểu. Xét học bổng từ các nguồn tài trợ của các cơ quan, doanh nghiệp; Tổ chức các công tác hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ - thể thao trong sinh viên **[H8.08.04.02.]**.

Đối với trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, nhà trường đã thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm **[H8.08.04.03]** và thông qua trung tâm này, nhà trường thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm, mời các



doanh nghiệp tham gia giới thiệu cho sinh viên những vị trí và cơ hội việc làm. **[H8.08.04.04]**.

Đối với khoa, Ban chủ nhiệm khoa và hệ thống cố vấn học tập các lớp luôn nắm bắt và hỗ trợ kịp thời các vấn đề về học tập cho sinh viên. Trường và khoa giao nhiệm vụ cho các cố vấn học tập chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho sinh viên, phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lí, hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Công tác cố vấn học tập được phân công và triển khai ngay từ đầu các năm học **[H8.08.04.05]** **[H8.08.04.06]**. Cố vấn học tập là những giảng viên có kinh nghiệm, hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập như việc: lựa chọn đăng kí học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập...

Định kì vào cuối tháng, nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó thông tin cụ thể đến sinh viên tình hình hoạt động của nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của người học **[H8.08.04.07]**. Bên cạnh đó, khoa thường xuyên giúp hỗ trợ các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, những sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện. Vào đầu mỗi năm học, khoa thường khen thưởng cho các tân sinh viên có kết quả trúng tuyển cao hoặc hoàn cảnh khó khăn **[H8.08.04.08]**.

Ngoài các tổ chức như trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, phòng Công tác chính trị - sinh viên, ban chủ nhiệm khoa và hệ thống cố vấn học tập, sinh viên còn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ các tổ chức Đoàn thanh niên và Hội sinh viên **[H8.08.04.09]**. Đoàn - Hội các cấp thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và tình nguyện như: *Ngày sách Việt Nam, Ngày hội khởi nghiệp, ngày Chủ nhật xanh, Tình nguyện hè...* **[H8.08.04.10]**. Đặc biệt, ở cấp khoa, liên chi đoàn và liên chi hội thường xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động thiết thực cho sinh viên ngành CTXH nói riêng và Khoa nói chung. Đầu năm, khoa cùng với liên chi đoàn và liên chi hội xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học với các hoạt động tiêu biểu như: chương trình *Chào tân sinh viên*, các hoạt động chào mừng *Ngày Nhà giáo Việt Nam*, giải bóng đá nam - nữ, các hoạt động chào mừng ngày *Phụ nữ Việt Nam (20-10)* và *Quốc tế phụ nữ (8-3)* và *Chiến dịch tình nguyện hè*

**[H8.08.04.11]**. Các hoạt động này giúp sinh viên xây dựng một môi trường thân thiện, hòa đồng, tạo sự gắn kết giữa sinh viên với nhau từ đó giúp hỗ trợ tích cực cho việc học tập. Sinh viên ngành CTXH còn được tham gia vào rất nhiều các câu lạc bộ khác nhau của Hội sinh viên, nổi bật là câu lạc bộ CTXH **[H8.08.04.12]**. Đây được xem là môi trường sinh hoạt, trải nghiệm gần gũi nhất với sinh viên ngành CTXH. Câu lạc bộ thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng đến cộng đồng như: văn nghệ gây quỹ từ thiện, nấu cơm từ thiện, thu lượm ve chai gây quỹ,... Câu lạc bộ đã tạo cơ hội để sinh viên vừa phát triển các kỹ năng mềm cho bản thân, vừa vun đắp tình yêu thương con người - một trong những đức tính quý báu của một nhân viên CTXH tương lai **[H8.08.04.13]**.

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được tiến hành liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập của sinh viên tại Trường ĐHQN.

Ngay từ lúc mới nhập học, sinh viên đã được Nhà trường và Khoa tổ chức đón tiếp và tư vấn rất chu đáo về các thủ tục nhập học, thông tin tổng quan về trường và khoa, về CTĐT, Quy định và Quy chế đào tạo, phương pháp hòa nhập với môi trường học tập mới thông qua Phương hướng, nhiệm vụ năm học của nhà trường, kế hoạch đón tiếp sinh viên đầu khóa của nhà trường và của khoa, kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Nhà trường **[H8.08.04.14]**, **[H8.08.04.15]**, **[H8.08.04.16]**.

Giữa mỗi năm học, nhà trường tổ chức đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của sinh viên về tất cả hệ thống quản lý của nhà trường để có thể làm hài lòng người học **[H8.08.04.17]**. Ngoài ra, thông qua các hòm thư góp ý, sinh viên có thể tham gia đóng góp ý kiến nhằm cải thiện các hoạt động hỗ trợ học tập cho sinh viên.

Vào năm thứ hai của chương trình học, sinh viên được khoa đưa đi tham quan thực tế các cơ sở xã hội có uy tín ở các địa phương như: Bình Định, Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh **[H8.08.04.18]**. Hoạt động tham quan thực tế này sẽ giúp cho người học có cái nhìn, sự hiểu biết nhất định về môi trường làm việc sau khi ra trường. Cũng tại đây, sinh viên được giao lưu, lắng nghe nhân viên CTXH chuyên nghiệp chia sẻ cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp đào tạo, kinh nghiệm làm việc tại cơ sở xã hội

với nhiều nhóm đối tượng cụ thể, đồng thời có thể lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các nhóm đối tượng yếu thế để dễ dàng thấu hiểu, thấu cảm họ hơn. Điều đó giúp tạo động lực cho người học sau khi quay về trường và là cơ sở để người học lập kế hoạch cho lộ trình học tập cao hơn cũng như những dự kiến sau khi tốt nghiệp. Sau đợt thực tế chuyên môn, sinh viên còn được tham gia vào ba đợt thực hành (học kỳ 4,5,6), đây là cơ hội để sinh viên tiếp tục vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, giúp sinh viên vững tay nghề hơn sau khi ra trường, gia tăng cơ hội việc làm cho bản thân.

Trong quá trình học tập ở các năm cuối, sinh viên luôn được khoa cung cấp đầy đủ thông tin về các mẫu báo cáo thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp. Trong năm học này, sinh viên ngành CTXH sẽ được bố trí thực tập tại các cơ sở xã hội có uy tín, môi trường làm việc tốt, chất lượng như: Trung tâm chăm sóc và điều dưỡng người có công tỉnh Bình Định, Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội tỉnh Bình Định, Trường chuyên biệt Hy Vọng Quy Nhơn, làng SOS Quy Nhơn... Trong quá trình thực tập, Khoa luôn cử giảng viên có kinh nghiệm để hỗ trợ, tư vấn và kiểm tra tình hình thực tập của sinh viên [H8.08.04.19]. Thông qua hoạt động thực tập, sinh viên sẽ được tiếp xúc, trải nghiệm thực tế, và học hỏi được nhiều kỹ năng quan trọng liên quan đến nghề nghiệp sau này. Cũng trong năm học cuối này, những sinh viên khá - giỏi của ngành CTXH sẽ được xét và đăng ký để được hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp theo Quy định đào tạo của Trường ĐHQN. Trong thời gian làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được tiếp xúc và tập làm nghiên cứu với các giảng viên giàu kinh nghiệm nghiên cứu, bước đầu giúp các em có những kỹ năng và niềm đam mê trong nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh các hoạt động học tập theo chương trình đào tạo, sinh viên khá giỏi còn có cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên hàng năm. Đây là hoạt động hỗ trợ nhằm giúp các em làm quen với nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề để các em có thể học lên các bậc học cao hơn sau khi tốt nghiệp đại học.

## *2. Điểm mạnh*

- Ban chủ nhiệm khoa, trợ lý khoa và cố vấn học tập thường xuyên hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho sinh viên trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập.

- Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng mềm trong học tập và trong cuộc sống.

- Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm trước khi ra trường.

### *3. Điểm tồn tại*

- Sinh viên còn chưa tích cực, chủ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa.

- Sinh viên chưa mạnh dạn tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi mang tính học thuật.

- Việc tổ chức các chương trình đối thoại với sinh viên, mới chỉ được thực hiện ở cấp Trường chứ chưa được thực hiện ở cấp Khoa.

- Việc khảo sát tình trạng có việc làm của người học tốt nghiệp hằng năm chưa được thực hiện đầy đủ.

### *4. Kế hoạch hành động*

Để cải tiến những tồn tại nêu trên, trong năm học 2020-2021, khoa sẽ thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài từ trường, khoa;

- Tăng cường các hoạt động ngoại khóa phù hợp để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên;

- Xây dựng tốt kênh liên lạc với các lớp đã ra trường, đặc biệt là ban cán sự lớp để thực hiện khảo sát tình trạng có việc làm của người học tốt nghiệp hằng năm.

- Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ với doanh nghiệp cần tăng cường liên kết với nhà tuyển dụng.

- Xây dựng kế hoạch và tiến hành tổ chức các chương trình đối thoại giữa sinh viên và ban chủ nhiệm khoa.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7*

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

#### *1. Mô tả*

Trường Đại học Quy Nhơn tọa lạc tại địa chỉ 179 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, ngay cạnh bờ biển, là một trong những trường có vị trí đẹp nhất cả nước. Khuôn viên của Trường ĐHQN gồm có các khu vực: Khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm; Khu làm việc hành chính; Khu ký túc xá sinh viên; Khu thư viện và Khu hoạt động thể dục thể thao. Không gian của trường rất thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, vườn hoa, tượng đài, ghé đá, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông, hội trường và nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng. Sơ đồ các khu vực trong Trường rất rõ ràng và được công bố rộng rãi trên website của trường và trên các pano, áp phích đặt trong khuôn viên của trường nhằm tạo sự thuận tiện cho sinh viên khi di chuyển trong khuôn viên trường **[H8.08.05.01]**, **[H8.08.05.02]**, **[H8.08.05.03]**.

Các giảng đường, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao luôn được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp. Nhà trường cũng chú trọng đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học. Thư viện của trường được trang bị nhiều sách giáo trình và tài liệu, được kết nối Internet để phục vụ người học. Ký túc xá sinh viên có sức chứa hơn 3000 chỗ ở, được trang bị wi-fi, nước máy và luôn đảm bảo tốt vấn đề an ninh. Các dịch vụ giữ xe, nhà ăn, căn tin, văn phòng phẩm, photocopy được nhà trường tổ chức đấu thầu với giá cả hợp lý, chất lượng phục vụ tốt. Các khu nhà chức năng được bố trí phù hợp, tiện lợi cho sinh viên trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt và vui chơi.

Trường ĐHQN đã ban hành Quy tắc ứng xử trong nhà trường, trong đó nhấn mạnh đến quan hệ ứng xử của công chức, viên chức, người lao động trong nhà trường; quan hệ ứng xử của người học nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, hợp tác, trách nhiệm, cởi mở, trung thực, văn minh trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo **[H8.08.05.04]**. Nhà trường cũng đã ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá **[H8.08.05.05]**, **[H8.08.05.06]**, **[H8.08.05.07]**. Trong tiến trình xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhấn mạnh triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực mới và sự thoải mái trong tư tưởng của toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Khoa KHXH&NV có đội ngũ giảng viên hùng hậu, có trình độ cao, luôn nhiệt tình trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cán bộ, giảng viên của khoa luôn đoàn kết, nhiệt tình, thân thiện và giúp đỡ lẫn nhau, là tấm gương để sinh viên noi theo. Trong quan hệ với sinh viên, cán bộ, giảng viên Khoa KHXH&NV luôn gần gũi, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của sinh viên, đồng hành và hỗ trợ hết mình cho sinh viên.

Ngoài hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, các tổ chức đoàn thể của khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, các cuộc thi bổ ích để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho sinh viên, hỗ trợ các đội nhóm, câu lạc bộ tổ chức nhiều hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên; tăng cường giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng sinh viên trong Trường **[H8.08.05.08]**.

Văn phòng Khoa KHXH&NV nằm ở tầng 8 tòa nhà trung tâm, một vị trí thoáng mát và đẹp. Từ Văn phòng khoa có thể nhìn thấy toàn bộ cảnh quan bờ biển dài và công viên với nhiều cây xanh ở phía trước cổng trường. Cảnh quan này tạo không khí thoải mái và dễ chịu cho sinh viên và khách đến liên hệ làm việc với khoa

Song song với việc tạo môi trường cảnh quan tốt nhất cho sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động thể dục thể thao và rèn luyện kỹ năng, Trường ĐHQN còn chú trọng đến việc chăm sóc sức khỏe cho sinh viên thông qua các hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học và sinh viên trước khi tốt nghiệp **[H8.08.05.09]**, **[H8.08.05.10]**. Trường cũng tổ chức các chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho các sinh viên nữ **[H8.08.05.11]**.

Ngoài ra, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm ở các nhà ăn trong trường cũng được chú trọng và thường xuyên quan tâm **[H8.08.05.12]**. Công tác phòng chống cháy nổ cũng được chú trọng đầu tư **[H8.08.05.13]**, **[H8.08.05.14]**, **[H8.08.05.15]**. Công tác bảo đảm an ninh trong trường và trong khu vực cũng được nhà trường phối hợp với các cơ quan an ninh của khu vực thực hiện nghiêm túc **[H8.08.05.16]**, **[H8.08.05.17]**.

## *2. Điểm mạnh*

- Với cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại, trường ĐHQN luôn đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học, vui chơi, sinh hoạt và rèn luyện kỹ năng của người học.

- Tọa lạc ngay tại bờ biển, khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ với nhiều cây xanh, vườn hoa... là điều kiện lý tưởng không chỉ cho việc học tập, nghiên cứu mà còn tạo ra tinh thần vui tươi, phấn chấn cho người học, đặc biệt là với các ngành đào tạo mang tính nhân văn của Khoa.

- Môi trường học tập lành mạnh, đầy tính nhân văn, công tác an ninh, an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo giúp sinh viên luôn yên tâm để học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện.

- Khi học tập tại Khoa KHXH&NV, sinh viên sẽ được sống trong một môi trường đầy tính nhân văn. Ở đó, người học luôn được tôn trọng, giúp đỡ, chỉ bảo ân cần; được phát huy tối đa những phẩm chất, năng lực, kỹ năng của mình; được đối xử bình đẳng; được sống và cảm nhận về tình đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.

### *3. Điểm tồn tại*

- Không gian làm việc của khoa còn chật hẹp, chỉ có văn phòng khoa, dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ sinh viên, học viên cao học cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn cũng không được thoải mái.

- Chưa có không gian làm thư viện khoa, các phòng nghiệp vụ để phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu cho học viên, sinh viên.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2019-2020, Khoa KHXH&NV sẽ điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng bộ môn, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho mỗi cán bộ, giảng viên của khoa. Kiến nghị Nhà trường cấp thêm phòng ốc để làm thư viện, phòng nghiệp vụ phục vụ nhu cầu của sinh viên. Chỉ đạo và hỗ trợ Liên chi đoàn, Liên chi hội tổ chức nhiều hơn các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động rèn luyện kỹ năng. Đặc biệt là các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, các cuộc thi mang tính học thuật cho các chuyên ngành đào tạo của khoa nhằm tạo động lực thúc đẩy sinh viên đam mê học tập và nghiên cứu khoa học.

*5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

Chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học được Nhà trường và Khoa KHXH&NV xác định là một khâu then chốt trong hoạt động đào tạo. Chính

sách tuyển sinh được công bố công khai, cập nhật và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Quy trình đào tạo, các quy chế, quy định, các chế độ chính sách, nghĩa vụ và quyền lợi của người học được phổ biến rộng rãi, công khai. Trong suốt quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng; khối lượng học tập của SV ngành Công tác xã hội được phân bổ hợp lý, kết hợp với việc thực tập, thực tế tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc học tập và rèn luyện những kỹ năng cần thiết. Trường ĐHQN đã có sự đầu tư thích đáng CSVC phục vụ đào tạo, giảng đường, thư viện, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao, KTX... được xây dựng và đổi mới nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập, sinh hoạt, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của SV. Cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tạo tâm lý thoải mái, an toàn cho người học. Nhiều hoạt động ngoại khóa được tổ chức, qua đó góp phần giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh và hình thành những kỹ năng mềm cần thiết cho SV Trường ĐHQN nói chung và SV ngành Công tác xã hội nói riêng. Trong những năm gần đây, do sự thay đổi về chỉ tiêu tuyển sinh cũng như nhu cầu thực tế của xã hội khiến cho số lượng thí sinh đăng ký vào ngành Công tác xã hội có xu hướng giảm mạnh. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa KHXH&NV cần có chiến lược cụ thể, phát huy thế mạnh, giải quyết những tồn đọng, nâng cao chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học để có thể duy trì và phát triển ngành Công tác xã hội một cách tốt nhất.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công tác xã hội đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 02 tiêu chí đạt mức 4/7 và 03 tiêu chí đạt mức 5/7.

### **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

#### ***Mở đầu***

Trường Đại học Quy Nhơn có tổng diện tích sử dụng là 240.112m<sup>2</sup>, bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích 130.610m<sup>2</sup> tại 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm với diện tích 109.502m<sup>2</sup> ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nhà trường nói chung và Khoa KHXH & NV nói riêng luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị để phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên.



Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng... Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí; hệ thống mạng internet được kết nối toàn trường, các phần mềm quản lý đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng. Tọa lạc tại trung tâm thành phố biển Quy Nhơn, Trường ĐHQN có cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp; các vấn đề an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự luôn được đảm bảo; các sân bóng, nhà thi đấu được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt các hoạt động thể dục, thể thao.

Nhà trường thường xuyên tập trung đầu tư, cải tạo, nâng cấp các khu giảng đường, thư viện, tòa nhà hành chính, nhà thi đấu đa năng,...; chú trọng cải tiến, nâng cấp các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu; cải tạo cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe, trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, giảng viên, viên chức và người học.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả***

Trường Đại học Quy Nhơn có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu theo quy định hiện hành. Khoa KHXH & NV được Nhà trường bố trí cho hai phòng làm việc tại tầng 8 Nhà 15 tầng (P.81; P.82), một phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, một văn phòng được dùng cho các thư ký, trợ lý làm việc và các Bộ môn tổ chức hoạt động seminar [H9.09.01.01].

Văn phòng Ban Chủ nhiệm khoa, văn phòng khoa được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ đựng tài liệu, 8 máy tính với các phần mềm quản lý, trong đó có 3 máy tính cho phòng Ban chủ nhiệm khoa, 5 máy tính đặt ở văn phòng chung, 5 máy in, 1 máy chiếu, hệ thống internet và các thiết bị ánh sáng, nhiệt độ phù hợp để phục vụ các

hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu và trao đổi khoa học với các nhà khoa học trong nước và quốc tế [H9.09.01.02],[H9.09.01.03, [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].

Nhà trường có 6 khu giảng đường: A1, A2, A3, A5, A8 và Nhà 4 tầng với 144 phòng học có tổng diện tích sàn xây dựng là 25.748m<sup>2</sup>, trong đó có 30 phòng học có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ ngồi, 101 phòng học có sức chứa từ 50 đến 100 chỗ ngồi, 13 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ ngồi [H9.09.01.07], [H9.09.01.10]. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, tivi, bảng đen và có hệ thống âm thanh, điện chiếu sáng, quạt thông gió, wireless internet,... đảm bảo phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, học tập của giảng viên, học viên và sinh viên [H9.09.01.04],[H9.09.01.06],[H9.09.01.07],[H9.09.01.08], [H9.09.01.9]. Sinh viên Khoa KHXH & NV sử dụng các phòng học ở các giảng đường theo bố trí của phòng Đào tạo Đại học [H9.09.01.10],[H9.09.01.11].

Nhà trường có 04 phòng hội thảo và 03 hội trường lớn được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và hệ thống internet [H9.09.01.01], [H9.09.01.06]. Phòng đọc tại Thư viện có 700 chỗ ngồi với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.01.06], [H9.09.01.07], [H9.09.01.11].

Hàng năm, nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, giảng viên, viên chức và người học về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H9.09.01.09]. Kết quả phản hồi là cơ sở để Nhà trường và Khoa điều chỉnh các biện pháp quản lý, bổ sung trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp các phòng học, hội trường, thư viện,... nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.01.09].

## *2. Điểm mạnh*

- Phòng làm việc và phòng học và các phòng chức năng của Khoa được trang bị các thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa KHXH & NV.

- Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch sửa chữa và nâng cấp các trang thiết bị.

## *3. Điểm tồn tại*

Các Bộ môn của Khoa KHXH & NV chưa được bố trí phòng làm việc riêng. Mặt khác văn phòng Khoa cũng là nơi tổ chức sinh hoạt chi bộ, họp khoa, họp bộ môn, họp BCH Liên chi đoàn. Việc sử dụng chung Văn phòng Khoa để làm việc, làm hạn chế việc tối ưu hóa thời gian và chất lượng nghiên cứu của giảng viên.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KHXH và NV đề nghị Nhà trường bố trí cho mỗi Bộ môn 01 phòng nghiệp vụ với các trang thiết bị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của giảng viên.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

##### *1. Mô tả*

Thư viện Trường Đại học Quy Nhơn có đủ điều kiện để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên, học viên và sinh viên trong Trường. Thư viện tọa lạc trên khuôn viên phía Đông Nam của Trường ĐHQN, có tổng diện tích sàn xây dựng gần 4.500 m<sup>2</sup>, bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Thư viện có 01 phòng giáo trình, 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 01 phòng đọc thân thiện, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học với tổng cộng khoảng 700 chỗ ngồi [H9.09.02.01]. Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, internet;

Hàng ngày, Trung tâm mở cửa từ 7h00 đến 11:30 sáng và từ 13:30 đến 17:00 chiều, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, học viên và sinh viên tiếp cận các nguồn học liệu [H9.09.02.02]. Để vận hành hiệu quả Thư viện, Nhà trường và Thư viện đã ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, học viên và sinh viên khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu [H9.09.02.01],[H9.09.02.02].

Trong những năm gần đây, nguồn tài nguyên của thư viện đã không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa (bản in và điện tử). Hiện tại, Thư viện đang phục vụ gần 30.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), gần 3.000 luận văn, luận án, đồ án các loại, hơn 70 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài...đáp ứng nhu cầu

học tập và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên và học viên [H9.09.02.03]. Giáo trình và tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí, tài liệu), luôn được bổ sung, cập nhật theo các văn bản đề xuất từ các đơn vị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.04].

Từ năm 2016, Thư viện đã hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu) [H9.09.02.06], [H9.09.02.08].

Để khuyến khích và phát triển văn hóa đọc trong sinh viên, năm 2015 và năm 2017, 2018, Thư viện và Hội sinh viên Trường đã phối hợp tổ chức “Ngày sách Việt Nam”, Tổ chức triển lãm bản đồ và trưng bày tư liệu “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - những bằng chứng lịch sử và pháp lý, tại Trường Đại học Quy Nhơn [H9.09.02.07].

Từ năm 2012 đến nay, Thư viện đã tổng hợp các dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện và các nguồn học liệu thông qua khảo sát bạn đọc [H9.09.02.03], [H9.09.02.05]. Trên cơ sở đó, Thư viện đã đề xuất và thực hiện các biện pháp nhằm đổi mới hoạt động, nâng cao hiệu suất phục vụ của Trung tâm [H9.09.02.06].

Khoa còn có phòng Tư liệu tại tầng 2- khu nhà A7 (được coi như là một thư viện thu nhỏ của Khoa) có nguồn học liệu về khoa học xã hội phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành công tác xã hội. Phần lớn số sách này được quyên tặng từ các thầy cô là giảng viên của Khoa [H9.09.02.09].

## *2. Điểm mạnh*

- Giảng viên Khoa KHXH & NV nói riêng và Thư viện nói riêng luôn có ý thức trách nhiệm về việc đầu tư xây dựng nguồn học liệu để phục vụ công tác đào tạo.

- Nguồn tài liệu đa dạng, phong phú đã giúp cho giảng viên và sinh viên có nhiều thuận lợi trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

## *3. Điểm tồn tại*

- Hoạt động của Thư viện chưa thật sự theo hướng hiện đại; một số tài liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo còn chưa cập nhật kịp thời.

- Nguồn học liệu tiếng nước ngoài của còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu quốc tế của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên.

#### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường đầu tư kinh phí mua thêm những đầu sách mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực khoa học xã hội.

- Cán bộ, giảng viên Khoa KHXH & NV tiếp tục biên soạn giáo trình, bổ sung, chỉnh sửa đề cương các học phần, cập nhật tài liệu mới, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa.

- Đồng thời sẽ đề xuất với Nhà trường xây dựng nâng cấp phòng tư liệu của Khoa tạo điều kiện cho giảng viên, học viên, và sinh viên khai thác nguồn tư liệu.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

### ***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

#### *1. Mô tả*

Trường ĐHQN có hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Mỗi phòng thực hành tin học được trang bị 40 máy tính với các phần mềm tin học và các thiết bị cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của sinh viên [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Các trang thiết bị trong phòng thực hành tin học thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung để phục vụ tốt cho người học. Năm 2020, Nhà trường đã đầu tư xây dựng phòng học tương tác, thông minh có đầy đủ trang thiết bị cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên [H9.09.03.02].

Nhà trường đã bố trí nhân viên phụ trách, ban hành quy định, hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học, sổ ghi lịch thực hành, lịch sử dụng phòng học thông minh - Smartclass [H9.09.03.03]. Định kỳ, hàng năm Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, triển khai khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của sinh viên, giảng viên về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thực hành tin học [H9.09.03.04], [H9.09.03.05], từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng.

Công tác rèn luyện nghiệp vụ luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm. Đây là hoạt động cơ bản có vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực cho sinh viên ngành Công tác xã hội. Do đặc thù của ngành đào tạo, Nhà trường và Khoa đã hợp tác với các cơ sở, các tổ chức xã hội tại Quy Nhơn, Bình Định tổ chức thực hành cho sinh viên. Các cơ sở này có môi trường và điều kiện phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu thực hành của sinh viên [H9.09.03.06].

## *2. Điểm mạnh*

- Các phòng thực hành tin học, phòng thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của sinh viên. Phòng học thông minh sẽ nâng cao chất lượng đào tạo.

- Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học.

- Khoa và Nhà trường thường xuyên phối hợp với các cơ sở và tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định để tạo môi trường thực hành và góp phần nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho sinh viên.

## *3. Điểm tồn tại*

- Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên, chưa có phòng máy tính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

- Nhà trường và Khoa chưa có phòng nghiệp vụ đặc thù để tổ chức thực hành cho sinh viên ngành Công tác xã hội.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KHXH & NV đề nghị Nhà trường đầu tư xây dựng phòng nghiệp vụ cho Khoa, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành Công tác xã hội

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

1. *Mô tả*

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường bao gồm: hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, mạng internet, trang thông tin điện tử... đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trường Đại học Quy Nhơn hiện nay có 14 phòng máy tính tại Nhà A7 và Nhà 4 tầng với 715 máy tính, đảm bảo 100% sinh viên có máy tính để thực hành; có 02 phòng máy tính tại Thư viện với 60 máy phục vụ nhu cầu khai thác tư liệu của sinh viên, 308 máy tính tại các phòng làm việc của các khoa, phòng và các đơn vị trực thuộc đáp ứng hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.01], [H9.09.04.02]. Ngoài ra, các phòng học đều được trang bị máy chiếu, micro, loa để phục vụ hoạt động giảng dạy [H9.09.04.03]. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH như phần mềm kế toán Misa, phần mềm diệt vi-rút BKAV, phần mềm quản lý đào tạo,... [H9.09.04.04].

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường thường xuyên được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn [H9.09.04.05]. Quá trình lắp đặt, sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin đều được thể hiện trong, tờ trình hợp đồng và các sổ theo dõi, kết quả khảo sát [H9.09.04.06], [H9.09.04.07].

Nhà trường đã chú trọng đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên [H9.09.04.04]. Toàn trường hiện đang sử dụng 02 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường [H9.09.04.04]; một đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, Trung tâm Thông tin tư

liệu hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.03], [H9.09.04.04].

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường quyết tâm thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin. Nhà trường đã hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa; hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), khảo sát ý kiến (eSurvey), quản lý tạp chí (JMS), dạy học trực tuyến (eLearning), quản lý tài sản [H9.09.04.03],[H9.09.04.04].

Nhà trường đã cấp tài khoản email với tên miền @qnu.edu.vn cho tất cả cán bộ, giảng viên, viên chức. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính thông qua việc bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả [H9.09.04.05].

Bên cạnh đó, Khoa KHXH & NV cũng xây dựng website của Khoa, trang facebook của Khoa nhằm phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, giảng viên, và sinh viên [H9.09.04.07].

Hàng năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ, giảng viên, sinh viên hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H9.09.04.08].

### *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường thường xuyên nâng cấp và đầu tư hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, phục vụ cho công tác tuyển sinh, đào tạo và nghiên cứu.

- Khi có sự cố về mạng internet, cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên luôn được nhân viên kỹ thuật hỗ trợ kịp thời.

### *3. Điểm tồn tại*

- Nhà trường chưa cấp tài khoản cho mỗi cán bộ, giảng viên, viên chức để cập nhật thông tin cá nhân.

- Chất lượng wifi ở một số khu vực giảng đường chưa được ổn định.



- Máy chiếu, hệ thống đèn, quạt ở nhiều phòng học hay gặp sự cố, hoặc có phòng bố trí máy chiếu chưa hợp lý.

#### *4. Kế hoạch hành động*

- Từ năm học 2019 - 2020, Khoa đề nghị Nhà trường triển khai việc cấp tài khoản cá nhân cho giảng viên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật thông tin cá nhân, đồng thời, khi cần có thể truy xuất dữ liệu bài báo, công trình, quá trình công tác,... một cách nhanh chóng và chính xác.

- Khoa đề nghị Nhà trường nâng cấp chất lượng wifi ở các khu vực còn yếu, nâng cấp hệ thống máy chiếu, đèn, quạt và loa ở nhiều phòng học.

#### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.*

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật***

##### *1. Mô tả*

Trường Đại học Quy Nhơn đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm...[H9.09.05.01],[H9.09.05.04], [H9.09.05.07]. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn, căn tin... đều công khai các bảng nội quy, quy định [H9.09.05.02]. Những văn bản này hoàn toàn phù hợp với các quy định của Chính phủ và các bộ ngành liên quan [H9.09.05.03].

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ [H9.09.05.04].

Môi trường, cảnh quan của Trường ĐHQN luôn xanh, sạch, đẹp, và an toàn. Cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ được trồng và chăm sóc chu đáo nhằm tạo không gian thoáng mát, trong lành. Nhà trường hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, hợp đồng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; và

hợp đồng với Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật và môi trường Trung Việt trong việc tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Nhà trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo quản lý chất thải nguy hại [H9.09.05.05].

Trạm Y tế phối hợp với các bệnh viện ở thành phố Quy Nhơn khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 01 lần cho cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên [H9.09.05.06].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của căn tin, nhà ăn tập thể theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế và quan tâm đến sinh viên khuyết tật [H9.09.05.07]; hợp đồng với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn phun thuốc diệt muỗi, phòng chống môi các khu nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá để phòng tránh các dịch bệnh [H9.09.05.08]. Riêng trong năm học 2019 – 2020 nhà Trường cùng với các đơn vị trong Trường có nhiều biện pháp tuyên truyền và phòng chống dịch Covid 19 hiệu quả, đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, sinh viên [H9.09.05.08].

An ninh trật tự luôn được Nhà trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Nhà trường có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng bảo vệ đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và cán bộ, giảng viên [H9.09.05.09]. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Công an Phường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Mây và các phường khác trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường [H9.09.05.10].

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, giảng viên và sinh viên về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự; thông tin phản hồi là một cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường ngày càng đẹp, cán bộ, giảng viên, viên chức và người học được làm việc, học tập và nghiên cứu trong môi trường an toàn, văn hóa [H9.09.05.11].

## *2. Điểm mạnh*

- Nhà trường luôn quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên. Năm học 2019 -2020 nhà Trường đã chế tạo ra máy sát khuẩn tự

động chung tay phòng chống dịch Covid 19. Đồng thời có văn bản chỉ đạo gửi các đơn vị về phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút

- Trạm Y tế của Trường đáp ứng tốt nhu cầu y tế ban đầu của cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên; Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và sinh viên; phun thuốc diệt côn trùng, có nhiều biện pháp phòng chống dịch bệnh.

### *3. Điểm tồn tại*

- Một số khu vực của Nhà trường còn thiếu cây xanh, chỗ để xe cho khách còn chưa hợp lý

- Nhà trường đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Nhà trường cần quy hoạch và trồng các loại cây xanh phù hợp với cảnh quan môi trường.

- Nhà trường triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 9**

Khoa KHXH & NV được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành Công tác xã hội. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Công tác xã hội; Thư viện của Nhà trường và Phòng tư liệu của Khoa KHXH & NV có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo. Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Các phòng thực hành tin học, thực hành nghiệp vụ với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ của giảng viên và sinh viên; Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và sinh viên rèn luyện sức khỏe; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, giảng viên và sinh viên làm việc, học tập và nghiên cứu.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công tác xã hội đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 6/7.

## **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

### ***Mở đầu***

Là một cơ sở đầu tiên trên cả nước thực hiện việc đào tạo cử nhân ngành CTXH của cả nước, Khoa TL-GD & CTXH rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

***Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

### ***1. Mô tả***

Chương trình dạy học (CTDH) của một chương trình đào tạo trình độ đại học ngành CTXH được xây dựng bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần trên cơ sở cụ thể hóa chương trình khung của Bộ GD-ĐT. Việc thiết kế CTDH có sự tham gia dựa trên nhiều kênh thông tin phản hồi và sự tham gia của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, SV đang học, cựu SV, giảng viên, chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT, CTDH chất lượng trình độ đại học ngành CTXH.

Thực hiện Công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo [H10.10.01.01] và các văn bản hướng dẫn của Trường Đại học Quy Nhơn về xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.02], [H10.10.01.03], [H10.10.01.04]. Để thiết kế, cập nhật và điều chỉnh CTDH, CTĐT có hiệu quả, Khoa KHXH & NV đã tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên năm cuối ngành CTXH, cựu SV đã tốt nghiệp ra trường, giảng viên tham gia giảng

dạy chuyên ngành CTXH tại trường và các tổ chức xã hội có sử dụng SV tốt nghiệp [H10.10.01.05]. Trong quá trình thiết kế CTDH, CTĐT, Khoa KHXH luôn chủ động tham khảo ý kiến của đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngành CTXH, các chuyên gia giáo dục và đội ngũ quản lý các cấp [H10.10.01.06]. Ngoài ra, để xây dựng chương trình theo CDR đáp ứng nhu cầu xã hội, Khoa KHXH & NV còn khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực từ các cơ quan, tổ chức xã hội trong và ngoài tỉnh [H10.10.01.07].

Để nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như kịp thời có những điều chỉnh CTDH, CTĐT, hằng năm Khoa đã phối hợp với nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học tập tại khoa về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên theo quy định của Nhà trường [H10.10.01.08]. Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức các cuộc tọa đàm về phương pháp học tập bậc đại học, trao đổi về ngành CTXH, trong đó, SV có thể nêu các câu hỏi và góp ý kiến về chương trình vào mỗi đầu năm học [H10.10.01.09]. Không những vậy, trong nhiều năm qua Khoa KHXH & NV luôn duy trì sự tương tác, gắn kết với cựu sinh viên các khóa để lắng nghe ý kiến phản hồi thông qua các trang web của Khoa, trang facebook của LCD, LCH sinh viên [H10.10.01.10].

Trên cơ sở những thông tin phản hồi từ các bên liên quan, Khoa KHXH & NV lồng ghép các kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp, từ đó làm cơ sở việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như sửa đổi CTDH, CTĐT, xác định chuẩn đầu ra chương trình phù hợp [H10.10.01.11].

## *2. Điểm mạnh*

Khoa KHXH & NV thường xuyên chủ động lấy ý kiến phản hồi về CTĐT thông qua nhiều hình thức như gặp trực tiếp, gửi bảng khảo sát online, và nhận được nhiều ý kiến, góp ý quý báu từ cựu SV, GV, nhà tuyển dụng để có sự điều chỉnh chương trình đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm về học tốt giữa các sinh viên đang học và cựu SV đã tốt nghiệp đi làm vào đầu mỗi năm học. Thông qua những buổi tọa đàm đó, Khoa nhận được rất nhiều ý kiến về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy

của giáo viên, cũng như nhu cầu của người học, từ đó có định hướng, giải pháp điều chỉnh kịp thời cho năm học kế tiếp.

### *3. Tồn tại*

- Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo đã được thực hiện, song mức độ thực hiện chưa được thường xuyên.

- Khoa đã có mối liên kết với một số cơ sở xã hội, tổ chức tuyển dụng tại tỉnh Bình Định và một số tỉnh thành trong cả nước, song chưa có các văn bản ký kết chính thức.

### *4. Kế hoạch cải tiến chất lượng*

- Từ năm học 2020-2021, Khoa tiến hành xây dựng mạng lưới liên kết chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng CTĐT và có các văn bản ghi nhớ trong hợp tác hướng dẫn thực hành, thực tập cho SV.

- Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo, xây dựng CTDH, CTĐT, CDR trong lộ trình những năm tiếp theo.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

## ***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến***

### *1. Mô tả*

Chương trình dạy học trình độ đại học ngành Công tác xã hội được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Chương trình dạy học được thiết kế và phát triển dựa trên CTĐT. Việc thiết lập và phát triển CTDH ngành CTXH dựa trên CDR của chương trình đào tạo dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Quy Nhơn [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Với thời lượng chương trình dạy học được thiết kế theo 3 khối kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Kể từ năm 2018, việc thiết kế

CTDH của các ngành đào tạo ở Trường Đại học Quy Nhơn được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. CTDH tiếp cận năng lực, thực chất là dạy học theo cách tiếp cận kết quả đầu ra - là cách tiếp cận nêu rõ kết quả - những khả năng hoặc kỹ năng mà người học mong muốn đạt được vào cuối mỗi giai đoạn học tập trong nhà trường ở một môn học cụ thể. Nói cách khác, cách tiếp cận này nhằm trả lời câu hỏi: Chúng ta muốn người học biết và có thể làm được những gì? Người học sẽ làm gì từ những điều đã biết? Đầu ra của cách tiếp cận này tập trung vào hệ thống năng lực cần có ở mỗi người học. Chương trình tiếp cận theo hướng này nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra của việc dạy học, nhấn mạnh vai trò của người học với tư cách là chủ thể của quá trình nhận thức, chuẩn bị cho người học năng lực giải quyết các tình huống cuộc sống và nghề nghiệp; giúp người học không chỉ biết học thuộc, ghi nhớ mà còn phải biết làm thông qua các hoạt động cụ thể, sử dụng những tri thức học được để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành CTXH luôn được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để phù hợp với nhu cầu của thực tiễn. Cụ thể, theo kế hoạch của Trường năm 2015, ngành CTXH đã thực hiện rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT theo hệ thống TC [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06]. Nhằm đổi mới CTDH theo hướng tiếp cận năng lực theo CDR, năm 2018, ngành Công tác xã hội tiếp rà soát, đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT [H10.10.02.08]. Gần đây nhất là năm 2019, ngành Công tác xã hội tiếp tục thực hiện sự điều chỉnh theo Quyết định của Nhà trường [H10.10.02.09], [H10.10.02.10] và chương trình này được áp dụng cho khóa 43 (tuyển sinh năm học 2020 – 2021).

Quy trình thiết kế CTĐT, CTDH ngành Công tác xã hội được thực hiện chặt chẽ, theo đúng quy định của Nhà trường [H10.10.02.04], [H10.10.02.06], [H10.10.02.09]. Cụ thể, dựa trên Quyết định của Nhà trường, Khoa KHXH và NV tiếp nhận và thành lập Tổ biên soạn, sửa chữa, bổ sung chương trình đào tạo đại học ngành Công tác xã hội [H10.10.02.11]. Tổ này bao gồm các giảng viên chuyên ngành Công tác xã hội, cán bộ quản lý, một số giảng viên có ngành gần có kinh nghiệm trong giảng dạy. Trước khi đi đến những điều chỉnh, các giảng viên chuyên ngành Công tác xã hội thực hiện các công việc cập nhật và bổ sung CTĐT theo hướng tiếp

cận, xem xét các thông tư, nghị định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về CTĐT để có sự phù hợp với thực tiễn như: Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Quy định tiêu chuẩn đạo đức người làm công tác xã hội [H10.10.02.12], [H10.10.02.13]. Khâu quan trọng tiếp theo là giảng viên ngành Công tác xã hội thực hiện quy trình xây dựng bảng khảo sát và thực hiện thu thập thông tin từ giảng viên, cựu SV, SV năm cuối, nhà tuyển dụng SV tốt nghiệp làm căn cứ đánh giá, điều chỉnh CTDH dựa trên những hướng dẫn của Trường và Khoa [H10.10.02.14]. Trên cơ sở tổng hợp thông tin kết quả từ các bên liên quan về CTĐT, CTDH [H10.10.02.15]. Bước tiếp theo, đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh yêu cầu phát triển CTĐT, CTĐT của các trường và mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện [H10.10.02.16]. Tiếp đến, chuyên ngành Công tác xã hội đưa ra những dự thảo về nội dung cần sửa đổi, bổ sung CTĐT, CTDH và lấy ý kiến góp ý của Hội đồng Khoa và giảng viên trực tiếp giảng dạy để chỉnh sửa [H10.10.02.17], [H10.10.02.18]; sau đó Hội đồng khoa và ngành Công tác xã hội họp góp ý, thông qua [H10.10.02.19], [H10.10.02.20]. Trước khi Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT và Hiệu trưởng ký ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung, CTĐT ngành Hóa học còn được thẩm định thông qua Hội đồng chuyên môn độc lập do Hiệu trưởng quyết định thành lập để đánh giá và góp ý chỉnh sửa thêm [H10.10.02.21], [H10.10.02.22], [H10.10.02.23].

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa KHXH&NV dựa trên kết quả hoạt động khảo sát định kỳ ý kiến giảng viên về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.14], [H10.10.02.15] .

## *2. Điểm mạnh*

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến CTĐT, CTDH được thực hiện khoảng 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất của Trường Đại học Quy Nhơn. Các ý kiến



hoạt động đánh giá có sự tham gia của nhiều cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng.

### *3. Tồn tại*

Một số học phần mới được cập nhật chưa có giáo trình chính thống (CTXH với người dân tộc thiểu số, CTXH trong trường học, CTXH với vấn đề giới, CTXH với thanh niên, Đạo đức nghề công tác xã hội, Phương pháp nghiên cứu trong CTXH), các bài giảng chủ yếu được giảng viên biên soạn dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và từ các nguồn trên mạng internet.

Khoa KHXH&NV chưa có sự tham vấn của chuyên gia ngoài trường trong việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH ngành Công tác xã hội.

### *4. Kế hoạch cải tiến chất lượng*

Khoa KHXH&NV sẽ chỉ đạo các tổ bộ môn CTXH đề xuất với Trường về cập nhật, bổ sung các tài liệu, giáo trình chính thống có trên thị trường hiện nay và biên soạn mới các học phần hiện chưa có bài giảng trong năm học 2020 – 2021.

Khoa KHXH&NV sẽ có kế hoạch mời các chuyên gia đầu ngành CTXH góp ý khi đánh giá, xây dựng CTĐT, CTDH nhằm đảm bảo tính khách quan, phù hợp với thực tiễn.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra***

#### *1. Mô tả*

Căn cứ quá trình dạy và học: Việc đánh giá quá trình dạy và học của ngành Công tác xã hội được thực hiện dựa trên quy định, hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.03.01]. Trước hết về quá trình dạy học của GV, vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có bảng Kế hoạch năm học chung cho cả trường giúp các khoa chủ động trong công tác giảng dạy cả năm học [H10.10.03.02]. Vào đầu mỗi học kỳ, Khoa kết hợp với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành thông báo mở lớp học phần để sinh viên đăng

ký tín chỉ và các tổ chuyên môn của Khoa tiến hành đăng ký giảng viên phụ trách các học phần [H10.10.03.03], [H10.10.03.04]. Ngoài kế hoạch dạy và học chính quy, hằng năm Nhà trường còn thông báo cụ thể để SV đăng ký các kỳ thi phụ và phân công GV ngành CTXH giảng dạy [H10.10.03.03].

Sau khi kết thúc chương trình dạy và học ở mỗi học kỳ, Khoa, ngành Công tác xã hội phối hợp với Phòng KT&ĐCL đều có kế hoạch tổ chức các kỳ thi học phần theo đúng quy chế, quy định. Cụ thể, Nhà trường lên kế hoạch về thời gian thi kết thúc học phần, ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ [H10.10.03.05], [H10.10.03.06]; Khoa phân công cán bộ coi thi với quy định rất cụ thể về số buổi, số ca và ngày giờ cụ thể [H10.10.03.07].

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy, không chính quy, Sau đại học, Phòng Thanh tra – Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra nề nếp giảng dạy – học tập, làm việc của các đơn vị trong Nhà trường và có báo cáo công tác thanh tra cuối mỗi năm học [H10.10.03.08]. Trong trường hợp GV nghỉ dạy thì phải có giải trình cụ thể [H10.10.03.09]. Kết quả theo dõi là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của các GV. Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra công tác giảng dạy của GV và nề nếp học tập của SV, Phòng Thanh tra – Pháp chế của Nhà trường định kỳ tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của trợ lý Khoa để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và chính xác [H10.10.03.10].

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng giảng dạy chuyên ngành CTXH, tổ bộ môn cũng tiến hành dự giờ đối với cán bộ giảng viên trẻ có quá trình dạy học dưới 5 năm nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H10.10.03.11].

Về phía người học, việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học là việc làm thường xuyên ở nhà trường. Trong nội dung của phiếu đánh giá này có nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của SV. Kết quả phân loại rèn luyện theo học kỳ và năm học là một trong những tiêu chuẩn xét học tiếp, dừng học, xét thi đua khen thưởng và học bổng tài trợ ngoài ngân sách [H10.10.03.12]. Bên cạnh đó, trong công tác CVHT, nhà trường quy định CVHT có trách nhiệm theo dõi tình hình, kết quả

học tập của SV theo từng học kỳ để tư vấn cho SV đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp. Đồng thời thông qua các buổi sinh hoạt lớp để CVHT nắm được tình hình học tập của SV, động viên SV có ý thức, kết quả học tập tốt, nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt để đảm bảo SV có đủ điều kiện làm đề tài tốt nghiệp đúng thời hạn quy định [H10.10.03.13]. Không những vậy, mỗi học kỳ, Khoa KHXH&NV tổ chức 2 cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa, Trợ lý Chính trị và Công tác SV, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội SV nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.14].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.15]. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Đối với những học phần có thực tế chuyên môn và thực thành như TH CTXH cá nhân (Thực hành I); TH CTXH nhóm (Thực hành II); Thực hành Tổ chức và PTCĐ (Thực hành III), ngành CTXH quy định SV phải viết Báo cáo và viết nhật ký thực hành trên giấy A4, SV có thể đánh máy vi tính hoặc viết tay [H10.10.03.17].

Bên cạnh những quy định về cách thức đánh giá kết quả học tập của các học phần, ngành Công tác xã hội rất chú trọng đến việc ra đề thi, đáp án, chấm thi dựa trên các mẫu chung của Nhà trường [H10.10.03.16]. Cụ thể: trước mỗi kỳ thi, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng gửi đến Khoa danh sách và kế hoạch thi học phần (các môn tự luận), trong vòng 01 tuần, các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi kèm đáp án có chữ ký của Trưởng bộ môn cho trợ lý Khoa. Sau đó, bộ phận này gửi đề thi và đáp án cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để tổ chức thi cho sinh viên. Lịch chấm thi đã được thông báo cho giảng viên ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu, vì vậy, theo lịch đó, giảng viên chấm thi vào nộp điểm cho bộ phận đào tạo của Khoa [H10.10.03.18]. Theo quy định của Khoa KHXH&NV và của ngành

Công tác xã hội, sau khi GV chấm thi và nộp bài thi về tổ Thư ký khoa, Khoa sẽ lên danh sách các giảng viên có nhiệm vụ rà soát điểm các học phần (bao gồm điểm chuyên cần, giữa kỳ, thi kết thúc học phần) do GV cung cấp trước khi nhập vào phần mềm quản lý kết quả học tập của SV [H10.10.03.19].

Về quy trình đánh giá khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên có đủ điều kiện được thực hiện dựa trên các quyết định, văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Nhà trường [H10.10.03.20]. Những SV làm khóa luận tốt nghiệp ngành Công tác xã hội là những SV đã học hết các học phần trong chương trình đào tạo, không nợ/thiếu môn và có điểm học tập cao nhất lớp (gồm 20% sinh viên). Những SV đủ điều kiện sẽ được Khoa KHXH&NV thông báo về lớp [H10.10.03.21], sau đó tiến hành phân giảng viên hướng dẫn SV làm khóa luận [H10.10.03.22]. Trên cơ sở đó, giảng viên và SV sẽ thống nhất về tên đề tài, định hướng về mục tiêu, đề cương chi tiết. Đến thời gian bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, Khoa tiến hành các bước sau: (1) thông báo cho giảng viên và sinh viên trước 1 tháng về thời gian, địa điểm chấm khóa luận tốt nghiệp; (2) phân công giảng viên phản biện cho khóa luận của sinh viên; (3) bộ phận đào tạo của Khoa thu khóa luận tốt nghiệp của sinh viên và gửi đến các giảng viên phản biện, giảng viên hướng dẫn để viết nhận xét khóa luận tốt nghiệp của sinh viên, đồng thời yêu cầu các giảng viên hướng dẫn nộp nhận xét về sinh viên thực hiện khóa luận; (4) thành lập hội đồng và các tiểu ban chấm khóa luận tốt nghiệp; (5) bộ phận đào tạo tổng hợp điểm của các khóa luận; (6) Ngay sau mỗi hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng họp và cho điểm khóa luận tốt nghiệp ngay; (7) ngay sau khi mọi hội đồng chấm điểm xong, các hội đồng chấm khóa luận họp lại lần nữa (bao gồm các trưởng tiểu ban và các thư ký tiểu ban) để tổng hợp điểm khóa luận cuối cùng, xem xét toàn cục chất lượng khóa luận của sinh viên và cuối cùng (8) thông báo ngay điểm khóa luận cho sinh viên [H10.10.03.23].

Từ năm 2015 đến năm 2020, kết thúc mỗi học kỳ, phòng KĐ&BDCL của Nhà trường đều phối hợp với Khoa, Tổ bộ môn tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành CTXH đều được lấy ý kiến. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và người dạy được SV đánh giá cao [H10.10.03.24]. Qua đó, giúp ngành Công tác xã hội xây

dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng của của Ngành phù hợp với nhu cầu của xã hội.

## *2. Điểm mạnh*

Việc kiểm tra, đánh giá về ngành Công tác xã hội được thiết kế và tổ chức thực hiện thường xuyên, có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc với sự tham gia của cán bộ, GV, SV, nhà tuyển dụng. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành

## *3. Tồn tại*

- Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến từ người học, đồng nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học.

- Việc tổ chức dự giờ giảng của các giảng viên trong bộ môn chưa được thực hiện một cách thường xuyên

- Chưa có sự đồng bộ về hình thức thu thập thông tin từ các bên có liên quan. Chẳng hạn, cần thực hiện đồng bộ bằng bảng khảo sát trực tuyến hoặc gửi bản giấy.

- Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

## *4. Kế hoạch cải tiến chất lượng*

- Trong những năm học 2020 – 2021 và chặng đường tiếp theo Khoa KHXH&NV và Tổ chuyên ngành Công tác xã hội sẽ tổ chức dự giờ giảng của các giảng viên trong bộ môn để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Xây dựng, hoàn thiện bộ câu hỏi khảo sát thông tin từ các bên liên quan; thống nhất về phương thức khảo sát để việc thống kê số liệu chính xác nhất.

*5. Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

## ***Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học***

### *1. Mô tả*

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH và CN) nói chung và nghiên cứu khoa học (NCKH) nói riêng trong các trường đại học (ĐH) không chỉ là yếu tố quan trọng

nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn là hoạt động tạo ra tri thức mới, sản phẩm mới, nhằm cải tiến quy trình việc dạy và học nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Nhận thức tầm quan trọng của việc NCKH, trong thời gian qua Trường Đại học Quy Nhơn đã ban hành nhiều quyết định, văn bản nhằm định hướng phát triển NCKH trong đội ngũ CB, GV, SV của Nhà trường. Điều này được thể hiện trong xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030; Sứ mệnh của Nhà trường **[H10.10.04.01]** và quy định về “Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN” **[H10.10.04.02]**. Hằng năm Nhà trường luôn có các Thông báo triển khai đề tài NCKH cấp Trường trong CB, GV, NV trong Trường **[H10.10.04.03]**

Kể từ năm 2015 đến 2020, hoạt động NCKH đã trở thành phong trào được các giảng viên chuyên ngành Công tác xã hội chú trọng. Nhiều bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có chỉ số ISSN được đăng trên các tạp chí của một số trường Đại học, viện nghiên cứu, ... bài tham gia hội thảo trong nước và quốc tế **[H10.10.04.04]**. Bên cạnh đó, một số giảng viên chuyên ngành CTXH còn tham gia thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường đúng lộ trình và được thẩm định đạt kết quả **[H10.10.04.05]**. Cùng với đó, một số GV khác cũng đang tích cực hoàn thành đề tài cấp trường năm 2019 và đăng ký đề tài NCKH năm 2020 theo thông báo của Phòng KH&CN. Đội ngũ giảng viên chuyên ngành CTXH cũng tích cực nghiên cứu và phối hợp với một số giảng viên từ trường đại học bên ngoài để xuất bản cuốn giáo trình chuyên khảo có liên quan đến một số lĩnh vực trong Công tác xã hội **[H10.10.04.06]**. Từ năm 2015 đến nay, chuyên ngành CTXH còn tổ chức các hội thảo Seminar về lĩnh vực chuyên môn liên quan đến ngành CTXH, qua đó giúp các GV đánh giá, nghiên cứu chuyên sâu về ngành nghề **[H10.10.04.07]**. Ban chủ nhiệm Khoa KHXH&NV cũng tạo điều kiện thuận lợi để các giảng viên đi học NCS tiến sĩ ở các Học viện có uy tín **[H10.10.04.08]**. Ngoài ra, trong năm 2019, Khoa KHXH&NV đã cử 02 giảng viên đi dự Hội thảo Quốc tế về gia đình với quy mô lớn tại Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam nhằm học tập và nâng cao năng lực NCKH **[H10.10.04.09]**; và 01 giảng viên tham gia lớp Đào tạo nguồn về Khởi nghiệp để giảng dạy các kỹ năng nghiên cứu, sáng tạo cho sinh viên trước khi ra trường **[H10.10.04.10]**.

Ngoài nghiên cứu KH của giảng viên chuyên ngành CTXH, sinh viên ngành cũng được Nhà trường chú trọng khuyến khích thực hiện. Điều đó được thể hiện trong các văn bản hướng dẫn, thông báo hằng năm của Phòng KH&CN và các Quyết định về mức hỗ trợ đề tài NCKH [H10.10.04.03], [H10.10.04.11]. Hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học cho SV; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội. Trong những năm qua, SV Ngành Công tác xã hội đã tham gia một số công trình NCKH cấp trường và được đánh giá hoàn thành [H10.10.04.12].

**Bảng 10.4.1. Thống kê kết quả NCKH của SV ngành CTXH**

Năm học	Số đề tài	Kết quả		
		Xuất sắc	Giỏi	Tốt
2015-2016	0			
2016-2017	0			
2017-2018	2			1
2018-2019	0			
2019-2020	1			1

CTXH là một khoa học vừa mang tính lý thuyết vừa mang tính ứng dụng, do vậy, các đề tài khoa học trong Khoa có xu hướng ứng dụng và đã đóng góp đáng kể vào công tác dạy và học. Sau đây là danh sách một số bài báo đăng trên một số tạp chí và hội thảo được giảng dạy của giảng viên và học tập của SV:

**Bảng 1. Một số đề tài tiêu biểu được ứng dụng trong đào tạo**

TT	Năm 2018	Giáo trình, tạp chí, bài hội thảo
1	Nhóm yếu tố trong bối cảnh xã hội Việt Nam chuyển đổi	Sách chuyên khảo
2	<i>Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị tai nạn thương tích tại cộng đồng</i>	In trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế ( <i>Promoting therapeutic services in Social work In Vietnam - Phát triển dịch vụ trị liệu</i> )

		<i>trong công tác xã hội ở Việt Nam</i> ) do Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, Tr. 139 – 147.
	“Determinants of Internet Addiction among Lower Secondary School Students”InternationalConference	“The Family in Modern and Global Societies: Persistence and Change”, Family Research, Ha Noi

Ngoài ra, với sự nỗ lực trong học tập của SV và dưới sự hướng dẫn của các giảng viên, từ năm 2015 đến nay nhiều SV ngành Công tác xã hội đã đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp và đạt kết quả tương đối cao [H10.10.04.13].

## 2. Điểm mạnh

- Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trên mỗi giảng viên ngày càng tăng so với các năm trước, đạt chuẩn quy định hằng năm của Nhà trường như so với tiêu chuẩn quy định của Trường trong việc thực hiện nhiệm vụ NCKH.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học, bài tạp chí đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu một số bài NC được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

- Phong trào NCKH trong SV được chú trọng, nhiều SV, nhóm SV đã tích cực tham gia NCKH và đạt yêu cầu về nội dung và tiến độ nghiên cứu.

## 3. Tồn tại

- Chưa có nhiều đề tài nghiên cứu có quy mô lớn (cấp bộ, cấp tỉnh) để huy động sự tham gia của toàn bộ GV và người học; các bài tạp chí chủ yếu đăng trên các tạp chí trong nước, chưa có bài báo đăng ở tạp chí quốc tế. Tính ứng dụng của các NCKH vẫn còn hạn chế trong các chuyên đề, bài giảng cho SV.

- Số lượng SV tham gia NCKH cấp trường rất ít so với nhiều ngành khác trong hệ thống các khối ngành của Nhà trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng



- Từ năm 2020, Khoa KHXH&NV phối hợp với ngành Công tác xã hội cần tập trung nguồn lực đầu tư cho GV tham gia các đề tài, dự án lớn của Nhà nước, của Bộ GDĐT. Khoa, ngành có chính sách động viên khuyến khích GV tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

- Khuyến khích SV, đặc biệt năm thứ hai trở đi tập tham gia nhiều hơn nữa NCKH do nhà trường phát động. Tổ chức các hội thi sáng kiến kinh nghiệm, các ý tưởng khởi nghiệp về nghề Công tác xã hội trong sinh viên.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến***

#### *1. Mô tả*

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH ở các cơ sở giáo dục và đào tạo. Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực, với tầm nhìn chiến lược hướng đến đào tạo ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á. Chính vì vậy, Nhà trường rất chú trọng đến phát triển chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho hoạt động dạy, học và NCKH, điều đó được thể hiện rất rõ trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn 2030 [H10.10.05.01] và các kế hoạch cụ thể hàng năm về Đảm bảo chất lượng [H10.10.05.02].

Một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đó là phải có sự đánh giá, rà soát, trên cơ sở đó có chiến lược cải tiến hiệu quả. Chính lễ đó, ngày 27 tháng 12 năm 2018, Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quyết định lấy YKPH của các bên liên quan, theo đó tại mục 7.5 lấy ý kiến của người học về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; sự hài lòng của GV về hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên, phòng ban và trung tâm [H10.10.05.03]. Bên cạnh đó, định kỳ vào cuối học kỳ của năm học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa KHXH&NV, ngành Công tác xã hội đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối và sinh viên các năm thứ

nhất, thứ hai, thứ ba đang học tập tại khoa về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích **[H10.10.05.04]**. Nhìn chung, sinh và giảng viên viên có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất, các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích phục vụ cho việc học, nghiên cứu **[H10.10.05.05]**. Hằng năm Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại cơ sở vật chất của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo **[H10.10.05.06]**. Trên cơ sở những ý kiến khách quan từ YKPH của các bên liên quan, Nhà trường đã có những chủ trương, biện pháp và thực hiện cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là SV và GV **[H10.10.05.07]**.

Không chỉ khảo sát bằng hình thức trực tuyến, mà theo quy định của Nhà trường các lớp phải duy trì thường xuyên sinh hoạt lớp mỗi tháng/1 lần vào các tiết cuối của tháng. Trong các buổi sinh hoạt sinh viên sẽ có những ý kiến đóng góp, phản ánh với Cố vấn học tập về chất lượng đào tạo, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Các ý kiến này sẽ được ghi vào Sổ sinh hoạt lớp và gửi về phòng Công tác sinh viên, từ đó nhà trường sẽ có những báo cáo phản hồi về Khoa và lên Ban Giám hiệu Nhà trường để có những giải pháp cải tiến **[H10.10.05.08]**. Bên cạnh sinh hoạt lớp, các chi Đoàn, chi Hội Sinh viên trong ngành CTXH cũng duy trì chế độ sinh hoạt theo tháng, và các ý kiến phản hồi cũng được lưu trữ trong sổ biên bản. Nếu có những ý kiến không hài lòng của SV sẽ được Bí thư Liên chi báo cáo với CVHT, ban chủ nhiệm khoa để báo cáo lên Nhà trường **[H10.10.05.09]**.

Đối với chất lượng của dịch vụ và tiện ích của Thư viện, Trung tâm TTTL của Nhà trường cũng đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến bạn đọc về mức độ hài lòng đối với các hoạt động của thư viện; về lượng truy cập của bạn đọc; danh mục các tài liệu hiện có để GV, SV có thể biết đến và sử dụng khi cần thiết **[H10.10.05.10]**, **[H10.10.05.11]**, **[H10.10.05.12]**. Thông qua đó, thư viện Nhà trường đã đưa ra các quy trình để những cải tiến để phục vụ người đọc được tốt hơn **[H10.10.05.13]**. Từ năm 2016, Trung tâm Thông tin tư liệu Trường ĐHQN đã kết nối với thư viện của một số trường đại học trong nước, đặc biệt với Trung tâm Học liệu của Trường Đại học Cần Thơ và Thư viện quốc gia, để khai thác cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên **[H10.10.05.11]**. Bên cạnh đó, SV Trường

nói chung và SV ngành CTXH cũng được truy cập mạng wifi miễn phí trong khuôn viên Nhà trường để phục vụ việc học tập, NCKH và giải trí sau giờ học với chất lượng đường truyền luôn ổn định **[H10.10.05.14]**.

Đối với Khoa KHXH&NV (trước đây là Khoa TL-GD&CTXH), từ năm 2015 Khoa đã chủ trương xin ý kiến Nhà trường về đầu tư trang thiết bị, mở phòng Tư vấn và Can thiệp sớm ở dãy nhà A8 để SV ngành Tâm lý, Quản lý giáo dục, Công tác xã hội thực hành các hoạt động can thiệp **[H10.10.05.15]**. Ngành CTXH cũng có tủ đựng sách, tài liệu, các bài giảng của GV để sinh viên sử dụng khi học tập **[H10.10.05.16]**. Hiện nay ở Trung tâm TTTL của Nhà trường đã có một số giáo trình, bài giảng liên quan đến ngành Công tác xã hội do GV giảng dạy các học phần biên soạn **[H10.10.05.17]**. Ngoài ra, theo chủ trương của Nhà trường, trong năm 2020 các giảng viên dạy Ngành Công tác xã hội đều phải cập nhật, điều chỉnh và bổ sung một số tài liệu, bài giảng giáo trình cho các học phần SV đang học **[H10.10.05.17]**.

Khoa KHXH&NV có Trợ lý đào tạo, đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học. Trước đó, Khoa chỉ có 02 cán bộ thư ký, nhưng kể từ năm 2019 với quy trình sát nhập các Khoa trong Nhà trường, Khoa được bổ sung thêm 01 cán bộ chuyên viên (nâng tổng số 03 chuyên viên) nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho người học. Hằng năm đội ngũ chuyên viên không ngừng nâng cao nghiệp vụ, có những cán bộ tham gia thi Chuyên viên chính và đạt kết quả cao **[H10.10.05.18]**. Ngoài ra, hằng năm tổ bộ môn chuyên ngành Công tác xã hội họp, phân công Cố vấn học tập để tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên về học tập, tư vấn hỗ trợ về mặt tâm lý, ... và tiếp thu các ý kiến phản hồi của SV để báo lại với BCN Khoa và Nhà trường **[H10.10.05.19]**.

## *2. Điểm mạnh*

- Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được Khoa KHXH&NV, Tổ bộ môn CTXH phối hợp với các Phòng ban trong Nhà trường tiến hành khảo sát thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan, đề xuất các ý kiến để Nhà trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ quá trình đào tạo. Giảng viên ngành Công tác xã hội đã có sự cập nhật, điều chỉnh về tài liệu, bài giảng phục vụ quá trình học tập của sinh viên

- Khoa KHXH&NV, chuyên ngành CTXH thường xuyên lắng nghe phản ánh của giảng viên và SV về cơ sở vật chất của Trường và có sự phản hồi tích cực để Nhà trường có sự cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

- Thầy cô giáo trong Khoa, Cố vấn học tập luôn sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên khi các em có nhu cầu.

### *3. Tồn tại*

- Một số phòng học của chuyên ngành Công tác xã hội có trang thiết bị như máy chiếu, micro bị chập chờn, âm thanh chưa thực tốt gây khó khăn cho người dạy và người học. Một số NV phục vụ trên giảng đường chưa thực sự chuyên nghiệp.

- Hiện nay ngành Công tác xã hội chưa có Phòng đọc sách dành cho SV; tài liệu giáo trình, các bài giảng về chuyên ngành CTXH còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học

- Công việc cố vấn học tập chưa được thực hiện tốt nên nhiều SV gặp khó khăn trong việc đăng ký học phần và lập kế hoạch học tập cá nhân cho cả 4 năm học. Vì vậy, có một tỷ lệ nhỏ SV không hoàn thành được tiến độ học tập trong 4 năm. Bên cạnh đó, do hoạt động không chính thức nên chỉ một số ít SV được nhận sự trợ giúp tâm lý từ các thầy cô giáo trong khoa.

- Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

### *4. Kế hoạch cải tiến chất lượng*

- Về giảng đường: Cần rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt.

- Về tư liệu: Các cán bộ của khoa có cơ hội học tập, tham dự hội thảo ở nước ngoài sẽ tăng cường việc giới thiệu nguồn tài liệu mới để khoa cập nhật.

- Năm 2020 trở đi, tổ chuyên ngành Công tác xã hội xin ý kiến Khoa KHXH &NV bố trí, xây dựng một Phòng đọc có không gian phù hợp và có các giáo trình, tài liệu, bài giảng chuyên ngành CTXH để SV có cơ hội được học tập tốt nhất

- Khuyến khích SV đến thư viện trường để cập nhật những tư liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ giảng viên kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng

hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến***

*1. Mô tả*

Xây dựng cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong hoạt động đào tạo có vai trò rất quan trọng để ngành công tác xã hội phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, các điểm tồn tại, hạn chế trong quá trình đào tạo, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện trong giáo dục. Nhận thức được tầm quan trọng đó, vào ngày 23/10/2009, Hiệu trưởng Trường ĐHQN đã ban hành Quyết định số 1301/QĐ-TCCB thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H10.10.06.01]. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo cho Nhà trường; đồng thời một đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo.

Việc thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường, Khoa và ngành Công tác xã hội được thực hiện có tính hệ thống. Điều đó được thể hiện ở chỗ việc xây dựng cơ chế phản hồi được thực hiện dựa trên các văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H10.10.06.02] và của Nhà trường với các nội dung liên quan như: khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp sau một năm ra trường, khảo sát ý kiến của các đơn vị tuyển dụng SV khỏi ngành sư phạm trong quá trình tự đánh giá các CTĐT,.... [H10.10.06.03]. Bên cạnh những quy định, hướng dẫn cụ thể về nội dung khảo sát, từ năm học 2015 – 2020 Trường Đại học Quy Nhơn cũng quy định rất cụ thể về hình thức và công cụ khảo sát để lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với các ngành đào tạo ở các khoa, bao gồm từ hình thức phát phiếu trả lời (2010 – 2012); xây dựng bảng khảo sát trực tuyến từ trang web của nhà trường (2013 – 2016) và dựa trên phần mềm khảo sát YKPH E-survey tích hợp cùng với phần mềm Quản lý đào tạo (2017 – 2020) [H10.10.06.04]. Trên cơ sở hướng dẫn của nhà trường, ngành Công tác xã hội

xã hội cũng chủ động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt trong giai đoạn thực hiện cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình dạy học từ năm học 2015 – 2017; 2018 – 2020 **[H10.10.06.05]**.

Việc thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan không chỉ được thực hiện mang tính hệ thống mà còn được Nhà trường, Khoa KHX&NV và Ngành Công tác xã hội đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Cụ thể, qua mỗi đợt khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan từ giai đoạn 2010 đến ngày 20/04/2015 qua kết quả khảo sát Nhà trường đã lưu ý với những Khoa có tỷ lệ sinh viên ít tham gia thực hiện khảo sát như: Khoa Sinh (1,0%), Khoa TC-NH&QTKD (2,8%), Khoa Ngữ văn (2,9%), Khoa CNTT (5,5%), Khoa GDTH&MN (6,4%) và Khoa KT&CN (6,8%), Khoa GDCT & QLNN (10,2%), Khoa Kinh tế - Kế toán. (12,1%), Khoa địa lí – Đại chính (12,2%), Khoa Toán (12,9%). Bên cạnh đó, để đánh giá hiệu quả, những tồn tại và hạn chế của các hình thức khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học, Nhà trường đã phê duyệt việc thực hiện đề tài NCKH cấp Trường: “Xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành học tại Trường Đại học Quy Nhơn” - năm 2013. Kết quả của đề tài đã xây dựng được phần mềm thu thập YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành đào tạo. Phương thức khảo sát được tiến hành có hệ thống, khoa học với hình thức online trên trang web của Phòng KT&BDCL. Tuy nhiên, bên cạnh những tính năng hiệu quả, phương pháp khảo sát hoạt động giảng dạy online qua phần mềm cũng bộc lộ những mặt tồn tại như tỉ lệ SV tự nguyện tham gia khảo sát thấp, hệ thống máy chủ chưa đáp ứng được truy cập đồng thời với vài trăm SV khảo sát,... **[H10.10.06.05],[H10.10.06.04]** Trên cơ sở sở kết quả khảo sát có được Nhà trường cũng tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm và có những đề xuất cụ thể đối với Cụ Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (BGD & ĐT) để cải tiến về nội dung, hình thức của việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H10.10.06.06]**.

Đối với chuyên ngành Công tác xã hội, hằng năm dựa trên Kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Quy Nhơn qua các năm **[H10.10.06.05]**, ngoài việc khảo sát ý kiến phản hồi của người học, Khoa đã giao nhiệm vụ cho Tổ bộ môn cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo, xây dựng đề cương chi tiết các môn học để cải tiến chương trình đào tạo. Cụ thể, ngành Công tác xã hội đã bổ sung thêm các học

phần phù hợp với nhu cầu của xã hội như: học phần CTXH trong bệnh viện, trường học; CTXH với người dân tộc thiểu số; Đạo đức nghề CTXH, ... [H10.10.06.07]. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng đề cương các học phần theo CDR của chương trình đào tạo Khoa đã cử giảng viên tham gia các lớp tập huấn về CDR ở Đà Lạt (năm 2015) và Đà Nẵng 2020 [H10.10.06.08]. Đồng thời hằng năm để có những cải tiến, đổi mới về chương trình đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội còn tổ chức các seminar với các chủ đề liên quan đến thực hành, thực tập; công tác xã hội trong trường học; công tác xã hội trong bối cảnh Việt Nam hiện nay [H10.10.06.09].

## *2. Điểm mạnh*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm 2020 trở đi, Khoa kiến nghị với Nhà trường có quy định rõ ràng về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người được khảo sát, đồng thời cập nhật, điều chỉnh các mẫu phản hồi và mở rộng đối tượng khảo sát (nhà quản lý giáo dục, cựu người học); kiến nghị Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp đánh giá, phân tích và xác thực thông tin phản hồi từ kênh chưa chính thống.

## *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

### **Kết luận về tiêu chuẩn 10**

Có thể nói, trong những năm qua việc nâng cao chất lượng đào tạo ngành Công tác xã hội được Nhà trường và Khoa KHXH & NV hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường

xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài, bài viết cho hội nghị, hội thảo luôn được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy học và nghiên cứu khoa học.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công tác xã hội đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm và 05 tiêu chí đạt 5/7.

## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

### ***Mở đầu***

Chuẩn đầu ra được định nghĩa là những quy định về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ ý thức và phẩm chất) của người học, công việc mà người học có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ đào tạo và hệ thống văn bằng. Ngoài việc thiết kế, xây dựng CĐR, nhiệm vụ đánh giá kết quả CĐR của ngành đào tạo góp phần giúp ngành Công tác xã hội định lượng những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình đào tạo để từ đó có những điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội. Để đánh giá kết quả CĐR, trường Đại học Quy Nhơn cùng với Khoa KHXH&NV và chuyên ngành Công tác xã hội hằng năm có sự giám sát việc đạt chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thi học. Thực hiện việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục, chương trình dạy học, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Hệ thống đảm bảo chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng được đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

***Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***



### *1. Mô tả*

Với chức năng tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát toàn bộ công tác giảng dạy, học tập các hệ đào tạo chính quy bậc đại học của Trường, Phòng Đào tạo đại học và phòng KT&BDCL là các đơn vị theo dõi tỉ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp **[H11.11.01.01]**. Kết quả theo dõi tỉ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp là cơ sở để Trường và Khoa đối sánh nhằm cải tiến CLĐT. Việc theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được Nhà trường thực hiện đúng Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ **[H11.11.01.02]**.

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo với đầy đủ các tiện ích để giám sát toàn bộ hoạt động đào tạo của Nhà trường **[H11.11.01.03]**. Do đó, các số liệu dễ dàng được trích xuất, đối chiếu với các điều kiện theo quy chế, tạo thuận lợi cho việc theo dõi tình hình tốt nghiệp và thôi học của SV. Dựa trên kết quả tốt nghiệp và kết quả cảnh báo học tập, Nhà trường sẽ xác định, đánh giá và đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV thôi học.

Việc xét tốt nghiệp của người học được thực hiện khi người học hoàn thành CTĐT. Khoa Tâm lý – giáo dục & công tác xã hội (nay là khoa khoa học xã hội và nhân văn), Phòng Đào tạo đại học, phòng KT&BDCL, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Thanh tra – Pháp chế sẽ trích xuất số liệu, đối chiếu giữa các bộ phận để kiểm tra và trình kết quả lên Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường để xem xét ra quyết định tốt nghiệp cho SV **[H11.11.01.04]**. Công tác xét cảnh báo học tập, thôi học cũng được tiến hành theo cách thức tương tự, phối hợp đối chiếu giữa các bộ phận để giảm thiểu sai sót và thông qua Hội đồng xét kết quả học tập của SV **[H11.11.01.05]**.

Kết quả xét cảnh báo học tập và thôi học được thông báo đến SV thông qua tài khoản cá nhân; quyết định cảnh báo, thôi học (bản scan) cũng được gửi đến SV thông qua CVHT và lớp trưởng. Những SV bị buộc thôi học do kết quả học tập yếu sẽ được xem xét mức độ, nguyện vọng của SV đối với ngành học để có quyết định cho SV đó tiếp tục theo học hay không **[H11.11.01.06]**. Điều này cho thấy sự quan tâm của Nhà trường đến việc học cũng như sự tiến bộ của SV. Đối với các SV thôi học do nguyện vọng cá nhân, Nhà trường, Khoa và CVHT đều có sự trao đổi, tư vấn để có thể hỗ trợ kịp thời theo nguyện vọng của SV.

Số liệu SV tốt nghiệp, số liệu SV thôi học của ngành Cử nhân Công tác xã hội sẽ được Khoa đối chiếu với các học kỳ trước, để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục.

**Bảng 11.1.1. Số lượng SV tốt nghiệp, thôi học  
từ khóa học 2012-2016 đến khóa học 2016-2020**

Khóa học	Số lượng SV tuyển sinh	Số lượng SV tốt nghiệp				Số lượng SV thôi học				
		< 4 năm	4 năm	> 4 năm	Tổng	Năm 01	Năm 02	Năm 03	> năm 03	Tổng
2012-2016	80	0	61	7	68	6	5	0	0	11
2013-2017	57	0	39	10	49	6	0	0	0	6
2014-2018	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2015-2019	58	0	39	6	45	6	0	0	3	9
2016-2020	56	0	39	3	42	0	5	3	1	9

Dữ liệu ở Bảng 11.1.1. cho thấy, tỉ lệ SV thôi học thấp, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn khá cao. Tỉ lệ SV thôi học chủ yếu là ở năm thứ nhất và thứ hai. Nguyên nhân thôi học là do một số ít SV vì không trúng tuyển NV1 theo sở thích nên đăng ký NV2 vào ngành Công tác xã hội và sau 1 năm học, SV đăng ký thi lại. Vì vậy, trong quá trình học SV dành nhiều thời gian ôn thi cho kỳ thi THPT Quốc gia hơn là cho việc học ở lớp trong CTĐT ngành Công tác xã hội. Ngoài ra, việc SV thôi học còn do một số SV không đáp được các yêu cầu tích lũy tối thiểu của CTĐT [H11.11.01.05]. Đối với những SV tốt nghiệp trễ hạn là do chưa hoàn thành CTĐT hoặc thiếu các chứng chỉ cần thiết như tin học, ngoại ngữ nên không được xét tốt nghiệp [H11.11.01.07].

Từ đó, Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến chất lượng. Cụ thể là, đội ngũ Cố vấn học tập luôn quan tâm, giám sát sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng [H11.11.01.08]. Hơn nữa, trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT [H11.11.01.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập [H11.11.01.03].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, SV thôi học, SV tốt nghiệp được kịp thời và chính xác.

Việc thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được thực hiện thường xuyên và có nhiều biện pháp hạn chế người học bị buộc thôi học, giúp người học tốt nghiệp đúng thời hạn.

Các CVHT, trợ lý đào tạo của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua CVHT từ những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên lãnh đạo Khoa và Nhà trường để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh.

### *3. Điểm tồn tại*

Đội ngũ CVHT của Khoa chưa phát huy hết khả năng tư vấn cho người học trong việc đăng ký học phần, học lại hoặc các điều kiện đủ chuẩn để xét tốt nghiệp.

SV chưa chủ động với kế hoạch học tập để hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ và tin học.

### *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục theo dõi sát tình hình SV thôi học, tốt nghiệp để có biện pháp hỗ trợ người học kịp thời. Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT trong việc tư vấn, tìm hiểu năng lực người học để hướng dẫn người học đăng ký học phần phù hợp, bố trí thời gian hợp lý để hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học. Phối hợp kịp thời với gia đình SV để tăng cường sự quản lý, giáo dục ý thức cho SV.

### *5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh có chất lượng***

#### *1. Mô tả*

Phòng Đào tạo đại học và phòng KT&BDCL là các đơn vị theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.01]. Thời gian tốt nghiệp là thời gian của một khóa đào tạo, là thời gian cần thiết cho những SV hoàn thành CTĐT của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2010, Khoa Tâm lý – giáo dục & Công tác xã hội, Trường ĐHQN bắt đầu thực hiện quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H11.11.02.02], [H11.11.02.03]. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3

năm [H11.11.02.02], [H11.11.02.03]. Trong 5 năm học gần đây, có khoảng 90 – 98% SV hoàn thành chương trình và được cấp bằng Cử nhân Công tác xã hội.

**Bảng 11.2.1. Số lượng và tỉ lệ SV tốt nghiệp từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020**

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Số lượng SV hoàn thành CTĐT	Tỉ lệ SV tốt nghiệp (%)
2015 – 2016	69	68	98,55
2016 – 2017	51	49	96,08
2017 – 2018	0	0	0
2018 – 2019	49	45	91,84
2019 – 2020	47	42	89,36

Dữ liệu ở Bảng 11.2.1. cho thấy, tỉ lệ phần trăm SV ngành CTXH hoàn thành CTĐT qua từng năm học thấp nhất là 89,36% và cao nhất 98,55%. Đối với năm học 2019 - 2020, tỉ lệ hoàn thành CTĐT có thấp hơn so với các năm trước. Điều này được lý giải do có một tỉ lệ nhỏ (khoảng 8%) SV chưa hoàn thành các yêu cầu CĐR như: CTĐT, chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất [H11.11.02.04]. Trên thực tế, nhà trường và Khoa đã có những kế hoạch thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.05], [H11.11.02.06].

### *2. Điểm mạnh*

SV có ý thức với tiến độ học tập của mình, lãnh đạo Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo, CVHT để hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT.

### *3. Điểm tồn tại*

Trong quá trình đào tạo, một số SV bảo lưu kết quả học tập nên khi tiếp tục học lại đã bị lệch một số học phần do sự thay đổi CTĐT (CTĐT năm 2010 với CTĐT năm 2015 và 2018). Vì vậy, SV khó khăn trong việc tìm học phần thay thế phù hợp để đảm bảo đủ số lượng TC yêu cầu trong CTĐT ngành CTXH.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ đề xuất các học phần thay thế cho các học phần không còn trong CTĐT hiện hành hoặc các học phần bị thay đổi số TC để cho SV bảo lưu được việc học thay thế khi quay trở lại tiếp tục học tập.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

***Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

*1. Mô tả*

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, vào năm 2010 Trường Đại học Quy Nhơn đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Trường Đại học Quy Nhơn với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Để có những đánh giá khách quan, Nhà trường đã hướng dẫn các chuyên ngành đào tạo ở các khoa về kế hoạch cụ thể trong việc khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp với những nội dung, hình thức rất phong phú và đa dạng. Cụ thể: (1) Nội dung khảo sát bao gồm: Khảo sát về việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên theo từng khóa: tỷ lệ sinh viên có việc làm; thời gian có việc làm sau tốt nghiệp; công việc có phù hợp với ngành được đào tạo; các kiến thức, kỹ năng được học có hỗ trợ hiệu quả trong công tác; mức thu nhập bình quân hàng tháng; tương lai nghề nghiệp, ... (2) Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp có hộ khẩu tại thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp) [H11.11.03.02].

Các kết quả khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp đều được Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp tập hợp và lưu trữ hàng

năm tại đơn vị và gửi báo cáo về các Khoa. Kết quả khảo sát có thể thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội ở Trường Đại học Quy Nhơn có việc làm là khá cao, chủ yếu làm việc trong khu vực Nhà nước và tư nhân. Cụ thể, năm 2015 chiếm tỷ lệ 69,44%; năm 2016 có 74,3% [H11.11.03.03], [H11.11.03.04]. Để tạo cơ hội cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm, trong những năm gần đây Nhà trường còn phối hợp với nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tổ chức “Ngày hội việc làm” cho sinh viên ở các chuyên ngành khác nhau. Đã có nhiều sinh viên tìm kiếm cho mình những công việc ổn định nhờ các hoạt động nêu trên [H11.11.03.05].

Song song với nắm bắt thông tin về tình trạng sinh viên có việc làm, Nhà trường, Khoa KHXH & NV cũng như chuyên ngành Công tác xã hội còn thực hiện việc giám sát để có những điều chỉnh chất lượng hơn trong chương trình đào tạo. Cụ thể, ngành Công tác xã hội đã khảo sát Nhà sử dụng lao động Về nhu cầu nhân lực và chương trình đào tạo Ngành công tác xã hội. trong đó đề cập đến mức độ hài lòng của cơ quan tuyển dụng với những sinh viên học ngành Công tác xã hội tại trường Đại học Quy Nhơn [H11.11.03.06]. Các kết quả nhận được từ việc khảo sát các đơn vị sử dụng lao động đối với chất lượng của cựu sinh viên là rất tích cực [H11.11.03.07].

Từ những kết quả khảo sát có được là cơ sở quan trọng để Nhà trường, chuyên ngành Công tác xã hội tiến hành đối sánh qua các năm học nhằm làm căn cứ để điều chỉnh, cập nhật các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Công tác xã hội.

## *2. Điểm mạnh*

Trường Đại học Quy Nhơn đã có đơn vị phụ trách về khảo sát ý kiến phản hồi của người học, các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng; khảo sát về tình hình có việc làm và chưa có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường. Hằng năm có tổ chức ngày hội việc làm để hỗ trợ thông tin cần thiết về việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

## *3. Điểm tồn tại*

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, việc nắm bắt tình hình sinh viên có việc làm vẫn có những tồn tại nhất định. Đó là việc khảo sát nhu cầu của thị trường và khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp đang ở diện hẹp; công tác tư vấn việc làm

cho người học đang còn hạn chế. Nhà trường và Khoa chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ người học người tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong cả nước.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, từ năm học 2020 – 2021 và các năm học tiếp theo ngành Công tác xã hội sẽ tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp ở diện rộng và khảo sát vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp; thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Bên cạnh đó phối hợp với Nhà trường thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong nước.

*5. Tự đánh giá:* Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

##### *1. Mô tả*

Nghiên cứu khoa học được đánh giá là phương pháp hiệu quả để sinh viên mở rộng vốn kiến thức cũng như vốn kỹ năng mềm của bản thân; là cơ hội để sinh viên áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nghiên cứu khoa học không chỉ cung cấp cho sinh viên cơ hội tiếp cận với lĩnh vực chuyên môn yêu thích, mà còn tạo cho sinh viên một tác phong làm việc khoa học, rèn luyện cho sinh viên cách nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, tiếp cận từ nhiều phía. Với sứ mạng và tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Quy Nhơn giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng [H11.11.04.01] thì nhiệm vụ NCKH trong sinh viên luôn được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện cả về kinh phí tổ chức, giảng viên hướng dẫn và môi trường thực hiện [H11.11.04.02], [H11.11.04.03]. Trong quá trình triển khai, tiến độ thực hiện và sản phẩm của đề tài luôn được theo dõi, giám sát và báo cáo về Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế [H11.11.04.04]. Căn cứ trên hướng dẫn của Nhà trường, hằng năm Khoa KHXH đã triển khai rất cụ thể đến chuyên ngành Công tác xã hội về kế hoạch NCKH trong sinh viên [H11.11.04.05]. Trên cơ sở đó các giảng viên ngành Công tác xã hội đã rất chủ động phổ biến, hướng dẫn và khuyến khích sinh viên chuyên ngành tích cực tham gia nghiên cứu.

Trong những năm qua, dưới sự quan tâm, tạo điều kiện từ Nhà trường, lãnh đạo Khoa KHXH & NV và giảng viên chuyên ngành Công tác xã hội nhiều sinh viên chuyên ngành đã đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học có chất lượng; có khoảng .... Sinh viên thực hiện các công trình nghiên cứu trong các khóa luận tốt nghiệp cuối năm **[H11.11.04.06]**

Để đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại cần khắc phục trong NCKH của NH, hàng năm Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV **[H11.11.04.07]**. Nhà trường đã tiến hành khen thưởng các SV có thành tích cao và GV hướng dẫn đạt giải thưởng SV NCKH các cấp nhằm tạo động lực và duy trì hiệu quả phong trào NCKH SV trong khoa.

### *2. Điểm mạnh*

Giảng viên chuyên ngành Công tác xã hội là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH.

Nhà trường, Khoa luôn tạo điều kiện nhằm khuyến khích sinh viên tham gia NCKH. Hàng năm có tổ chức các chương trình khởi nghiệp để sinh viên có cơ hội được tham gia nghiên cứu, phát triển kỹ năng sáng tạo.

### *3. Điểm tồn tại*

- Tỷ lệ SV ngành Công tác xã hội tham gia NCKH chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành đào tạo.

- Khoa và ngành Công tác xã hội chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên với các ngành khác trong trường và các trường đại học trong nước.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Năm học 2020 - 2021, thực hiện việc tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho SV về tầm quan trọng của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các nhà giáo trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực cho SV trong Khoa đam mê NCKH.

- Phối hợp với Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên giữa các ngành học và với các trường đại học trong nước.



5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

**Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

*1. Mô tả*

Hàng năm, Nhà Trường và Khoa KHXH & NV tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới [H11.11.05.01] nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Dưới sự hướng dẫn của Nhà trường, vào hằng năm Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có chức năng khảo sát, đo lường và giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT [H11.11.05.02], [H11.11.05.03].

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV, SV năm cuối về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.04].

Năm 2016, Nhà trường đã tiến hành thu thập mức độ hài lòng của giảng viên về cơ sở vật chất, từ đó có kế hoạch nâng cấp trang thiết bị dạy và học, tạo môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất cho sinh viên và giảng viên [H11.11.05.05].

Từ năm 2015 đến nay, ngành CTXH đã tiến hành khảo sát cựu sinh viên, Nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra; mức độ hài lòng về chương trình đào tạo, nhu cầu xã hội về nhân lực ngành công tác xã hội [H11.11.05.06], [H11.11.05.07]. Nhà trường đã thực hiện 01 đề tài NCKH cấp Trường thu thập YKPH của các tổ chức giáo dục, các nhà tuyển dụng lao động, người học đã tốt nghiệp trên địa bàn các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên để phân tích đánh giá một cách khoa học khả năng đáp ứng yêu cầu công tác của SV đã tốt nghiệp khỏi ngành sư phạm [H11.11.05.08]. Từ kết quả nhận được qua việc khảo sát, lấy ý kiến từ các bên liên quan về mọi mặt của hoạt động đào tạo, Nhà trường và Khoa đã có sự tổng hợp, phân tích và so sánh so sánh. Đây là căn cứ quan trọng để Khoa, Nhà trường cải tiến CTĐT [H11.11.05.9], [H11.11.05.10], [H11.11.05.11], [H11.11.05.12]. Trên cơ sở những ý kiến của người học, cựu sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng lao động, Nhà trường đã đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động dạy,

học và NCKH đáp ứng các yêu cầu của ngành đào tạo, đáp ứng sự hài lòng của người học, nhà sử dụng lao động, và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của khu vực và cả nước [H11.11.05.13], [H11.11.05.14], [H11.11.05.15].

### *2. Điểm mạnh*

CTĐT và CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nhiều hình thức thực chất. Đại đa số các bên liên quan hài lòng về CTĐT và CĐR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

### *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, khoa, ngành còn gặp nhiều khó khăn. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong học 2020 - 2021, Khoa KHXH & NV, ngành CTXH sẽ phối hợp với Nhà trường, đặc biệt là phòng KT&BDCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

*5. Tự đánh giá:* Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### **Kết luận về tiêu chuẩn 11**

Nhìn chung, sinh viên ngành Công tác xã hội có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường khuyến khích các em làm NCKH, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho sinh viên để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công tác xã hội đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

### **PHẦN III. KẾT LUẬN**

Để nâng cao CLĐT, việc tự đánh giá chất lượng CTĐT với ngành CTXH là hết sức cần thiết. Dựa trên hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đã tự xem xét, đánh giá và báo cáo những điểm mạnh, những tồn tại của CTĐT ngành CTXH trên tất cả các phương diện hoạt động đào tạo, đội ngũ GV, NCV, hoạt động NCKH, CSVC, thư viện và các vấn đề liên quan khác. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT ngành CTXH bằng cách tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại đã được xác định. Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành CTXH.

#### **1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo**

##### **1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN, của Khoa KHXH &NV, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018.

Mục tiêu của CTĐT cũng được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Khoa đã phổ biến nhiệm vụ đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội đã được xác định rõ ràng, súc tích, thể hiện được mục tiêu của CTĐT và phù hợp với triết lý giáo dục, sứ mệnh, tầm nhìn của Trường và Khoa đồng thời đã bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp

CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội được thiết kế nhằm phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập, tìm kiếm thông tin và nhận hỗ trợ từ cố vấn học tập và giảng viên. Từ đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản cũng như phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như khả năng tự chủ và trách nhiệm. CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần trên cơ sở hướng dẫn của Trường ĐHQN, có sự tham khảo các CTĐT ngành Công tác xã hội của các trường uy tín trong nước và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; có so sánh kết quả xếp loại đối với người học tốt nghiệp CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành Công tác xã hội được công bố công khai cho nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, người dạy và người học qua website của Khoa và được thể hiện trong từng năm học cụ thể và từng học phần cụ thể.

## **1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội rất đầy đủ thông tin và thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến ngành bao gồm các xu hướng đào tạo hiện đại về lĩnh vực công tác xã hội, khối kiến thức ngành và bổ trợ được thiết kế đáp ứng với nhu cầu của nhà tuyển dụng, nhấn mạnh đến kiến thức thực hành nghề nghiệp và được xây dựng tuân thủ theo quy định của Nhà trường.

Ma trận hiện thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình đào tạo.

Tất cả đề cương chi tiết học phần của ngành Công tác xã hội được biên soạn dựa trên năng lực và kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên rất đầy đủ và cẩn thận, theo ý kiến phản hồi của các bên liên quan, có tham khảo các cơ sở giáo dục ở trong nước, thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CĐR của chương trình.

Các đề cương chi tiết học phần đáp ứng xu thế phát triển hiện nay về một đội ngũ nhân viên công tác xã hội được đào tạo chuyên nghiệp và cung cấp được các dịch vụ xã hội cho các nhóm yếu thế.

Đa số các học phần đều giới thiệu một tài liệu tham khảo chính. Tài liệu tham khảo chính là các sách nổi tiếng hoặc các giáo trình của các giảng viên giàu kinh nghiệm và giỏi nghề biên soạn.

Mọi thông tin liên quan đến học phần như mục tiêu, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành Công tác xã hội được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, các đơn vị sử dụng lao động, các bậc phụ huynh dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin, đồng thời có thể góp ý, xây dựng để Khoa có nhiều thông tin rà soát và sửa đổi CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

### **1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Chương trình dạy học được thiết kế có tính khoa học, tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý và dựa trên CĐR. Mỗi quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của chương trình dạy học. Các CĐR được xây dựng rõ ràng, dễ đo lường nên chương trình dạy học được vận dụng hiệu quả, có hệ thống và được sự thống nhất của các giảng viên trong Khoa. Chương trình dạy học chú trọng đến tính logic của các học phần nhằm đảm bảo cho sinh viên được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ đại cương đến cơ sở và đến chuyên sâu, từ khối kiến thức rộng đến kiến thức ngành hẹp.

Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CĐR của CTĐT. Các học phần đều nêu rõ thời gian tự học của sinh viên, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu để học tập suốt đời từ đó sinh viên có thể tiếp cận, lĩnh hội kiến thức một cách đầy đủ, dễ dàng, thuận lợi hơn và đạt được như mục tiêu CĐR của học phần yêu cầu. Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Chương trình dạy học ngành Công tác xã hội khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

#### **1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn cũng như mục tiêu CĐR chương trình đào tạo ngành CTXH đã được công bố rõ ràng và phổ biến sâu rộng tới người học, giảng viên, trong cộng đồng và toàn xã hội.

Đội ngũ giảng viên của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức cũng như kỹ năng kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên có cơ hội được lĩnh thụ tri thức nghề nghiệp, tập trung vào nhu cầu và nguyện vọng của người học.

Ngành CTXH đã lựa chọn và thiết kế chương trình dạy học hiệu quả. Khởi đầu trong sinh viên hứng thú học tập và gắn bó với ngành học. Nhà trường và Khoa đã xây dựng cho người học các hoạt động mang tính chuyên môn... đã góp phần tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng tự học.

#### **1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

Các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học căn cứ vào các mức độ đạt được của CĐR và được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CĐR của CTĐT.

Hệ thống văn bản đã được Nhà trường cung cấp đầy đủ bao gồm các quy định về việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách rõ ràng và được thông báo công khai tới sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với sinh viên ngay từ đầu năm học và khi bắt đầu học các học phần.

Toàn bộ giảng viên của ngành CTXH đều thực hiện việc thông báo quy định. Đánh giá sinh viên ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Trước khi thi, những nội dung về quy chế thi lần nữa và quán triệt ngay trước khi thi kết thúc học kì.

Bộ phận trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo đại học của Trường, các CVHT trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập vì vậy kết quả học tập được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể.

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường, Khoa đều thực hiện khảo sát ý kiến của sinh viên về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập và được sinh viên đánh giá tốt.

Phương pháp kiểm tra đã giúp việc đánh giá theo các mức độ CDR hiệu quả hơn.

Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên tin cậy và công bằng.

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Sinh viên được cấp tài khoản riêng, đảm bảo việc thông báo kết quả học tập nhanh chóng, tiện lợi và riêng tư.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

Quy trình khiếu nại được công bố rộng rãi, người học dễ dàng tiếp cận và thực hiện khi cần. Khoa đã kịp thời giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường.

#### **1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Trường ĐHQN có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường. Trên cơ sở quy định các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và trình độ về tin học, ngoại ngữ. Nhiều giảng viên được tuyển dụng đã và đang được đào tạo sau đại học ở các trường đại học có uy tín. Khoa KHXH & NV đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH.

Ngoài tham gia giảng dạy tại Trường, một số giảng viên còn tham gia công tác đào tạo tại các trường Đại học và các cơ sở giáo dục ở khu vực miền Trung Tây nguyên.

Tỷ lệ người học/giảng viên thấp hơn so với quy định. Khối lượng công việc của từng giảng viên trong Khoa được xác định rõ ràng, hợp lí và được giám sát bởi

các đơn vị chức năng trong Nhà trường. Điều này đã góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đó, hằng năm các cán bộ GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo quy định.

Công tác đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm được Nhà Trường và Khoa thực hiện nghiêm túc và đánh giá chính xác năng lực của giảng viên thông qua sự đa dạng về hình thức đánh giá và ở nhiều cấp độ khác nhau. Hầu hết giảng viên của Khoa có kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích giảng viên, chuyên viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Vì vậy nhiều giảng viên của Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen của Công đoàn ngành Giáo dục, ... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

Đội ngũ giảng viên Khoa KHXH & NV đã tham gia rất nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, hội thảo trong nước và quốc tế có uy tín, tham gia các dự án nghiên cứu, xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo để phục vụ đào tạo. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT.

### **1.7. Đội ngũ nhân viên**

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên thực tế, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa KHXH & NV có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch, thông báo và kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai,



minh bạch.

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường nói chung và của Khoa KHXH & NV nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

### **1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Chính sách tuyển sinh của KHXH&NV luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên trên website của Trường ĐHQN, website của khoa và một số địa chỉ khác. Từ đó, người học luôn có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác.

Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và bổ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các học phần phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Ban chủ nhiệm khoa, trợ lý khoa và cố vấn học tập thường xuyên hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho sinh viên trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập.

Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng mềm trong học tập và trong cuộc sống.

Với cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại, vị trí địa lý thích hợp, trường ĐHQN luôn đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học, vui chơi, sinh hoạt và rèn luyện kỹ năng của người học.

Môi trường học tập lành mạnh, đầy tính nhân văn, công tác an ninh, an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo giúp sinh viên luôn yên tâm để học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện.

Khi học tập tại Khoa KHXH&NV, sinh viên sẽ được sống trong một môi trường đầy tính nhân văn.

### **1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Phòng làm việc và phòng học và các phòng chức năng của Khoa được trang bị các thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa KHXH & NV. Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch sửa chữa và nâng cấp các trang thiết bị.

Giảng viên Khoa KHXH & NV và Thư viện luôn có ý thức trách nhiệm về việc đầu tư xây dựng nguồn học liệu để phục vụ công tác đào tạo giúp cho giảng viên và sinh viên có nhiều thuận lợi trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Khoa và Nhà trường thường xuyên phối hợp với các cơ sở và tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định để tạo môi trường thực hành và góp phần nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho sinh viên.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên. Năm học 2020 -2021 nhà Trường đã chế tạo ra máy sát khuẩn tự động chung tay phòng chống dịch Covid 19. Đồng thời có văn bản chỉ đạo gửi các đơn vị về phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút.

Trạm Y tế của Trường đáp ứng tốt nhu cầu y tế ban đầu của cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên; Định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và sinh viên; phun thuốc diệt côn trùng, có nhiều biện pháp phòng chống dịch bệnh.

### **1.10. Nâng cao chất lượng**

Khoa KHXH & NV thường xuyên chủ động lấy ý kiến phản hồi về CTĐT thông qua nhiều hình thức như gặp trực tiếp, gửi bảng khảo sát online, và nhận được nhiều ý kiến, góp ý quý báu từ cựu SV, GV, nhà tuyển dụng để có sự điều chỉnh chương trình đáp ứng nhu cầu xã hội.

Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm về học tốt giữa các sinh viên đang học và cựu SV đã tốt nghiệp đi làm vào đầu mỗi năm học. Thông qua những buổi tọa đàm đó, Khoa nhận được rất nhiều ý kiến về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của giáo viên, cũng như nhu cầu của người học, từ đó có định hướng, giải pháp điều chỉnh kịp thời cho năm học kế tiếp.

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiến hành xây dựng mạng lưới liên kết chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng CTĐT và có các văn bản ghi nhớ trong hợp tác hướng dẫn thực hành, thực tập cho SV.

Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo, xây dựng CTDH, CTĐT, CDR trong lộ trình những năm tiếp theo.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến CTĐT, CTDH được thực hiện khoảng 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất của Trường Đại học Quy Nhơn. Các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia của nhiều cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng.

Việc kiểm tra, đánh giá về ngành CTXH được thiết kế và tổ chức thực hiện thường xuyên, có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc với sự tham gia của cán bộ, GV, SV, nhà tuyển dụng. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành

Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trên mỗi giảng viên ngày càng tăng so với các năm trước, đạt chuẩn quy định hằng năm của Nhà trường như so với tiêu chuẩn quy định của Trường trong việc thực hiện nhiệm vụ NCKH.

Các đề tài nghiên cứu khoa học, bài tạp chí đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu một số bài NC được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

Phong trào NCKH trong SV được chú trọng, nhiều SV, nhóm SV đã tích cực tham gia NCKH và đạt yêu cầu về nội dung và tiến độ nghiên cứu.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được Khoa KHXH&NV, Tổ bộ môn CTXH phối hợp với các Phòng ban trong Nhà trường tiến hành khảo sát

thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan, đề xuất các ý kiến để Nhà trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ quá trình đào tạo. Giảng viên ngành Công tác xã hội đã có sự cập nhật, điều chỉnh về tài liệu, bài giảng phục vụ quá trình học tập của sinh viên

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

### **1.11. Kết quả đầu ra**

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, SV thôi học, SV tốt nghiệp được kịp thời và chính xác.

Các CVHT, trợ lý đào tạo của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua CVHT từ những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên lãnh đạo Khoa và Nhà trường để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh.

Trường Đại học Quy Nhơn đã có đơn vị phụ trách về khảo sát ý kiến phản hồi của người học, các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng; khảo sát về tình hình có việc làm và chưa có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường. Hằng năm có tổ chức ngày hội việc làm để hỗ trợ thông tin cần thiết về việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường, Khoa luôn tạo điều kiện nhằm khuyến khích sinh viên tham gia NCKH. Hằng năm có tổ chức các chương trình khởi nghiệp để sinh viên có cơ hội được tham gia nghiên cứu, phát triển kỹ năng sáng tạo.

CTĐT và CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nhiều hình thức thực chất. Đa số các bên liên quan hài lòng về CTĐT và CDR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

## **2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Mục tiêu của CTĐT khi xây dựng chưa được đối sánh với các CTĐT tiên tiến trên thế giới nên tính linh hoạt và cập nhật chưa cao.

Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CDR của CTĐT chưa được tiến hành thường xuyên theo từng năm học.

Chưa tổ chức được hội thảo để lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng CDR của CTĐT.

Số lượng cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động tham gia khảo sát để góp ý cho CDR và CTĐT còn ít.

Hình thức công khai CDR của CTĐT chưa đa dạng, chủ yếu là thông qua trang web của Khoa.

Khoa sẽ tăng cường hơn nữa việc công khai CDR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn như phổ biến vào đầu năm học, các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt chuyên đề, tư vấn tuyển sinh, thông qua bản tin, tờ rơi... để sinh viên nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động.

### **2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để góp ý cho CTĐT còn chưa thường xuyên theo từng năm học; số lượng ý kiến còn ít; hình thức lấy ý kiến còn đơn điệu; hình thức trình bày bảng khảo sát thiếu hấp dẫn; chưa lấy được ý kiến góp ý của các nhà khoa học, nhà quản lý ở các cơ sở đào tạo; của nhà tuyển dụng ở các tổ chức phi chính phủ (NGOs).

Một số đề cương còn ít tài liệu tham khảo là các tạp chí chuyên ngành, các công trình nghiên cứu, giáo trình điện tử. Rất ít đề cương có tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài.

Việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các học phần chưa được thực hiện với số lượng lớn.

Khoa đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan khi CTĐT khảo sát về CDR của CTĐT nhưng chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi về đề cương chi tiết học phần ngành công tác xã hội. Việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan cũng chưa đảm bảo số lượng người tham gia khảo sát cũng như phạm vi khảo sát.

Việc nâng cấp hệ thống website của Nhà trường nhiều lần làm mất đi các công bố CTĐT trên trang web của khoa (<http://tlgd&ctxh.qnu.edu.vn>) những năm trước đây. Điều này ảnh hưởng đến việc đối chiếu so sánh các CTĐT cũ và mới. Việc sáp nhập khoa TLGD&CTXH vào khoa KHXH&NV vào năm 2019 cũng làm mất đi các công bố trên website của khoa TLGD&CTXH. Vì vậy thiếu cơ sở dữ liệu để minh chứng cho bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết công bố trên website.

### **2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Khi xây dựng chương trình dạy học ngành Công tác xã hội, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên nhưng không thường xuyên, số lượng người lấy ý kiến ít và quy mô khảo sát hẹp; thiếu sự tham gia của các chuyên gia trong một số lĩnh vực công tác xã hội cụ thể khi xây dựng chương trình dạy học. Do vậy, chương trình dạy học ngành Công tác xã hội phần nào còn hạn chế chưa đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường lao động.

Ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CDR chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc đề cương chi tiết học phần trong CTĐT.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho việc điều chỉnh chương trình dạy học ngành Công tác xã hội còn chưa thực hiện liên tục, do đó trong chương trình dạy học vẫn còn một số học phần có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động nghề Công tác xã hội.

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình dạy học dựa trên các khảo sát về người tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, người học, người dạy... để điều chỉnh, bổ sung một số học phần trong chương trình dạy học theo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, của thị trường lao động.

Song song với việc lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình dạy học, Khoa cũng tham khảo các chương trình đào tạo, chương trình dạy học ngành Công tác xã hội tiên tiến trên thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Công tác xã hội theo hướng chuyên nghiệp.

#### **2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên,... đối với mục tiêu giáo dục có vai trò rất quan trọng, tuy nhiên, công tác này chưa được tiến hành thường xuyên, rộng khắp và kết nối với yêu cầu đào tạo nhân lực từ thực tiễn xã hội.

Cơ sở vật chất trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, chất lượng đầu vào của sinh viên còn thấp nên tạo rào cản cho quá trình dạy và học.

Đối với hoạt động NCKH nguồn kinh phí còn hạn chế nên chưa lôi cuốn được nhiều sinh viên tham gia

#### **2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

Tuy đã nhấn mạnh yêu cầu đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CĐR đối với các học phần chuyên ngành, nhưng chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để từ đó phân loại và đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách chính xác hơn.

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của sinh viên đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu kì học, được đăng tải trên trang web của Nhà trường, tuy nhiên việc phối hợp các kênh triển khai còn chưa thật sự đồng bộ. Vẫn còn tình trạng giảng viên trả kết quả thi cho sinh viên muộn. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký tín chỉ, kế hoạch học tập của sinh viên, đặc biệt đối với sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp.

Hình thức thi trắc nghiệm vẫn đáp chưa được triển khai.

Một số sinh viên chưa vẫn nắm rõ quyền khiếu nại và quy trình khiếu nại kết quả học tập.

#### **2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Hiện nay, giảng viên trẻ của Khoa KHXH & NV chiếm hơn 30%, kinh nghiệm giảng dạy còn có phần hạn chế. Nhiều giảng viên còn đang thời gian học nghiên cứu sinh nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và khó khăn cho việc tổ chức, triển khai các hoạt động ở Khoa.

Số lượng tuyển sinh hàng năm có chiều hướng giảm, nên việc phân công giờ giảng đảm bảo đủ chuẩn cho GV còn khó khăn.

Giảng viên ngoài việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học, còn tham gia nhiều hoạt động khác trong nhà trường như công tác công đoàn, đoàn thanh niên, hội sinh viên, cố vấn học tập... Tuy vậy, chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt để thu hút được nguồn giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

Trình độ ngoại ngữ của GV còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài.

Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham dự các hội nghị hội thảo, nghiên cứu khoa học,... còn hạn chế do nguồn kinh phí của Nhà trường không nhiều. Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa phù hợp. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết giảng viên đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

Hiện nay việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên về NCKH của Nhà trường vẫn chưa có mức khen thưởng cho những giảng viên có nhiều giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn nghiên cứu khoa học hàng năm và bảo lưu số giờ nghiên cứu khoa học cho một năm tiếp theo. Do vậy, việc khen thưởng chưa có sự khác biệt đối với giảng viên là tác giả chính, tác giả liên hệ của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

Số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn chưa nhiều.

Các công trình mang tính liên ngành với các Khoa khác trong Trường và các đơn vị ngoài trường còn chưa phong phú.

## **2.7. Đội ngũ nhân viên**

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên.

Việc khảo sát sự hài lòng sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân



viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, chưa khảo sát phản hồi của giảng viên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục.

## **2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Mặc dù có những ưu điểm nêu trên, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành CTXH yêu cầu ngày càng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số sinh viên không theo kịp CTĐT của Khoa.

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng kí nhập học không khớp với nhau, tỉ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp.

Một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chung chiếm thời lượng quá nhiều ngay từ năm thứ nhất. Điều đó làm cho người học giảm hứng thú học tập ngay thời gian mới nhập học.

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Sinh viên còn chưa tích cực, chủ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa, chưa mạnh dạn tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi mang tính học thuật.

Việc khảo sát tình trạng có việc làm của người học tốt nghiệp hằng năm chưa được thực hiện đầy đủ.

Không gian làm việc của khoa còn chật hẹp, chỉ có văn phòng khoa, dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ sinh viên, học viên cao học cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn cũng không được thoải mái.

Chưa có không gian làm thư viện khoa, các phòng nghiệp vụ để phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu cho học viên, sinh viên.

## **2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Các Bộ môn của Khoa KHXH & NV chưa được bố trí phòng làm việc riêng. Mặt khác văn phòng Khoa cũng là nơi tổ chức sinh hoạt chi bộ, họp khoa, họp bộ

môn, họp BCH Liên chi đoàn. Việc sử dụng chung Văn phòng Khoa để làm việc, làm hạn chế việc tối ưu hóa thời gian và chất lượng nghiên cứu của giảng viên.

Hoạt động của Thư viện chưa thật sự theo hướng hiện đại; một số tài liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo còn chưa cập nhật kịp thời. Nguồn học liệu tiếng nước ngoài của còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu quốc tế của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên.

Nhà trường và Khoa chưa có phòng nghiệp vụ đặc thù để tổ chức thực hành cho sinh viên ngành Công tác xã hội.

Chất lượng wifi ở một số khu vực giảng đường chưa được ổn định.

Máy chiếu, hệ thống đèn, quạt ở nhiều phòng học hay gặp sự cố, hoặc có phòng bố trí máy chiếu chưa hợp lý.

Nhà trường đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

#### **2.10. Nâng cao chất lượng**

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo đã được thực hiện, song mức độ thực hiện chưa được thường xuyên.

Khoa đã có mối liên kết với một số cơ sở xã hội, tổ chức tuyển dụng tại tỉnh Bình Định và một số tỉnh thành trong cả nước, song chưa có các văn bản ký kết chính thức.

Một số học phần mới được cập nhật chưa có giáo trình chính thống (CTXH với người dân tộc thiểu số, CTXH trong trường học, CTXH với vấn đề giới, CTXH với thanh niên, Đạo đức nghề công tác xã hội, Phương pháp nghiên cứu trong CTXH), các bài giảng chủ yếu được giảng viên biên soạn dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và từ các nguồn trên mạng internet.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến từ người học, đồng nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học.

Việc tổ chức dự giờ giảng của các giảng viên trong bộ môn chưa được thực hiện một cách thường xuyên

Chưa có sự đồng bộ về hình thức thu thập thông tin từ các bên có liên quan. Chẳng hạn, cần thực hiện đồng bộ bằng bảng khảo sát trực tuyến hoặc gửi bản giấy.

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

Chưa có nhiều đề tài nghiên cứu có quy mô lớn (cấp bộ, cấp tỉnh) để huy động sự tham gia của toàn bộ GV và người học; các bài tạp chí chủ yếu đăng trên các tạp chí trong nước, chưa có bài báo đăng ở tạp chí quốc tế. Tính ứng dụng của các NCKH vẫn còn hạn chế trong các chuyên đề, bài giảng cho SV.

Một số phòng học của chuyên ngành Công tác xã hội có trang thiết bị như máy chiếu, micro bị chập chờn, âm thanh chưa thực tốt gây khó khăn cho người dạy và người học. Một số NV phục vụ trên giảng đường chưa thực sự chuyên nghiệp.

Hiện nay ngành Công tác xã hội chưa có Phòng đọc sách dành cho SV; tài liệu giáo trình, các bài giảng về chuyên ngành CTXH còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học

Công việc cố vấn học tập chưa được thực hiện tốt nên nhiều SV gặp khó khăn trong việc đăng ký học phần và lập kế hoạch học tập cá nhân cho cả 4 năm học. Vì vậy, có một tỷ lệ nhỏ SV không hoàn thành được tiến độ học tập trong 4 năm. Bên cạnh đó, do hoạt động không chính thức nên chỉ một số ít SV được nhận sự trợ giúp tâm lý từ các thầy cô giáo trong khoa.

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

### **2.11. Kết quả đầu ra**

Đội ngũ CVHT của Khoa chưa phát huy hết khả năng tư vấn cho người học trong việc đăng ký học phần, học lại hoặc các điều kiện đủ chuẩn để xét tốt nghiệp.

SV chưa chủ động với kế hoạch học tập để hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ và tin học.

Trong quá trình đào tạo, một số SV bảo lưu kết quả học tập nên khi tiếp tục học lại đã bị lệch một số học phần do sự thay đổi CTĐT (CTĐT năm 2010 với CTĐT năm 2015 và 2018). Vì vậy, SV khó khăn trong việc tìm học phần thay thế phù hợp để đảm bảo đủ số lượng TC yêu cầu trong CTĐT ngành CTXH.

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, việc nắm bắt tình hình sinh viên có việc làm vẫn có những tồn tại nhất định. Đó là việc khảo sát nhu cầu của thị trường và

khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp đang ở diện hẹp; công tác tư vấn việc làm cho người học đang còn hạn chế. Nhà trường và Khoa chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ người học người tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong cả nước.

Tỷ lệ SV ngành Công tác xã hội tham gia NCKH chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành đào tạo.

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, khoa, ngành còn gặp nhiều khó khăn. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo**

#### **3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KHXH&NV sẽ tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động về các nội dung cụ thể của mục tiêu bằng cả hai hình thức là thông qua phiếu khảo sát và tổ chức hội thảo để lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội ngày càng cao về đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đặc thù như công tác xã hội trường học, bệnh viện, các cơ sở xã hội...

Mục tiêu của CTĐT ngành Công tác xã hội sẽ được Khoa tiếp tục cập nhật trong các năm tiếp theo các nội dung mới cho hòa nhập và bắt kịp với xu thế phát triển ngành Công tác xã hội trên thế giới trên cơ sở tham khảo, đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong trên thế giới.

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan về CDR của CTĐT trên hệ thống website, trang facebook của Khoa KHXH&NV một cách đều đặn và thường xuyên theo từng năm học.

Cũng trong năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tổ chức một hội thảo với khách mời là đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành, đoàn thể, cơ sở xã hội, trường học, bệnh viện... để lắng nghe ý kiến phản hồi, góp ý về CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội. Trên cơ sở đó Khoa sẽ điều chỉnh, bổ sung để CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội được cập nhật, phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường lao động.

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan về CDR và CTĐT với số lượng nhà tuyển dụng và cựu sinh viên tham gia khảo sát nhiều hơn. Khoa sẽ thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động về CDR trên hệ thống website, trang facebook Khoa KHXH&NV một cách đều đặn và thường xuyên hơn.

Khoa sẽ tăng cường hơn nữa việc công khai CDR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn như phổ biến vào đầu năm học, các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt chuyên đề, tư vấn tuyển sinh, thông qua bản tin, tờ rơi... để sinh viên nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động.

### **3. 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV tiếp tục tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và lấy thêm ý kiến của nhà quản lý, nhà khoa học, nhà tuyển dụng ở các tổ chức phi chính phủ (NGOs). Lấy số lượng ý kiến nhiều hơn và đổi mới hình thức lấy ý kiến phong phú, đa dạng và thuận lợi hơn như hình thức khảo sát trực tuyến, qua email, qua thư... Đổi mới hình thức và hệ thống câu hỏi trong bảng khảo sát mới mẻ và phong phú hơn. Đồng thời Khoa bắt đầu khảo sát các nhà tuyển dụng lao động, cựu người học, người dạy, người học, nhà khoa học, nhà quản lý về nội dung, chất lượng của các học phần để kịp thời sửa đổi, cập nhật CTĐT theo đúng quy định.

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị các giảng viên tiếp tục rà soát và cập nhật tài liệu giảng dạy mới và có giá trị, đặc biệt bổ sung tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tài liệu điện tử, các tạp chí chuyên ngành, các công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

Khoa cũng tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về đề cương chi tiết các học phần với số lượng người tham gia nhiều hơn, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động và cựu sinh viên.

Bên cạnh đó, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, thông tin thư viện, bổ sung đầy đủ các tài liệu học tập chuyên ngành cho sinh viên có thể tiếp cận dễ dàng.

Trong năm 2020, Khoa tiếp tục kết hợp với Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng của Nhà trường thay đổi hình thức, mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh

giá từ các nhà tuyển dụng (50 nhà tuyển dụng), giảng viên trong và ngoài khoa (25 giảng viên), cựu sinh viên (80 sinh viên), và sinh viên năm cuối (40 sinh viên) về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR của ngành Công tác xã hội. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo về hoạt động dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Ngoài ra, Nhà trường cũng đảm bảo an toàn dữ liệu về CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên hệ thống website của Nhà trường.

### **3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ tiếp tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung chương trình dạy học ngành Công tác xã hội dựa trên CDR theo định kỳ ít nhất 2 năm một lần với số lượng các bên liên quan tham gia nhiều hơn, đa dạng thành phần hơn, trong đó chú trọng đến ý kiến đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực công tác xã hội như chuyên gia trong lĩnh vực y tế, giáo dục, phòng chống thiên tai, buôn bán người... để tiến tới đưa vào chương trình dạy học một số lĩnh vực mới của ngành như công tác xã với nạn nhân buôn bán người; công tác xã hội với nạn nhân thiên tai... đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội và nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Công tác xã hội.

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình dạy học dựa trên các khảo sát về người tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, người học, người dạy... để điều chỉnh, bổ sung một số học phần trong chương trình dạy học theo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, của thị trường lao động.

Song song với việc lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình dạy học, Khoa cũng tham khảo các chương trình đào tạo, chương trình dạy học ngành Công tác xã hội tiên tiến trên thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Công tác xã hội theo hướng chuyên nghiệp.

### **3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV phối hợp với các phòng ban có liên quan sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin đào tạo, tăng cường việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ phía nhà tuyển dụng, giảng viên cũng như cựu sinh viên cho mục tiêu giáo dục của ngành CTXH.

Từ năm học 2020-2021, Khoa tập trung công tác hoàn thiện CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn; kiến nghị Nhà trường đáp ứng về trang thiết bị phục vụ dạy học đồng thời đẩy mạnh công tác tuyển sinh nhằm cải tiến chất lượng sinh viên đầu vào.

Khoa phối hợp với nhà trường tìm nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH của sinh viên.

### **3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

Từ tình hình thực tế đào tạo, Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm để đáp ứng CĐR; Khoa tiến hành tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi nhằm đánh giá được chính xác mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR. Xây dựng ngân hàng câu hỏi dữ liệu đề thi, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào ứng với CĐR của học phần, CĐR của CTĐT. Đặc biệt, tăng thêm số lượng học phần sử dụng hình thức thi vấn đáp, trắc nghiệm khách quan trong đánh giá cuối kỳ.

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ cập nhật chương trình, điều chỉnh đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập và sẽ thông báo cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu học phần đặc biệt đối với sinh viên năm thứ nhất. Đồng thời tiến hành điều chỉnh cách đánh giá thái độ của người học đặc biệt đối với các học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề nghiệp.

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tăng cường sử dụng website để đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục phối hợp thực hiện tốt hơn nữa quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo đồng bộ các kênh công khai và nhắc nhở giảng viên trong việc trả kết quả chấm thu đúng hạn.

Từ năm học 2019-2020, Nhà trường sẽ ban hành cụ thể hơn quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trong Sổ tay sinh viên nhằm giúp người học ghi nhớ dễ dàng hơn quy trình này. Đồng thời đa dạng hóa hơn nữa các hình thức giúp nâng cao ý thức của sinh viên trong việc khiếu nại kết quả học tập.

### **3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa KHXH & NV sẽ định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa. Lãnh đạo Khoa tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ giảng viên trẻ tiếp tục học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, Khoa kiến nghị với Nhà trường có chính sách thu hút nhân tài hợp lý, GV chủ động khắc phục những khó khăn riêng để nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khoa KHXH & NV cần nhắc trong việc phân công giờ giảng, đảm bảo GV giảng dạy đủ chuẩn và tích cực NCKH. Có kế hoạch mở ngành đào tạo mới; tăng cường hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh; xây dựng phát triển chương trình đào tạo đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội.

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH & NV chủ động đề xuất với Nhà trường về các tiêu chí để xác định và đánh giá năng lực của giảng viên một cách toàn diện. Cụ thể, bao gồm đầy đủ các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng,... Đồng thời, Khoa tạo mọi điều kiện cử giảng viên tham gia vào các lớp bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm và các lớp bồi dưỡng năng lực Tiếng Anh.

Khoa sẽ kiến nghị kịp thời về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc để giảng viên, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Từ năm học 2020-2021, Đề xuất với Nhà trường tiếp tục thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thực hiện các chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, công bằng và công khai.



Nhà trường nghiên cứu đưa ra quy định định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của giảng viên, về việc khen thưởng các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI. Đồng thời, Nhà trường cố gắng cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực cho giảng viên tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

Từ năm học 2020-2021, thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức khác nhau, Khoa sẽ đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa giảng viên của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa sẽ chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH nào có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

### **3.7. Đội ngũ nhân viên**

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ giảng viên và người học để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong những năm tiếp theo, Nhà trường hoàn thiện đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý hơn.

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thường xuyên, theo định kỳ nhằm có thêm cơ sở đánh giá chính xác năng lực của nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường.

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm (KPIs) để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

### **3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Để giải quyết những tồn tại nêu trên, từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH& NV sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học thực hiện một số công việc như sau:

Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh;

Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn, mỗi giảng viên trong khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết, và tích cực về khoa, ngành CTXH và các chuyên ngành khác của khoa. Từ đó người học, người tham gia có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành đào tạo của khoa nhằm tạo ra một kênh truyền thông về khoa từ người học;

Lãnh đạo Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học 2020 - 2021 và những năm học tiếp theo. Đặc biệt là có thể thu hút được ngày càng nhiều các học sinh giỏi, có năng lực và đam mê lĩnh vực khoa học xã hội vào học ngành CTXH.

Để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, trong kỳ tuyển sinh cho năm học 2020-2021, khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của nhà trường, trao đổi, thảo luận và đưa ra các giải pháp như sau:

- Đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào ngành CTXH một cách phù hợp;

- Theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh và can thiệp kịp thời;

- Có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

- Đề xuất Nhà trường cân đối lại CTĐT sao cho phù hợp, từ đó tạo khí thế học tập tốt hơn cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

Để cải tiến những tồn tại nêu trên, trong năm học 2020-2021, khoa sẽ thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài từ trường, khoa;

- Tăng cường các hoạt động ngoại khóa phù hợp để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên;

- Xây dựng tốt kênh liên lạc với các lớp đã ra trường, đặc biệt là ban cán sự lớp để thực hiện khảo sát tình trạng có việc làm của người học tốt nghiệp hằng năm.

- Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ với doanh nghiệp cần tăng cường liên kết với nhà tuyển dụng.

- Xây dựng kế hoạch và tiến hành tổ chức các chương trình đối thoại giữa sinh viên và ban chủ nhiệm khoa.

Trong năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV sẽ điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng bộ môn, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho mỗi cán bộ, giảng viên của khoa. Kiến nghị Nhà trường cấp thêm phòng ốc để làm thư viện, phòng nghiệp vụ phục vụ nhu cầu của sinh viên. Chỉ đạo và hỗ trợ Liên chi đoàn, Liên chi hội tổ chức nhiều hơn các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động rèn luyện kỹ năng. Đặc biệt là các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, các cuộc thi mang tính học thuật cho các chuyên ngành đào tạo của khoa nhằm tạo động lực thúc đẩy sinh viên đam mê học tập và nghiên cứu khoa học.

### **3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa KHXH và NV đề nghị Nhà trường bố trí cho mỗi Bộ môn 01 phòng nghiệp vụ với các trang thiết bị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của giảng viên.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường đầu tư kinh phí mua thêm những đầu sách mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực khoa học xã hội.

Cán bộ, giảng viên Khoa KHXH & NV tiếp tục biên soạn giáo trình, bổ sung, chỉnh sửa đề cương các học phần, cập nhật tài liệu mới, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa.

Đồng thời sẽ đề xuất với Nhà trường xây dựng nâng cấp phòng tư liệu của Khoa tạo điều kiện cho giảng viên, học viên, và sinh viên khai thác nguồn tư liệu.

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường triển khai việc cấp tài khoản cá nhân cho giảng viên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật thông tin cá nhân,

đồng thời, khi cần có thể truy xuất dữ liệu bài báo, công trình, quá trình công tác,... một cách nhanh chóng và chính xác.

Khoa đề nghị Nhà trường nâng cấp chất lượng wifi ở các khu vực còn yếu, nâng cấp hệ thống máy chiếu, đèn, quạt và loa ở nhiều phòng học.

Nhà trường triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### **3.10. Nâng cao chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiến hành xây dựng mạng lưới liên kết chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng CTĐT và có các văn bản ghi nhớ trong hợp tác hướng dẫn thực hành, thực tập cho SV.

Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo, xây dựng CTDH, CTĐT, CDR trong lộ trình những năm tiếp theo.

Khoa KHXH&NV sẽ chỉ đạo các tổ bộ môn CTXH đề xuất với Trường về cập nhật, bổ sung các tài liệu, giáo trình chính thống có trên thị trường hiện nay và biên soạn mới các học phần hiện chưa có bài giảng trong năm học 2020 – 2021.

Khoa KHXH&NV sẽ có kế hoạch mời các chuyên gia đầu ngành CTXH góp ý khi đánh giá, xây dựng CTĐT, CTDH nhằm đảm bảo tính khách quan, phù hợp với thực tiễn.

Trong những năm học 2020 – 2021 và chặng đường tiếp theo Khoa KHXH&NV và Tổ chuyên ngành Công tác xã hội sẽ tổ chức dự giờ giảng của các giảng viên trong bộ môn để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Xây dựng, hoàn thiện bộ câu hỏi khảo sát thông tin từ các bên liên quan; thống nhất về phương thức khảo sát để việc thống kê số liệu chính xác nhất.

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHXH&NV phối hợp với ngành Công tác xã hội cần tập trung nguồn lực đầu tư cho GV tham gia các đề tài, dự án lớn của Nhà nước, của Bộ GDĐT. Khoa, ngành có chính sách động viên khuyến khích GV tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

Khuyến khích SV, đặc biệt năm thứ hai trở đi tập tham gia nhiều hơn nữa NCKH do nhà trường phát động. Tổ chức các hội thi sáng kiến kinh nghiệm, các ý tưởng khởi nghiệp về nghề Công tác xã hội trong sinh viên.

Về giảng đường: Cần rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt.

Về tư liệu: Các cán bộ của khoa có cơ hội học tập, tham dự hội thảo ở nước ngoài sẽ tăng cường việc giới thiệu nguồn tài liệu mới để khoa cập nhật.

Từ năm học 2020-2021, tổ chuyên ngành Công tác xã hội xin ý kiến Khoa KHXH &NV bố trí, xây dựng một Phòng đọc có không gian phù hợp và có các giáo trình, tài liệu, bài giảng chuyên ngành CTXH để SV có cơ hội được học tập tốt nhất

Từ năm học 2020-2021, Khoa kiến nghị với Nhà trường có quy định rõ ràng về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người được khảo sát, đồng thời cập nhật, điều chỉnh các mẫu phản hồi và mở rộng đối tượng khảo sát (nhà quản lý giáo dục, cựu người học); kiến nghị Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp đánh giá, phân tích và xác thực thông tin phản hồi từ kênh chưa chính thống.

### **3.11. Kết quả đầu ra**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục theo dõi sát tình hình SV thôi học, tốt nghiệp để có biện pháp hỗ trợ người học kịp thời. Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT trong việc tư vấn, tìm hiểu năng lực người học để hướng dẫn người học đăng ký học phần phù hợp, bố trí thời gian hợp lý để hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học. Phối hợp kịp thời với gia đình SV để tăng cường sự quản lý, giáo dục ý thức cho SV.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ đề xuất các học phần thay thế cho các học phần không còn trong CTĐT hiện hành hoặc các học phần bị thay đổi số TC để cho SV bảo lưu được việc học thay thế khi quay trở lại tiếp tục học tập.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, từ năm học 2020 – 2021 và các năm học tiếp theo ngành Công tác xã hội sẽ tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp ở diện rộng và khảo sát vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp; thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học. Bên cạnh đó phối hợp với Nhà trường thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong nước.

Tỷ lệ SV ngành Công tác xã hội tham gia NCKH chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành đào tạo.

Khoa và ngành Công tác xã hội chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên với các ngành khác trong trường và các trường đại học trong nước.

Năm học 2020 - 2021, thực hiện việc tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho SV về tầm quan trọng của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các nhà giáo trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực cho SV trong Khoa đam mê NCKH.

Trong học 2020 - 2021, Khoa KHXH & NV, ngành CTXH sẽ phối hợp với Nhà trường, đặc biệt là phòng KT&BDCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

### **Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành CTXH**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Quy Nhơn

Mã: DQN

Tên CTĐT: Công tác xã hội

Mã CTĐT: 7760101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								4,33	3	100
Tiêu chí 3.1				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								4,80	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								5,00	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7						6				
<b>Tiêu chuẩn 7</b>								4,20	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5			3							
<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1				4				4,60	5	100
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1					5			5,40	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4						6				
Tiêu chí 9.5						6				
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1					5			4,83	6	100
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 11.2					5					



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,74</b>	<b>50</b>	<b>100</b>

Bình Định, ngày 29 tháng 9 năm 2020

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/08/2020

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHQN

Tiếng Anh: QNU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT

5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 056.3846156 Số fax: 0563846089

7. E-mail: [dqn@moet.edu.vn](mailto:dqn@moet.edu.vn) Website: [www.qnu.edu.vn](http://www.qnu.edu.vn)

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Tiếng Anh: DEPARTMENT OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIE

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KKHXH&NV

Tiếng Anh:

Tên trước đây (nếu có):

14. Tên CTĐT:

Tiếng Việt: Công tác xã hội

Tiếng Anh: Social work

15. Mã CTĐT: 7760101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 8 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

18. Số điện thoại liên hệ: 02563846834 Số fax:

19. E-mail: [khxhnv@qnu.edu.vn](mailto:khxhnv@qnu.edu.vn) Website: <http://www.khxhnv.qnu.edu.vn>

20. Năm thành lập Khoa/ Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2019 (theo Quyết định số 889/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN).

21. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

22. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

### **III. Giới thiệu khái quát về Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn**

23. Lịch sử phát triển

Thực hiện Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức, ngày 21 tháng 5 năm 2019, Trường Đại học Quy Nhơn đã quyết định thành lập Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn (trên cơ sở sáp nhập các Khoa: Ngữ văn, Lịch sử, Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội).

Trong xu thế phát triển đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội theo định hướng ứng dụng gắn liền với nghiên cứu thực nghiệm lấy nhân văn làm nền tảng, sự ra đời của khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn là một bước phát triển mới trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của Trường Đại học Quy Nhơn. Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn luôn bám sát mục tiêu đào tạo, hướng tới đạt chuẩn chất lượng với mục tiêu tất cả vì quyền lợi của người học. Sinh viên tốt nghiệp từ khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn sẽ đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi tiếp nhận công việc, có những kỹ năng làm việc thực tế và khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin.

Trong thời gian tới, khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn sẽ chú trọng công tác xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, xây dựng các nhóm nghiên cứu và triển khai các hướng nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực Ngữ văn, Lịch sử, Khu vực học, Văn học, Tâm lý, Giáo dục, Công tác xã hội...., chuyển giao kết quả nghiên cứu góp phần phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn hiện có 01 Trưởng khoa, 02 Phó Trưởng khoa; Hội đồng khoa gồm: Chủ tịch Hội đồng và 06 thành viên; 04 Bộ môn gồm: Ngữ văn, Lịch sử - Khu vực học; Tâm lý - Giáo dục, Công tác xã hội. Bên cạnh đó, Khoa còn có Chi bộ Đảng (đảng viên), Công đoàn bộ phận (công đoàn viên), Liên chi đoàn Thanh niên (đoàn viên) và Liên chi hội Sinh viên (hội viên). Đội ngũ giảng viên của Khoa ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao trình độ, chất lượng, được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp sư phạm tốt và tâm huyết với nghề. Hiện nay, Khoa có đội ngũ viên chức cơ hữu gồm có 47 giảng viên, chuyên viên (03 PGS, 19 Tiến sĩ, 24 Thạc sĩ, 01 Cử nhân).

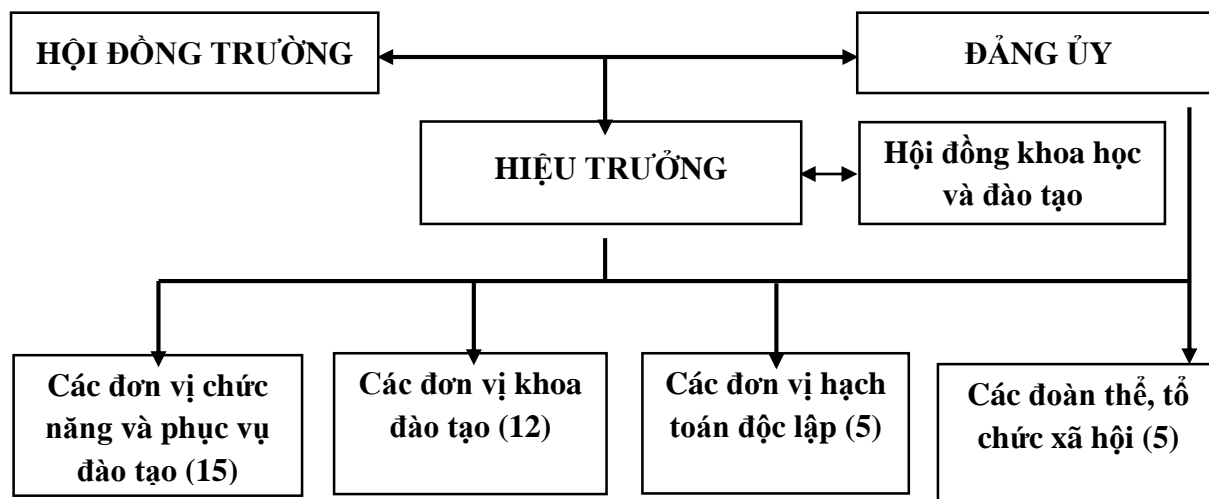
Trong gần 02 năm xây dựng và phát triển, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn đang đào tạo hơn 815 sinh viên hệ chính quy thuộc 6 ngành đào tạo là Văn học, Việt Nam học, Đông phương học, Tâm lý học giáo dục, Quản lý giáo dục và Công tác xã hội và 115 học viên hệ vừa học vừa làm ngành Công tác xã hội. Hiện nay đã có 154 sinh viên tốt nghiệp và được cấp bằng cử nhân (đợt 1). Khoa cũng đang đào tạo 291 học viên cao học thuộc 4 chuyên ngành đào tạo là Quản lý giáo dục, Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Lịch sử Việt Nam. Năm 2020 đã có 49 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ và được cấp bằng Thạc sỹ (đợt 1); 92 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ đợt 2.

Với các thành tích đạt được như trên, khoa KHXH&NV đã nhận được nhiều danh hiệu thi đua khen thưởng ở cấp tập thể và cá nhân như: giấy khen đạt thành tích Chi bộ trong sạch vững mạnh 201; danh hiệu “Công đoàn bộ phận xuất sắc”, có 06 cá nhân được Ban chấp hành Công đoàn trường tặng giấy khen, có 46 cá nhân đạt danh hiệu “công đoàn viên xuất sắc”; bằng khen của Tỉnh đoàn Bình Định nhân kỷ niệm 20 năm phong trào tình nguyện hè. Cũng trong năm học này, Liên chi đoàn có 11 đoàn viên được khen cấp Đoàn trường, 01 đoàn viên được khen cấp Tỉnh đoàn và 02 tập thể được khen cấp Đoàn trường, tập thể Liên chi đoàn được khen hoàn thành xuất sắc nhiệm. Liên chi Hội khoa KHXH&NV được khen thưởng cấp trường. Liên chi Hội có 01 hội viên được khen thưởng cấp Tỉnh hội, 02 tập thể và 12 cá nhân được khen thưởng cấp Hội sinh viên Trường, 01 tập thể và 01 cá nhân được khen thưởng nhiệm kỳ 2018-2020. Khoa KHXH&NV đạt danh hiệu thi đua Tập thể lao động tiên

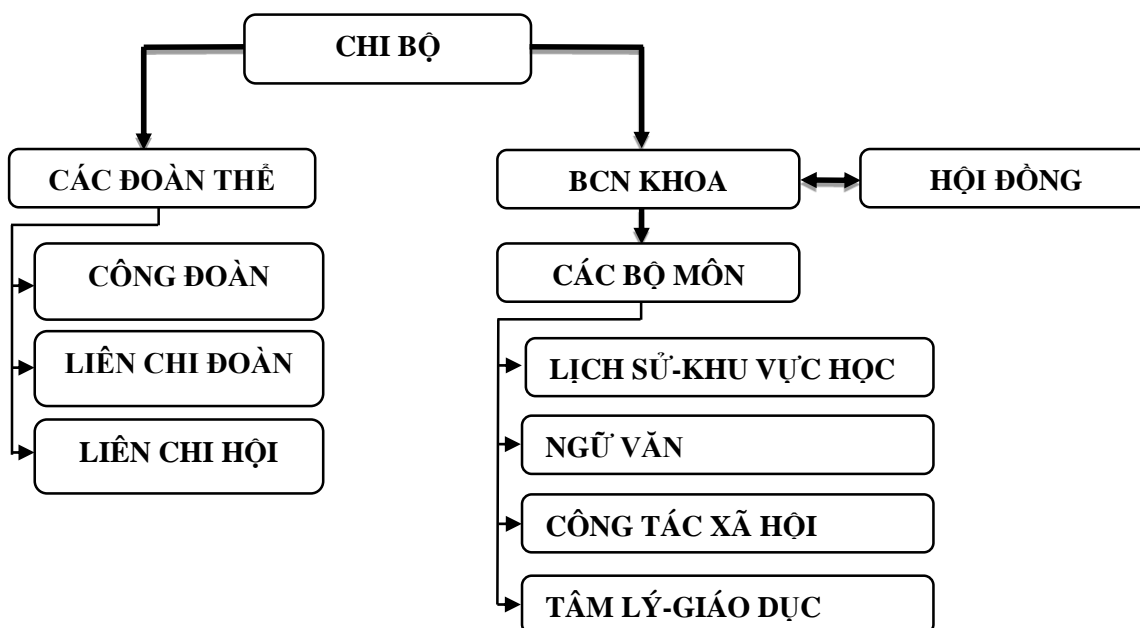
tiên; có 04 cá nhân được tặng giấy khen của Hiệu trưởng; 05 cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và 41 cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

24. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng)

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa KHXH & NV



25. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>						
1	Ban giám hiệu	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS, Hiệu trưởng	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2	Ban giám hiệu	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0903599502	nguyendinh hien@qnu.edu.vn
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>						
<b>I.</b>	<b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>					
1		Đình Anh Tuấn	1966	TS, Trưởng Khoa	0914.04.6673	<a href="mailto:dinhanhtuan@qnu.edu.vn">dinhanhtuan@qnu.edu.vn</a>
2		Võ Xuân Hào	1964	PGS. TS, Phó Trưởng Khoa	0914.038270	<a href="mailto:voxuanhao@qnu.edu.vn">voxuanhao@qnu.edu.vn</a>
3		Nguyễn Doãn Thuận	1983	TS, Phó Trưởng Khoa	0976.533783	<a href="mailto:nguyendoanhuan@qnu.edu.vn">nguyendoanhuan@qnu.edu.vn</a>
<b>II.</b>	<b>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>					
1	Chi bộ	Võ Minh Hải	1981	TS. Bí thư	0914035159	vominhhai@qnu.edu.vn
		Đình Anh Tuấn	1966	TS, Phó Bí thư	0914.04.6673	<a href="mailto:dinhanhtuan@qnu.edu.vn">dinhanhtuan@qnu.edu.vn</a>
		Trương Thị Dương	1978	TS, Chi Ủy viên	0913207841	truongthiduong@qnu.edu.vn

		Nguyễn Doãn Thuận	1983	TS, Chi Ủy viên	0976.533783	nguyendoant huan@qnu.e du.vn
		Trương Thanh Long	1990	ThS, Chi Ủy viên	0944157877	truongthanhl ong@qnu.ed u.vn
2	Công Đoàn	Trương Thị Dương	1978	TS, Chủ tịch công đoàn	0913207841	truongthiduo ng@qnu.edu .vn
		Ngô Thị Phương Trà	1982	ThS, Phó Chủ tịch CD	0983044800	ngothiphuon gtra@qnu.ed u.vn
		Nguyễn Thúy Linh	1979	ThS, Ủy viên	0905.694.198	nguyenthuy linh@qnu.ed u.vn
3	Liên chi đoàn thanh niên	Trương Thanh Long	1990	ThS, Bí thư	0944157877	truongthanhl ong@qnu.ed u.vn
4	Liên chi Hội sinh viên	Trương Thị Bích Liễu	1994	ThS, Liên chi hội trưởng	0386379637	truongthibic hlieu@qnu.e du.vn
III	Các phòng, ban					
1	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, GVC, Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh @qnu.edu.v n
2	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	1962	ThS, GVC, Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuuti en@qnu.edu .vn

3	Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	PGS.TS, GVCC, Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4	Phòng Công tác chính trị và sinh viên	Hồ Văn Phi	1967	TS, GVC, Trưởng phòng	0905021688	hovanphi@qnu.edu.vn
5	Phòng Cơ sở vật chất	Đoàn Đức Tùng	1972	TS, Trưởng phòng	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
6	Phòng Kế hoạch - Tài Chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN, Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1972	ThS, Trưởng phòng	0935603630	nguyenthiki moanh@qnu.edu.vn
8	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Hà Thanh Hải	1969	TS. Trưởng phòng	0983443902	<u>hathanhhai@qnu.edu.vn</u>
9	Phòng Hành chính -	Mai Xuân Miên	1961	TS. Trưởng phòng	0905291966	maixuanmien@qnu.edu.vn



	Tổng hợp					
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1972	PGS.TS, GVC, Trưởng phòng	0905110372	hoxuanquang@qnu.edu.vn
<b>III Các bộ môn</b>						
1	Lịch sử - Khu vực học	Nguyễn Thị Thanh Hương	1967	PGS. TS, Trưởng Bộ môn	0914240557	nguyenthithuuhong@qnu.edu.vn
2	Ngữ văn	Võ Minh Hải	1981	TS. Bí thư	0914035159	vominhhai@qnu.edu.vn
3	Công tác xã hội	Phan Thị Kim Dung	1981	TS, Trưởng Bộ môn	0989678133	<u>phanthikimdung@qnu.edu.vn</u>
4	Tâm lý - Giáo dục	Nguyễn Lê Hà	1971	TS, Trưởng Bộ môn	0973177789	nguyenleha@qnu.edu.vn

26. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa KHXH & NV:

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 04

Số lượng ngành đào tạo đại học: 06

27. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

28. Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 10

**IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện

CTĐT:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	23	24	47
I.1	Cán bộ trong biên chế	23	24	47
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	23	24	47

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	Ghi chú
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3	3	0	0	0	

3	Tiến sĩ	19	19	0	0	0	
4	Thạc sĩ	22	22	0	0	0	
5	Đại học	0	0	0	0	0	
	Tổng số	44	44	0	0	0	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 44 người

Tỷ lệ % giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3,0	3	3	0	0	0	9,0
3	Tiến sĩ	2,0	19	19	0	0	0	38,0
4	Thạc sĩ	1,0	22	22	0	0	0	22,0
5	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0,0
	Tổng số		44	44	0	0	0	69,0

Cách tính: cột 9 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 +0,3\*cột 7 +0,2\* cột 8)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0,0	0	0			0		
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3	6,8	2	1		0	0	2	1
3	Tiến sĩ	19	43,2	11	8	0	13	2	4	0
4	Thạc sĩ	22	50,0	10	12	3	14	2	3	0
5	Đại học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	44	100,0	23	21	3	27	4	9	1

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu:

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $22/44=50\%$

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $22/44= 50\%$

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0,0	75,0
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	9,1	15,9
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	27,3	6,8
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	54,5	2,3
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	9,1	0,0
	Tổng	100,0	100,0

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh  
 Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

*Số lượng sinh viên ngành Công tác xã hội trong 05 năm học gần đây*

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	112	68	1,65	58	15	18.33	0
2016-2017	185	93	1,99	56	15	16.9	0
2017-2018	610	291	2,10	100	15.5	19	0
2018-2019	454	291	1,56	63	14	17.6	0

2019-2020	388	190	2,04	45	14	17.6	1
-----------	-----	-----	------	----	----	------	---

36. Thống kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	45	62	0	97	56
Hệ không chính quy	54	0	0	90	30
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: 01 *Đơn vị: người*

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,0	0,0	0,0	0,0	0,5

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	160	149	194	247	215
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	11	12	17	98	94
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	2,7m <sup>2</sup> /người	4m <sup>2</sup> /người	4m <sup>2</sup> /người	4m <sup>2</sup> /người	4m <sup>2</sup> /người

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng(người)	0	0	5	0	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0	0	5%	0	4,4%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	68	49	0	45	42
Hệ không chính quy	0	54	0	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1	Số lượng người học tốt nghiệp	36	68	51	0	45
2	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	92,3%	93,2%	98,1%	0	77,6%
3	3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					



	<p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
3.1	3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			80,2		45,0
3.2	3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	12,5		14,7		23,9
3.3	3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0,0		0,0		3,5
4	<p>4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p>					

	B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
	4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
	- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	72,5		74,0		82,0
	- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	34,0		25,3		12,5
	4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	6,0		5,6		5,2
	4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	3,8 triệu		4,2 triệu		4,5 triệu
	5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					

5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	80,2		70,0		73,5
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	50,6		45,2		40,0
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	5,0		4,0		3,0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng quy đổi
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0	0	0
0	Đề tài cấp Bộ*	0	0	0	0	0	0	0

3	Đề tài cấp trường	0	0	0	1	1	0	0
	Tổng	0	0	0	1	1	0	0

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 31

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $31/40=0,775$

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2014	0	0	0
2	2015	0	0	0
3	2016	0	0	0
4	2017	0	0	0
5	2018	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				

Tổng số cán bộ tham gia				
-------------------------	--	--	--	--

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	0	
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	0	1	0	0

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	5	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0

Tổng số cán bộ tham gia	5	0	0	0
-------------------------	---	---	---	---

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5						
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0		13	2	2		0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng							

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi):

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài			

Từ 6 đến 10 bài			
Từ 11 đến 15 bài			
Trên 15 bài			
Tổng			

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Hội thảo quốc tế							
2	Hội thảo trong nước							
3	Hội thảo cấp trường							
	Tổng							

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 27

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 27/42 ~ 0,64

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường

Từ 1 đến 5 báo cáo			
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia			

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

### 51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014-2015	

### 52. Nghiên cứu khoa học của người học

Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0		
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0		
Trên 6 đề tài	0	0		
Tổng số người học tham gia	0	0		

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

### 52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)



TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017.- 2018	2018- 2019
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

Cơ sở vật chất, thư viện

Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 240.112 m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 130.610 m<sup>2</sup>.

Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

Nơi làm việc: 6.855 m<sup>2</sup>, Nơi học: 36.416 m<sup>2</sup>, Nơi vui chơi giải trí: 18.905m<sup>2</sup>.

Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>):

Tổng diện tích phòng học: 25.748 m<sup>2</sup>

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,8 m<sup>2</sup>/người

Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Tư liệu: 1.890

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 3.040.

Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:8

Dùng cho hệ thống văn phòng: 8

Dùng cho người học tập:

Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 44

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $19/44= 42,2\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $22/44= 50\%$

Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 260

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên:  $260/44=5,9$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào:

Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo:

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 4 triệu VNĐ

Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Cơ sở vật chất: Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4 m<sup>2</sup>/người học.